

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy

ISSN 1145-9557 - Số 192 - Năm thứ 18, tháng 05-2005



Xã luận

BA MƯƠI NĂM, MỘT KẾT LUẬN

Ba mươi năm sau ngày 30-4-1975, một câu hỏi phải được đặt ra và cần được trả lời. Tại sao vẫn chưa có được một tổ chức dân chủ lớn ?

Bất mãn và phẫn nộ chắc chắn là rất nhiều và chính đáng. Hàng triệu người đã bỏ nước ra đi, chấp nhận làm mồi ngon cho hải tặc và biển cả chứ không sống dưới chế độ cộng sản. Đảng cộng sản đã cư xử như một lực lượng chiếm đóng đối với miền Nam, bỏ tù hàng loạt, hạ nhục tập thể và cướp đoạt tài sản. Nó đã đưa đất nước đến kiệt quệ và đói khổ sau hơn mười năm cầm quyền trước khi bắt buộc phải "đổi mới" vì phong trào cộng sản thế giới sụp đổ. Từ đó nó thiết lập một chế độ tham nhũng, bao dung đối với bọn lưu manh nhưng tàn nhẫn đối với những người dân chủ và các tu sĩ, hống hách đối với người trong nước nhưng hèn nhát trước ngoại bang, không bảo đảm được công lý, trật tự, an ninh, không bảo vệ được môi trường, để cho bất công và chênh lệch giàu nghèo gia tăng một cách thách thức, dâng cả đất và biển cho Trung Quốc, im lặng cúi đầu khi ngư dân bị tàn sát trên biển cả. Tóm lại, chế độ này đã thất bại trên tất cả mọi phương diện và trong tất cả mọi địa hạt. Thế nhưng tại sao vẫn chưa có được một tập hợp dân chủ có tầm vóc ?

Có thể là dân tộc ta đã mệt mỏi về cả thể xác lẫn ý chí sau quá nhiều chịu đựng nhưng vẫn còn, và còn khá nhiều, những người muốn phấn đấu vì tương lai đất nước. Vấn đề là họ đã hoặc thiếu phương pháp hoặc thiếu can đảm để nhìn thẳng vào một sự thực là không thể giành thắng lợi cho dân chủ nếu không có một tổ chức dân chủ mạnh. Đây là một sự thực hiển nhiên nhưng khó khăn. Xây dựng một đội ngũ những người dân chủ lương thiện, có trí tuệ, có quyết tâm, có văn hóa tổ chức và có đồng thuận trên một dự án tương lai cho đất nước đòi hỏi rất nhiều bản lĩnh và kiên trì. Chính vì thế mà nhiều người đã bỏ cuộc, một số lớn hơn đã tự lừa dối mình trong cách làm chính trị kiểu nhân sĩ, trong những tuyên ngôn chung vào những thời điểm đặc biệt, trong những kết hợp lỏng lẻo và tạm bợ, hoặc trong những tổ chức ô hợp chỉ nhắm số lượng, bất chấp phẩm chất. Ba mươi năm qua đã chứng tỏ những hoạt động này chỉ là những cố gắng vô vọng để giải đáp một bài toán không có lời giải : làm thế nào để giành thắng lợi cho dân chủ mà không cần có một tổ chức dân chủ mạnh. Những động tác giả này không những làm mất thì giờ mà còn có hại bởi vì chúng ngăn cản sự tập trung chú ý vào việc bắt buộc phải làm : xây dựng một tổ chức dân chủ mạnh.

Thông Luận

SỨC MẠNH QUÂN SỰ CỦA TRUNG QUỐC

Từ vài năm trở lại đây, quyết tâm canh tân qui mô lực lượng quân sự của Trung Quốc để bắt kịp trình độ kỹ thuật tác chiến hiện đại đang biến thành hiện thực. Tháng 3-2005 vừa qua, quốc hội đã thông qua Luật chống ly khai và chấp nhận gia tăng ngân sách quốc phòng năm 2005 lên 247,7 tỷ CNY (30 tỷ USD), tăng 12,6% so với năm trước. Hai quyết định này gây nhiều lo ngại trên thế giới, nhất là Hoa Kỳ và các nước láng giềng châu Á.

Mọi người đều hiểu rằng Luật chống ly khai này nhằm vào Đài Loan, theo đó Trung Quốc sẽ dùng vũ lực nếu đảo này tuyên bố độc lập vào năm 2008, khi bản hiến pháp mới được chấp thuận sau cuộc trưng cầu dân ý. Trong thực tế đạo luật này nhắm vào các tỉnh lớn trong lục địa hơn là Đài Loan. Hiện nay khuynh hướng thoát ly của các tỉnh ven biển, vì quá giàu mạnh nên muốn tách khỏi sự kềm chế của Bắc Kinh, và các tỉnh Hồi giáo phía Tây, vì quá nghèo khó nên muốn thoát khỏi sự khống chế của văn hóa Trung Hoa, ngày càng lên cao có thể làm tan vỡ Trung Quốc.

Việc chấp nhận gia tăng ngân sách quốc phòng chỉ là sự hợp thức hóa ước muốn xây dựng và củng cố một nước Trung Quốc hùng mạnh mà mọi người đều đồng ý. Ước muốn này càng cao đối với ê-kíp cầm quyền Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo, cả hai đều còn trẻ và muốn thấy sự hồi sinh của nền văn hóa Đại Hán khi còn đương thời.

Nhưng ước muốn là một chuyện, thực hiện được hay không là một chuyện khác. Hiện nay tốc độ phát triển cao một cách tự phát đang vượt khỏi tầm tay những nhà lãnh đạo Trung Quốc : 8%, 9% hay 10%, không ai biết rõ, những con số đưa ra đều là phỏng đoán, có khi phóng đại. Nhiều vấn đề lớn đang đặt ra cho một quốc gia có gần 1,5 tỷ người. Chẳng hạn như làm sao tự do hóa xã hội Trung Quốc trong thời gian chuyển tiếp từ đây đến năm 2007 để thích hợp với những cam kết sau khi được gia nhập vào WTO ; giải quyết số lao động thừa như thế nào (khoảng 200 triệu người) sau đại hội Olympic (2008), Expo Thượng Hải và đập Tam Lũng Hiệp (2010). Ngoài ra còn rất nhiều vấn đề xã hội trầm trọng không kém khác là làm sao thuyết phục nông dân đóng thuế vào năm 2010 mà không gây xáo trộn xã hội, làm sao giải quyết gánh nặng nuôi dưỡng hơn 1/4 dân số (350 triệu người) trên 60 tuổi vào năm 2012 và bù đắp nạn thiếu phụ nữ (10 triệu người mỗi năm) do chính sách một con gây ra. Cũng nên biết vào năm 2020 sẽ có khoảng 500 triệu người (1/3 dân số) Trung Quốc trên 60 tuổi và nạn thiếu phụ nữ tiếp tục trầm trọng hơn.

Trước những vấn đề xã hội khó khăn và to lớn như vậy, sự gia tăng ngân sách quốc phòng có hợp lý hay không ? Đó là một câu hỏi dành cho các quốc gia phương Tây, tại Trung Quốc vấn đề không đặt ra như vậy. Khi đã giàu mạnh, Trung Quốc phải làm sao rửa được cái nhục thua kém vì bị các đế quốc phương Tây và Nhật sâu xé cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Trung Quốc đã gần như bắt kịp đà tiến bộ chung của thế giới vào cuối thế kỷ 20 và bây giờ muốn trở thành đại cường quốc quân sự vào đầu thế kỷ 21.

Chính vì thế, việc thống nhất với Đài Loan rất là quan trọng, nếu không bằng biện pháp hòa bình thì bằng vũ lực, do đó vai trò của quân đội càng thêm quan trọng. Nhưng Trung Quốc gặp một trở ngại lớn : Hoa Kỳ, cái dù che chắn của Đài Loan trước sự đe dọa của Trung Quốc.

So với Hoa Kỳ, quân đội Trung Quốc còn thua rất xa về mặt kỹ thuật, nhất là về các loại vũ khí tinh khôn IT, cũng như khả năng tác chiến ở những nơi xa lục địa, như Đài Loan, các hải đảo hay tại các quốc gia khác. Sự hiện diện của quân đội Mỹ tại những căn cứ trong vùng Trung Á càng làm cho Bắc Kinh lo ngại bị bao vây.

Quyết tâm canh tân quân đội chính vì thế là một trong những ưu tiên hàng đầu của ban lãnh đạo mới tại Bắc Kinh. Ban tham mưu của ê-kíp Hồ Cẩm Đào - Ôn Gia Bảo đang ngày đêm nghiên cứu phương án chuyển hóa quân đội từ cơ giới qua tin học. Đây là lãnh vực hoàn toàn mới đối với người Trung Quốc vì sự đông đảo và vũ khí nguyên tử ngày nay không còn là những yếu tố quyết định nữa.

Tiềm năng quân sự của Trung Quốc như thế nào ?

- Khả năng trả đũa bằng vũ khí nguyên tử của Trung Quốc đã lỗi thời : 30 hỏa tiễn liên lục địa có đầu đạn nguyên tử đặt trong những silô là những mục tiêu rất dễ bị tấn công khi có biến, lực lượng hỏa tiễn di động trên xe còn rất giới hạn, 70 hỏa tiễn nguyên tử tầm trung phân tán trên một vùng biên giới dài. Từ 1980 trở đi một số tàu ngầm cấp hạ được trang bị 12 đầu đạn nguyên tử tầm ngắn, nhưng khả năng di động của các loại tàu ngầm rất giới hạn. Năm 2010 Trung Quốc sẽ có khoảng 60 tàu ngầm có khả năng di chuyển xa và chở nhiều đầu đạn nguyên tử tầm xa.

- Lực lượng bộ binh Trung Quốc tuy rất đông (khoảng 1,7 triệu người với 12 quân đoàn, 440 sư đoàn, 15.200 đại bác, 7.200 chiến xa) nhưng khả năng chiến đấu rất yếu vì thiếu trang bị, sự di động rất giới hạn vì thiếu phương tiện.

- Trung Quốc có ba hạm đội (Bắc Hải, Đông Hải và Nam Hải) với 1.900 tàu chiến (trọng tải tổng cộng 930.000 tấn), trong đó có 70 tàu ngầm, 63 khu trục hạm, 100 tàu đổ bộ, 540 máy bay với hai lữ đoàn thủy quân lục chiến nhưng trang bị còn rất lạc hậu.

- Trung Quốc có 7 lữ đoàn không quân, 100 phi trường lớn nhỏ, 2.570 máy bay chiến đấu (khoảng 230 máy bay đời mới SU-27, SU-30/32 MK, số còn lại không thể đổi đầu với các loại Mirage và F-35 của Đài Loan).

Tất cả những trang bị vũ khí tối tân nhất của Trung Quốc đều mua từ Nga : tàu ngầm, chiến hạm, chiến đấu cơ, oanh tạc cơ, trực thăng, hệ thống truyền tin GPS... Với những trang bị hiện nay, trong nhất thời quân đội Trung Quốc chưa đủ khả năng tấn công hay đổ bộ vào Đài Loan.

Hơn nữa, trong số 247,7 tỷ nguyên dành cho ngân sách năm 2005, 2/3 được dùng để mua những loại vũ khí mới nhất của Nga, số còn lại để trả tiền lương và hưu bổng cho quân nhân. Nói chung, Trung Quốc sẽ còn rất lâu mới bắt kịp sự chậm trễ so với các cường quốc phương Tây.

Nguyễn Minh (Tokyo)

Liên Hiệp Châu Âu :

ĐẦU TÀU LUI ?

Ngày 29-5 tới đây dân Pháp sẽ biểu quyết chấp nhận hay không bản dự thảo hiến pháp đầu tiên của Liên Hiệp Châu Âu qua trưng cầu dân ý.

Có nhiều khả năng cử tri Pháp sẽ biểu quyết chống. Các cuộc thăm dò dư luận cho thấy tỷ lệ Thuận và Chống rất thăng bằng. Tất cả đều có thể xảy ra. Nếu cử tri Pháp biểu quyết "chống" thì có nhiều triển vọng ba ngày sau cử tri Hòa Lan cũng sẽ bầu "chống". Hiện nay các cuộc thăm dò dư luận tại Hòa Lan cũng tỏ ra rất nghiêng ngả.

Việc Pháp chống hiến pháp sẽ là một cú phanh lớn cho cố gắng xây dựng Liên Hiệp Châu Âu, khởi sự từ hơn một nửa thế kỷ qua. Sau thế chiến II, các nhà tư tưởng chính trị nhận ra sự tai hại của chủ nghĩa dân tộc (nationalism) tại châu Âu. Hai cuộc thế chiến trong thế kỷ 20 vừa qua, làm thiệt hại hàng chục triệu người, đều xuất phát từ tranh giành đất đai và ảnh hưởng giữa hai nước lớn nhất tại lục địa châu Âu là Đức và Pháp. Những xung đột này càng vô lý vì biên giới các nước châu Âu rất mới và giả tạo, được thay đổi một cách tùy tiện do sự thỏa thuận giữa các vua chúa chứ không phản ánh một thực tại địa lý hay nhân văn nào. Cho đến thế kỷ thứ 10, châu Âu vẫn chỉ là một khối những lãnh địa nhỏ trong đế quốc của Charlemagne.

Ý kiến thành lập cộng đồng châu Âu chín muồi dần dần và một "thỏa ước châu Âu" được ký kết tại Roma năm 1957. Liên Hiệp Châu Âu được thành lập lúc ban đầu như một thị trường chung giữa sáu nước Tây Âu và được hoan nghênh nhiệt liệt. Người châu Âu coi đó như một bảo đảm hòa bình và một kết hợp cần thiết để làm đối trọng với sức mạnh áp đảo của Hoa Kỳ. Họ cũng rất ủng hộ cố gắng mở rộng và thống nhất châu Âu. Từ 6 nước lên 10 nước, rồi 15 nước và bây giờ là 25 nước. Nhưng từ đó nhiệt tình đối với sự thành lập Liên Hiệp Châu Âu giảm sút nhanh chóng.

Một trong những lý do chính đưa tới thất vọng là Pháp và Đức, hai nước đầu tàu của châu Âu, lâm vào trì trệ. Cả hai đều có tỷ lệ thất nghiệp trên 10%. Dân chúng hai nước này đổ lỗi cho Liên Hiệp Châu Âu và họ không hoàn toàn vô lý. Nhiều quyết định quan trọng, kể cả những quyết định về tài chánh, thuộc thẩm quyền Liên Hiệp Châu Âu chứ không còn thuộc các quốc gia nữa, và vì Liên Hiệp Châu Âu biểu quyết theo thể thức đồng thanh nên các quyết định rất khó đạt tới. Mặt khác, sự ra đời của Liên Hiệp Châu Âu cũng đã tạo ra một khuynh hướng xấu là chính phủ các nước thường đẩy cho các ủy ban chuyên ngành của Liên Hiệp Châu Âu lấy những quyết định nhứt nhối chung rồi cho đó là một bó buộc trong khi đó là những quyết định cần thiết cho chính họ, mà họ không dám lấy vì sợ mất lòng dân và mất phiếu.

Trong cuộc vận động thông qua bản dự thảo hiến pháp châu Âu, các chính đảng đứng đắn tại Pháp đều hô hào bỏ phiếu thuận, trong khi liên minh chống gồm đủ loại từ đảng cực hữu Lepen đến đảng cộng sản, qua các nhóm áp lực

và các chính khách my dân. Tất cả các nhóm chống đều có cùng một lập luận là Liên Hiệp Châu Âu sẽ là một gánh nặng cho Pháp, sẽ làm gia tăng số người di dân tới Pháp, sẽ làm mất công ăn việc làm vì một số cơ sở sản xuất sẽ được di chuyển sang các nước Đông Âu, v.v.

Những người lãnh đạo các chính đảng lớn cũng đã không trình bày vấn đề một cách thẳng thắn. Họ loay hoay biện luận rằng việc thành lập Liên Hiệp Châu Âu không có hại vì không làm mất chủ quyền quốc gia, v.v. Trong thực tế, Liên Hiệp Châu Âu là một đầu tư vào tương lai của một châu Âu lớn mạnh, hòa bình và phồn vinh nhưng trong hiện tại nó đòi hỏi một số hy sinh và cố gắng. Lý do khiến những người ủng hộ không dám trình bày vấn đề một cách thẳng thắn như vậy vì sợ mất phiếu trong các cuộc bầu cử sắp tới. Nhưng cũng phải nhìn nhận là ý thức trách nhiệm và cố gắng của người Pháp hiện nay đang xuống thấp. Trong lúc kinh tế nước Pháp đang gặp khó khăn thì cánh tả và các nghiệp đoàn xúi giục công nhân xuống đường đòi giảm giờ làm việc và tăng lương.

Một lý do khác khiến phe chống có thể thắng là cử tri Pháp bất mãn với chính quyền và các chính khách lớn vì tình trạng kinh tế khó khăn. Họ bầu "chống" bản dự thảo hiến pháp vì một lý do giản dị là các chính khách lớn kêu gọi bầu "thuận". Một người Pháp không biết bất mãn không phải là một người Pháp.

Nguyễn Văn Huy

Nguyệt san THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
Giá bán tại châu Âu : 35 EUR/năm.

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Kontonr: 0077708294 - Bankleitzahl: 50190000.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Anh : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

Tại Hoa Kỳ : Thông Luận, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Nguyen Ngoc Oanh* (báo Thông Luận).

Tại Úc : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (báo Thông Luận).

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG THÔNG LUẬN

Việc hồng y Joseph Ratzinger được bầu vào chức vụ giáo hoàng đã làm nhiều người thất vọng. Người ta mong có một giáo hoàng mới, trẻ trung và cấp tiến, để thay đổi lập trường của Gioan-Phaolô II mà nhiều người cho là quá bảo thủ.

Thật ra từ khi Gioan-Phaolô II ngã bệnh, nhiều người đã tiên đoán rằng Joseph Ratzinger sẽ là người có nhiều hy vọng nhất, hay lo âu nhất, để được bầu ra nắm giữ chức vụ điều khiển Giáo hội Công giáo. Lo âu vì chắc rằng trong số 115 vị hồng y tham dự cuộc bỏ phiếu kín lần thứ tư ngày 19-4-2005, không ai dám nghĩ rằng mình có đủ khả năng điều khiển một giáo hội đông đảo và phức tạp nhất trên thế giới. Người ta đã đoán đúng khi gánh nặng đó được đặt lên vai vị hồng y già nua gốc Đức 78 tuổi. Ratzinger nói rằng khi thấy có một số lớn phiếu dồn cho mình, ông đã lặng lẽ cầu xin Thiên Chúa đừng buộc ông nhận trọng trách đó nhưng "Thiên Chúa đã khước từ lời cầu xin của tôi".

Sở dĩ Joseph Ratzinger không tránh được chức vụ này vì ông là một vị hồng y sáng giá nhất. Trước hết ông được giáo hoàng cũ phong làm niên trưởng Hồng y đoàn. Ông nắm nhiều bộ trong nội các của Tòa Thánh, mà bộ quan trọng nhất là bộ Tín Lý và Đức Tin. Ông còn là người được Giáo hoàng tiền nhiệm hết lòng tin cậy, và là người có nhiều quyền hành thứ hai trong Tòa Thánh. Với những cương vị đó, ông quen biết hầu hết các vị hồng y. Ông cũng là người giúp cố giáo hoàng Gioan Phaolô II soạn thảo những văn kiện về chủ trương và lập trường của Tòa Thánh, mà nhiều người cho là quá bảo thủ, tuy nhiên chúng lại phù hợp với lập trường của các vị hồng y, mà đa số được phong tước dưới thời Gioan Phaolô II, tụ họp trong nhà thờ Sistina để bầu ra vị giáo hoàng mới.

Thật ra Joseph Ratzinger không đạt được 2/3 số phiếu theo luật bầu cử giáo hoàng. Cũng nên biết Gioan Phaolô II đã thay đổi luật bầu, và quy định rằng sau 33 lần bỏ phiếu mà không ai được 2/3 số phiếu thì người được đa số tương đối sẽ trúng cử. Tuy nhiên đến lần bầu thứ tư, khi Joseph Ratzinger được 77 trên 115 phiếu thì mọi người vỗ tay và đồng ý chấm dứt cuộc bỏ phiếu vì có kéo dài kết quả cũng sẽ không thay đổi là bao.

Vừa được bầu xong, Ratzinger xưng hiệu Biển Đức 16 (Benedict XVI, hay Benoit XVI). Sở dĩ có sự lựa chọn này là vì Ratzinger muốn noi gương giáo hoàng Biển Đức 15 trong thời thế chiến thứ nhất. Biển Đức 15 đã chống đối chiến tranh và nhất định không thiên về một phe lâm chiến nào; ông đã đưa ra những đề nghị chấm dứt chiến tranh và gìn giữ hòa bình cho thế giới. Tuy những đề nghị đó không được các chính phủ đương thời chấp nhận, nhưng sau đó đã được dùng làm nền tảng cho các nguyên tắc mà tổng thống Hoa Kỳ Woodrow Wilson đưa ra để thành lập Hội Quốc Liên. Cũng như Biển Đức 15, Biển Đức 16 xem việc hoạt động cho hòa bình là một trong những mục tiêu chính

của nhiệm kỳ mình.

Ước vọng thứ hai không kém phần quan trọng mà giáo hoàng Biển Đức 16 mong mỏi là được kết hợp với các giáo hội Thiên Chúa giáo khác, chào đón các tôn giáo bạn và những người có đức tin cũng như những người vô thần để "phát huy những đức tính tốt lành nơi con người cũng như trong xã hội".

Cũng như Gioan Phaolô II, giáo hoàng Biển Đức 16 cho rằng xã hội Âu-Mỹ đang trên đà thoái hóa vì từ bỏ tinh thần của Kinh Thánh (cả Cựu Ước lẫn Tân Ước) để chạy theo những thị hiếu thấp hèn, chỉ biết tiêu thụ và hưởng lạc. Ông cho rằng Âu châu đang chới bỏ đi sản văn hóa quý báu của mình, một nền văn hóa được hình thành do sự kết hợp một bên là tinh thần duy lý, sáng láng của văn minh Hy Lạp và La Mã, tinh hoa của trí tuệ, và một bên là lòng tôn sùng Thượng Đế của Kinh Thánh, của những mục tử cảm thông với sự huyền bí của Sáng tạo khi một mình đứng giữa cảnh bao la của đất trời trong sa mạc. Theo Biển Đức 16, lối sống sa đọa hiện tại của châu Âu đang biến con người thành nô lệ của vật chất, tiền bạc và thời thượng. Với ông, cũng như với Gioan Phaolô II, tự do đích thực chỉ có thể có được khi đi kèm với đức hạnh.

Cũng như khi còn làm hồng y, giáo hoàng Biển Đức 16 chắc chắn sẽ làm nhiều người, trong cũng như ngoài giáo hội Công giáo, bất mãn vì lập trường bảo thủ của ông. Tuy nhiên, có một điều mà ai cũng phải công nhận: ông là một người tận hiến cho lý tưởng tôn giáo của mình. Những thông điệp trong tương lai của ông sẽ xuất phát từ một tâm hồn yêu mến Thiên Chúa và nhân loại tha thiết, là tiếng nói của lương tâm, muốn thấy một thế giới hòa bình, nhân ái và hướng thượng.

Nguyễn Mừng (Champaign)

Tiểu sử giáo hoàng Benedict XVI

16-4-1927 ra đời tại Bayern, miền Nam nước Đức.

1951: thụ phong linh mục.

1962-1965: cố vấn thần học cho Vatican II.

1977: tổng giám mục địa phận München, được giáo hoàng John Paul II phong chức hồng y.

1981: bộ trưởng bộ Tín lý và Đức tin. Ông cấm phụ nữ được thụ phong linh mục, chống linh mục lập gia đình, chống đồng tính luyến ái...

1997: xuất bản quyển "Đời tôi - Kỷ niệm" bằng tiếng Pháp. Đây là một trong 38 quyển sách của ông đã được xuất bản.

2000: xuất bản quyển "Dominus Jesus" xác định vai trò độc tôn của Giáo hội Công giáo từ chối vai trò giáo hội của các cộng đồng Tin lành.

2004: cho rằng sẽ là một sai lầm lớn nếu chấp nhận Thổ Nhĩ Kỳ vào Liên Hiệp Châu Âu.

19-4-2005 được bầu làm giáo hoàng thứ 264.

CUỘC CHIẾN ĐẤU THỰC SỰ

Nguyễn Gia Kiểng

Ba mươi năm là thời gian của một thế hệ, và đối với Việt Nam, cũng dài bằng thời gian của cuộc nội chiến quốc-cộng 1945-1975. Một thế hệ đã sinh ra và lớn lên. Dân số Việt Nam đã tăng quá gấp đôi, từ 40 triệu lên 83 triệu. Những thanh niên sinh ra sau cuộc chiến chiếm quá 2/3 dân số. Điều này có nghĩa là cuộc chiến đã thuộc vào dĩ vãng và đã đến lúc ta có thể nghĩ đến nó như một biến cố lịch sử thay vì một đam mê.

Trước hết cần hiểu bối cảnh lịch sử của cuộc xung đột kết thúc ngày 30-4-1975.

Cuộc chiến này diễn ra vào giữa lúc Việt Nam đang sống một cuộc chuyển hóa lớn từ văn hóa Khổng giáo sang văn hóa phương Tây. Khổng giáo đã bị đánh bại và bị lỗ bịch hóa (*Cái học nhà Nho đã hỏng rồi!*, Tú Xương) nhưng vẫn còn là văn hóa nền tảng của dân tộc ta. Người ta không thể đoạn tuyệt nhanh chóng với một nền văn hóa đã được độc tôn trong hai ngàn năm. Ngược lại, văn hóa phương Tây tuy toàn thắng về mặt chính trị và cũng hơn hẳn về mặt trí thức nhưng mới chỉ được tiếp thu một cách rất phiến diện. Lý do là vì nó được chuyên chở bởi một ngôn ngữ - tiếng Pháp - rất ít người hiểu, đồng thời nó cũng là một bước nhảy vọt trí tuệ quá lớn đối với người Việt Nam. Nước ta lâm vào một cuộc khủng hoảng căn cước lớn, nhận ra văn hóa truyền thống của mình là dở trong khi không dứt bỏ được nó, ái mộ văn hóa của những kẻ rất xa lạ tới chiếm đóng nước mình. Chúng ta không biết mình là ai và muốn gì.

Cần nhìn giai đoạn Pháp thuộc một cách khách quan. Đối với nhà nước Việt Nam, nghĩa là triều Nguyễn, nó là một cuộc xâm lược nhưng đối với nhân dân Việt Nam và mỗi người Việt Nam, nó lại có tác dụng khai phóng lớn cả về vật chất lẫn tinh thần. Mức sống, trình độ hiểu biết, và các quyền con người căn bản được nâng cao một cách ngoạn mục. Dù mất chủ quyền, nước ta phát triển rất nhanh và rất mạnh về mọi mặt dưới thời Pháp thuộc. Sự kiện kẻ thống trị nước ngoài đem lại phúc lợi hơn hẳn so với các chính quyền Việt Nam đã giáng một đòn chí tử lên ý niệm chủ quyền truyền thống. Sản phẩm của cuộc chuyển hóa áp đặt này trước hết là một bối rối tâm lý và một khủng hoảng căn cước mà ta vừa nói, nhưng đồng thời một tinh thần quốc gia mới cũng được khai sinh.

Trái với ngộ nhận của khá đông người, ý niệm quốc gia và lòng yêu nước chỉ mới xuất hiện trên thế giới gần đây thôi cùng với ý niệm con người tự do và hệ luận của nó là thể chế dân chủ. Trước đó chỉ có những vùng đất thuộc quyền sở hữu của những dòng vua trong đó người dân chỉ là nô lệ. Kẻ nô lệ có thể do bị điều kiện hóa quá lâu tưởng lầm rằng mình yêu sợi dây xích nhưng đó không phải là một tình yêu. Ý niệm quốc gia như là di sản và tài sản của mọi người chỉ xuất hiện tại châu Âu từ thế kỷ 18. Chỉ có

quốc gia được quan niệm như vậy mới cho phép nói tới lòng yêu nước. Tại Việt Nam, một cách ngược đời, ý thức về quốc gia đã thực sự ra đời dưới thời Pháp thuộc, vào lúc chúng ta không có chủ quyền. Nó là sản phẩm của một cộng đồng đã khá giả hơn, đã tự do hơn, đã cảm thấy mình có một số quyền và do đó một số trách nhiệm với đất nước, hơn nữa lại chia sẻ cùng một sự tủi nhục bị người Pháp thống trị. Ý thức quốc gia và lòng yêu nước sơ sinh này đầu vậy chỉ giới hạn trong một thiểu số. Sức mạnh của tinh thần quốc gia và lòng yêu nước là ở chỗ chúng là những giá trị đúng chứ không phải vì chúng đã có và đã mạnh từ lâu; điều này cần đã ý thức rõ rệt nếu ta muốn hiểu cuộc chiến 1945-1975.

Một giai cấp trí thức Tây học mới xuất hiện và sẽ là nhân sự lãnh đạo của cái được gọi là "phe quốc gia" (Quốc Gia Việt Nam và Việt Nam Cộng Hòa) sau này. Đặc điểm đầu tiên của giai cấp trí thức này là họ có kiến thức vượt trội về mọi mặt so với lớp nho sĩ tiền bối của họ, nhưng hầu như hoàn toàn không có tư tưởng, nhất là tư tưởng chính trị. Họ là hậu thân của giai cấp sĩ mà đạo lập thân là học cặm cùi với hy vọng được làm những công cụ ngoan ngoãn cho kẻ cầm quyền. Một đặc điểm khác là trong đại bộ phận, cũng do hậu quả của di sản Khổng giáo, họ không có tinh thần dân tộc. Họ sống trong một buổi giao thời với đầy rẫy cơ hội, lại may mắn ở vào một vị trí thuận lợi để lợi dụng những cơ hội đó cho nên không mong ước gì hơn là chế độ thuộc địa cứ tiếp tục.

Chế độ Pháp thuộc không phải chỉ là một đảo lộn lớn và đột ngột mà còn có mâu thuẫn nội tại của chính nó: nó là một sự thống trị nhưng đồng thời cũng có tác dụng khai phóng vì tạo ra những con người sung túc hơn và tự do hơn. Những con người tự do chắc chắn sẽ đòi hỏi sự bình đẳng giữa các dân tộc, nghĩa là chống lại chế độ thuộc địa. Tâm lý háo hức học hỏi, bắt chước người phương Tây qua các phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, Đông Du, Tây Du dần dần đã nhường chỗ cho các đòi hỏi chính trị từ cuối thập niên 1920 cả trong Nam lẫn ngoài Bắc. Cao điểm là cuộc khởi nghĩa 1930 của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Người Pháp, nhất là cánh tả, đã ý thức được rằng chế độ thuộc địa không thể tiếp tục. Cuối thập niên 1920, toàn quyền Varenne đã bắt đầu những cuộc đối thoại trong chiều hướng mở rộng các quyền chính trị cho người Việt, sang thập niên 1930 chính quyền Front Populaire còn đề nghị một bước quyết định khác là trở lại hiệp ước Patenôtre 1884, trao trả lại miền Bắc cho triều đình Huế. Đề nghị này bị chính trí thức Việt Nam đồng loạt bác bỏ. Sự kiện này thật đáng chú ý, nó chứng tỏ khoảng trống chính trị bi đát của nước ta lúc đó. Người Việt, kể cả những người đòi độc lập, coi triều đình Huế, chính quyền Việt Nam duy nhất, còn tệ hơn chính quyền thuộc địa Pháp. Như vậy, nếu người Pháp muốn trả độc lập cho Việt Nam họ

phải bàn giao quyền lực cho ai ? Việt Nam đã hoàn toàn sụp đổ cả về định chế lẫn tinh thần. Sự sụp đổ này đã thể hiện rõ rệt sau cuộc khởi nghĩa dũng cảm nhưng lãng mạn của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Những hy sinh của các chiến sĩ Việt Nam Quốc Dân Đảng, trong đó lẫm liệt nhất là 13 người lãnh đạo lên đoạn đầu đài ngày 17-6-1930, đã chỉ được tiếp nối bởi một phong trào tiểu thuyết ái tình, thơ lãng mạn, nhạc trữ tình, tranh ấn tượng, v.v. Tinh thần dân tộc hầu như không có, trí thức Việt Nam vẫn chỉ cặm cụi học để lấy bằng và làm quan.

Đối với quần chúng Việt Nam, giai đoạn Pháp thuộc đã có hai tác dụng. Một mặt đời sống của họ được cải thiện đem lại cho họ cùng một lúc một khả năng đề kháng lớn hơn và một ý thức rõ rệt hơn về thân phận đầy đọa mà họ cũng như ông cha họ đã phải chịu đựng qua các thế hệ ; mặt khác là sự ghen tức với giai cấp trí thức tiểu tư sản, giai cấp được hưởng lợi nhiều nhất trong giai đoạn Pháp thuộc.

Tóm lại, vào lúc thế chiến II bùng nổ, nước ta đang ở trong giai đoạn nghiêm trọng của một cuộc chuyển hóa lớn. Như một cơ thể ở tuổi dậy thì, xã hội Việt Nam đã thay đổi quá nhiều và quá mạnh nên đã mất thăng bằng và tích lũy ở mức độ cao những mâu thuẫn và căng thẳng. Một giai cấp trí thức mới xuất hiện, được đặc biệt ưu đãi và hãnh diện làm công cụ cai trị cho người Pháp, tương tự như giai cấp sĩ trước họ hãnh diện làm công cụ thống trị cho các vua chúa. Họ không thấy có một bốn phận nào đối với quần chúng Việt Nam cả. Họ quá thỏa mãn để đặt cho mình những vấn đề. Họ không cần quan tâm tới đất nước, vả lại họ không biết suy nghĩ. Những người chống đối chế độ thuộc địa chỉ là một thiểu số và nhiều khi cũng chỉ chống đối vì không thành công trong lộ trình đi học và làm quan. Điển hình là trường hợp ông Hồ Chí Minh trở thành nhà cách mạng vì không được vào Trường Thuộc Địa (Ecole Coloniale). Trước mặt họ là một quần chúng thêm muốn và ghen tức, ngày càng ý thức được rằng mình đã bị chà đạp quá lâu. Nước Việt Nam truyền thống đã sụp đổ hoàn toàn trong khi một ý thức mới về quốc gia chỉ mới bắt đầu thai nghén. Sự thất bại của các đảng phái lấy tinh thần dân tộc làm nền tảng là điều hiển nhiên. Vả lại chính các đảng phái này cũng chẳng có tư tưởng chính trị nào cả.

Trong bối cảnh đó, một lực lượng chính trị rất lạ lùng đã xuất hiện, đảng cộng sản.

Đây là chính đảng đầu tiên được thành lập tại Việt Nam dưới thời Pháp thuộc nhưng mục tiêu của nó không phải là để phục vụ cho Việt Nam mà là để phục vụ cho quốc tế vô sản. Nó không kêu gọi đoàn kết dân tộc mà kêu gọi hận thù giai cấp. Tổ quốc của nó không phải là Việt Nam mà là một nước rất xa lạ và chưa hề có một liên hệ nào với Việt Nam : nước Nga. Các tên gọi đầu tiên của nó không bày tỏ một tình cảm nào đối với Việt Nam : *Đông Dương Cộng Sản Đảng, Xô Viết Nghệ Tĩnh*. Nó chống Pháp không phải để giành độc lập cho Việt Nam mà vì chống chủ nghĩa thực dân là một trong những chủ trương của Đệ Tam Quốc Tế. Trong một quốc gia lành mạnh một đảng như vậy không có hy vọng nào được hưởng ứng cả. Nhưng đảng cộng sản đã là đảng được ủng hộ mạnh nhất. Nó cũng

là đảng duy nhất có hậu thuẫn quốc tế. Khi thế chiến II chấm dứt với khoảng trống chính quyền toàn diện, nó không mạnh nhưng là lực lượng có tổ chức duy nhất. Nó đã nắm được chính quyền và lần này dương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giành độc lập. Đây chỉ là một thay đổi khẩu hiệu theo chủ trương "*cách mạng vô sản trong một nước*" của Stalin mà thôi, nhưng đã đem chính nghĩa lại cho đảng cộng sản. Các đảng phái quốc gia, hoặc mới tái lập hoặc mới thành lập, đã hoàn toàn bất lực và bị tiêu diệt. Cuộc chiến 1945-1975, trong cả hai giai đoạn mà đảng cộng sản gọi là *chống Pháp* và *chống Mỹ*, đã diễn ra với sự vắng mặt của các chính đảng không cộng sản. Các chính quyền quốc gia, trừ một vài nhân vật rất hiếm hoi xuất hiện một cách ngắn ngủi sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, chỉ là sự nối tiếp của bộ máy thuộc địa Pháp cả về cơ chế lẫn nhân sự, điều khiển bởi những người thuộc lớp trí thức đào tạo trong thời Pháp thuộc, những người đã rất thỏa mãn dưới chế độ thuộc địa, không có kiến thức chính trị, không có tinh thần dân tộc và cũng không có đội ngũ.

Nếu nhìn cuộc chiến 1945-1975 như một cuộc nội chiến với sự tiếp tay của các thế lực quốc tế thì có thể nói đó là cuộc đụng độ giữa một bên là một tổ chức theo đuổi một cách cuồng tín một chủ nghĩa tồi tệ và một bên là một khối người không thành tổ chức, không có bản lĩnh chính trị, cũng không có lòng tinh thần dân tộc. Như vậy thì sự thất bại của các chính quyền quốc gia là điều không tránh khỏi, dù phương tiện dồi dào hơn hẳn và được sự tham chiến trực tiếp của đông đảo quân nước ngoài.

Khi một cuộc chiến đã kéo dài 30 năm, mọi phương tiện đã được sử dụng, đã từng là quan tâm hàng đầu của dư luận thế giới và đã được tranh cãi một cách sôi nổi trên qui mô toàn cầu thì kết thúc của nó không thể là một sự ngẫu nhiên mà là một kết thúc hợp lý, dù có thể là không tốt dưới mắt một số người.

Với cuộc chiến đi dần vào dĩ vãng một số nhận định có thể được đưa ra một cách khách quan. Trước hết là vấn đề chính đáng.

Dù các chính quyền quốc gia không phải là một kết hợp chính trị để có một lập trường chung, điểm nổi bật mà mọi người có thể nhìn thấy là thái độ thân phương Tây. Đây là một thái độ đúng, chúng ta có nhiều điều để học hỏi ở các nước phương Tây, cụ thể là Pháp và Mỹ. Chúng ta cũng cần sự điều dắt và giúp đỡ của họ. Nhưng chọn lựa đúng này đòi hỏi một giải thích khó khăn. Nó cần được suy nghĩ và lý luận để được quần chúng chấp nhận. Vấn đề là những người kế tiếp nhau cầm đầu phe quốc gia không lý luận, họ chỉ theo Pháp để tranh giành ân sủng của kẻ thống trị nước ngoài, và sau đó theo Mỹ trong cùng một tinh thần. Các chính quyền quốc gia vì vậy không có sự chính đáng. Một điểm cần lưu ý là không một người lãnh đạo phe quốc gia nào hiểu rằng cuộc đấu tranh chống cộng chỉ có ý nghĩa nếu mục tiêu của nó là để xây dựng dân chủ.

Các chính quyền quốc gia, trong sự xô bồ của chúng cũng đã dần dần tạo điều kiện cho sự xuất hiện của một lớp người mới có ý thức dân tộc và trưởng thành trong một

không khí tương đối dân chủ nhưng lớp người này chưa nắm được thể chủ động và cũng còn ở rất xa mức độ chuẩn bị cần thiết vào ngày 30-4-1975.

Sự chính đáng của đảng cộng sản là ở chỗ họ tranh đấu chống sự thống trị của nước ngoài. Nhưng chúng ta cũng cần xét lại chính điểm này. Giai đoạn Pháp thuộc không phải là tai hại đối với Việt Nam. Nó đã là giai đoạn mà nước ta phát triển nhanh nhất và trí tuệ Việt Nam được khai thông nhiều nhất. Người Pháp cũng đã qui định được biên giới trên đất liền và trên biển một cách thuận lợi cho Việt

Nam, điều mà sau này chính quyền cộng sản không bảo vệ được. Cũng phải nhìn nhận rằng ngay dưới thời Pháp thuộc chỗ đứng và tầm quan trọng của người Việt Nam không ngừng được tăng cường. Nếu sự gia tăng về dân trí và dân số cứ tiếp tục thì độc lập chỉ là vấn đề thời gian. Như đã trình bày ở phần trên, chính người Pháp cũng đã nhìn thấy điều này và ngay từ các thập niên 1920 và 1930 họ đã bắt đầu tìm cách triệt thoái. Giành độc lập là điều bắt buộc nhưng chiến

tranh có phải là giải pháp hay nhất không ? Chính nghĩa của cuộc chiến tranh chống Pháp 1945-1954 không hiển nhiên như đảng cộng sản muốn chúng ta hiểu, nhất là lúc đó Pháp đã thừa nhận sự độc lập của Việt Nam trên nguyên tắc.

Cuộc chiến tranh gọi là chống Mỹ hoàn toàn vô nghĩa. Chống Mỹ là lý do chứ không phải là lý do. Lúc đó miền Nam đã là một nước cộng hòa, không lệ thuộc Mỹ hơn là miền Bắc lệ thuộc Liên Xô và Trung Quốc. Đảng cộng sản quyết tâm thiết lập chế độ cộng sản trên toàn lãnh thổ vì thế họ phải đánh miền Nam, dù có Mỹ hay không có Mỹ. Khi cuộc chiến bắt đầu, số cố vấn Mỹ chỉ có vài ngàn, còn ít hơn cả số cố vấn Trung Quốc và Liên Xô ở miền Bắc. Khi quân Mỹ đã rút ra hết sau hiệp định Paris, họ vẫn tiến đánh miền Nam. Và tại sao phải chống Mỹ ? Mỹ hoàn toàn không có chính sách thực dân, họ giúp Việt Nam về tài chính, khoa học, kỹ thuật, phương pháp và tổ chức, tất cả đều là những điều chúng ta cần. Vả lại, sau khi đã hy sinh hàng triệu sinh mệnh để đuổi Mỹ đi ngày nay chính quyền cộng sản đang làm tất cả để đem Mỹ trở lại. Cả hai cuộc chiến đều chỉ do tham vọng nắm độc quyền cai trị của đảng cộng sản cùng với vai trò mũi nhọn tiến công của phong trào cộng sản thế giới mà một cách mù quáng đảng cộng sản đã tự nguyện đảm nhiệm.

Nếu, như phải lý luận một cách lành mạnh, sự chính đáng của một chính quyền là phát triển đất nước và đem lại sự sung túc, bảo đảm tự do và dân chủ, bảo đảm công lý và trật tự an ninh, bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ người dân thì chính quyền cộng sản không có một sự chính đáng nào cả. Vả lại họ không do người dân chọn lựa.

Sự chính đáng của đảng cộng sản là ở chỗ nó đã chiến thắng. Nhưng chiến thắng không chứng tỏ là có chính nghĩa. Lịch sử nhân loại không thiếu những trường hợp những kẻ hung bạo và dã man đã khuất phục được những xã hội văn minh hơn chúng. Chiến thắng của đảng cộng sản chủ yếu dựa vào hai vũ khí : khủng bố và tuyên truyền đối trá. Họ sẵn sàng làm tất cả những gì mà đối thủ của họ không dám tự cho phép. Họ làm cho người dân miền Bắc tin rằng dân chúng miền Nam đói khổ cùng cực và bị đánh đập hàng ngày. Nếu hiểu giải phóng là đem lại tự do

và no ấm thì giữa hai miền Nam và Bắc không phải miền Nam cần được giải phóng.

Dưới cả hai chế độ, đại khối dân tộc đã chỉ là nạn nhân. Những người có trí tuệ và tâm huyết rất đông đảo trong cả hai hàng ngũ nhưng họ không có tổ chức và hậu thuẫn nên đã không nắm được vai trò quyết định. Họ phải ý thức được điều này để đừng bị gấn bó với một quá khứ nào cả, dù là kinh nghiệm dân chủ bệnh hoạn giả dối của phe quốc gia, hay kinh nghiệm bạo ngược đầm máu của phe cộng sản.

Đất nước đã được những gì và mất những gì trong 30 năm qua ?

Đã có tiến bộ về mặt kinh tế trong gần 20 năm qua nhờ mở cửa một phần về kinh tế thị trường sau hơn mười năm đập phá. Đời sống của nhân dân đã được cải thiện. Mức tăng trưởng được duy trì một cách đều đặn ở mức độ trên 7% mỗi năm. Tuy vậy tỷ lệ tăng trưởng này phải được coi là thấp đối với một nước đã quá chậm trễ so với thế giới, với một địa thế thuận lợi và một nguồn nhân lực phong phú. So với Trung Quốc, Việt Nam đã bắt đầu tăng trưởng sau Trung Quốc gần mười năm nhưng tỷ lệ tăng trưởng luôn luôn thấp hơn, khoảng cách so với Trung Quốc ngày càng mở rộng ra chứ không thu hẹp lại. So với các tỉnh bờ biển của Trung Quốc, mà mức độ tăng trưởng là trên 15% mỗi năm, thì sự thua kém lại càng bi đát.

Dẫu sao, nhờ đời sống được cải thiện và nhờ lượng thông tin ngày càng gia tăng, và nhất là nhờ sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản và phong trào cộng sản thế giới, một xã hội dân sự đã hình thành và không ngừng tự cổ trối, buộc chính quyền cộng sản phải liên tục nhượng bộ. Một đồng thuận mới cũng đã thành hình. Đó là đồng thuận xây dựng dân chủ đa nguyên, trong tinh thần hòa giải dân tộc, bằng những phương thức bất bạo động. Khi đã có đồng thuận này thì sớm hay muộn đất nước cũng sẽ chuyển hóa về dân chủ.

Một điểm tích cực lớn khác là sự hình thành của cộng đồng người Việt hải ngoại hơn ba triệu người hiện diện trên khắp thế giới, nhất là tại các nước tiên tiến. Cộng đồng này hiện nay đã là nguồn đóng góp lớn nhất cho đất

nước với trên 3 tỷ USD mỗi năm, tương đương với thu nhập của mười triệu người trong nước. Nhưng tiềm năng đóng góp của nó còn to lớn hơn nhiều. Nó có thể là những đầu cầu khoa học, kỹ thuật, thương mại. Nó cũng có thể đóng vai trò con mắt của Việt Nam để quan sát và học hỏi thế giới. Tuy vậy cộng đồng người Việt hải ngoại cũng đặt ra một vấn nạn lớn cho đất nước. Nếu quan hệ giữa trong và ngoài nước không được bình thường hóa mau chóng thì thế hệ mới sẽ mất đi quan hệ với đất nước và bị đồng hóa vào nước định cư. Một dấu hiệu báo động là phần lớn các thanh niên trưởng thành tại nước ngoài không còn thông thạo tiếng Việt nữa, chưa nói đến sự hiểu biết về văn hóa và lịch sử Việt Nam. Phải bình thường hóa quan hệ trong thời gian mà thế hệ cha anh, thế hệ đã trưởng thành trước khi rời Việt Nam, còn có khả năng đóng vai trò gạch nối giữa con em mình và đất nước Việt Nam. Nhưng bình thường hóa quan hệ giữa trong và ngoài nước chỉ có thể thực hiện được nếu đất nước có dân chủ. Một thanh niên 30 tuổi, lớn lên tại các nước phương Tây không thể nào chấp nhận được chế độ độc đảng. Khẩu hiệu "xây dựng dân chủ với một đảng duy nhất" đối với họ chỉ là một sự khiêu khích.

Bên cạnh những điểm tích cực, nhiều nguy cơ lớn cũng đã xuất hiện. Nguy cơ lớn nhất là tệ tham nhũng đang tàn phá và làm tê liệt đất nước. Tham nhũng làm hỏng cơ chế thị trường, loại bỏ những giải pháp và những con người đứng đắn, đưa kẻ bất tài và lưu manh vào địa vị quyết định, đặt quan hệ giữa người và người trên sự gian trá. Không đầy lùi được tham nhũng thì ngay cả đà tăng trưởng khiếm tốn hiện nay cũng sẽ không duy trì được. Chúng ta cần ý thức rằng chưa có một nước nào trở thành giàu mạnh với một mức độ tham nhũng cao. Từ nhiều năm nay nhà nước cộng sản không ngừng kêu gào chống tham nhũng, dùng những từ ngữ thống thiết như "nội xâm", "quốc nạn", nhưng tham nhũng vẫn tiếp tục tăng lên, và tăng nhanh, chứ không giảm đi. Vấn đề vẫn chưa có giải đáp.

Một nguy cơ khác, chủ yếu do hậu quả của tham nhũng và độc tài, là sự băng hoại của các giá trị đạo đức và sự lãnh đạm hoàn toàn với tương lai đất nước. Tuổi trẻ mất định hướng và niềm tin, sa ngã vào nghiện ngập và sự đồi trụy. Thất vọng kéo dài quá lâu với nhà nước đã biến thành thất vọng đối với chính đất nước. Cảm giác bất lực đã khiến mỗi người chỉ còn tìm cách giải quyết những vấn đề cá nhân bằng những giải pháp cá nhân, bất chấp sự lương thiện nếu cần. Nhưng đây chỉ là một trò chơi diên đại trong đó mỗi người chống tất cả và tất cả chống mỗi người với kết quả tất nhiên là mọi người đều thua.

Tăng trưởng kinh tế thực ra cũng chỉ làm giàu cho một số nhỏ. Cuộc sống của đại bộ phận dân chúng, nhất là tại nông thôn, vẫn còn cơ cực. Chênh lệch giàu nghèo thách thức hơn bao giờ hết và đang tăng lên thay vì giảm đi. Đất nước Việt Nam trở thành của riêng của một thiểu số. Gần đây khối lượng tiền bản quá lớn đã tạo ra một tệ nạn mới, nạn đầu cơ nhà đất. Đối với đại đa số thanh niên, một ngôi nhà đã trở thành một ước mơ ngoài tầm tay. Họ trở thành những kẻ bơ vơ ngay trên đất nước mình. Họ càng không có lý do để quan tâm tới đất nước.

Một đe dọa lớn khác là môi trường. Ý thức bảo vệ môi trường đã đến quá trễ và những cố gắng quá giới hạn. Sự hủy hoại môi trường đã khiến lụt lội và hạn hán kế tiếp nhau mỗi năm, ngay cả khí hậu cũng thay đổi. Năm nay chúng ta bị hạn hán nặng. Ô nhiễm đã khiến người ta phải bịt mặt trong các thành phố lớn. Nếu tình trạng này tiếp tục thì chẳng bao lâu người Việt Nam sẽ thành xa lạ với nhau vì không còn nhìn được mặt nhau. *Chúng ta cũng đang bị cướp nước.* Trung Quốc đã ngang ngược xây dựng các đập lớn trên thượng nguồn sông Mê Kông và sông Hồng làm cạn dần hai con sông này. Nước mặn đã tràn vào đồng bằng miền Nam. Chính quyền cộng sản Việt Nam không dám có phản ứng, như đã không dám phản ứng khi hải quân Trung Quốc tàn sát ngư dân mình trên biển cả.

Vấn đề nhức nhối nhất là chúng ta vẫn chưa có giải pháp cho bài toán dân chủ hóa, điều kiện cần dù không đủ, để giải quyết mọi vấn đề của đất nước. Chúng ta vẫn còn là một trong bốn nước cộng sản cuối cùng của thế giới, đề cao một chủ nghĩa đã hiện nguyên hình như là một sai lầm đẫm máu và đã bị ném vào sọt rác của lịch sử. Người Việt Nam nào không hổ thẹn? Phải giải quyết nhanh chóng bài toán dân chủ hóa bởi vì chúng ta không có nhiều thì giờ. Trong vòng một thế hệ nữa, một ưu thế quyết định của chúng ta ngày nay sẽ trở thành một gánh nặng: tỷ lệ trẻ/già sẽ đảo ngược.

Ba mươi năm sau ngày 30-4-1975, Việt Nam đã là một nước độc lập và hòa bình, đã có quan hệ bình thường với mọi quốc gia trên thế giới nhưng vẫn là một nước nghèo và lạc hậu, đang chuyển hóa một cách khó khăn với một tương lai đầy dấu hỏi.

Giải pháp nào?

Ba vấn đề chính của chúng ta hôm nay là xây dựng dân chủ, đẩy lùi tham nhũng và xây dựng một ý thức quốc gia mới.

Cả ba đòi hỏi một chính quyền mới.

Xây dựng dân chủ đòi hỏi những người có văn hóa dân chủ thực sự. Những con người được đào tạo ra bởi một hệ thống chuyên chính ngay cả nếu chấp nhận dân chủ cũng không thể có phản xạ dân chủ bởi vì trấn áp, tuyên truyền một chiều, bầu cử bịp bợm nằm trong giáo dục của họ. Cùng lắm họ chỉ tạo ra được một thứ dân chủ hình thức và bệnh hoạn. Dân chủ là một cơ chế phức tạp không những đòi hỏi sự hiểu biết mà còn đòi hỏi kinh nghiệm và phản xạ. Quyền lực bao giờ cũng cám dỗ. Muốn xây dựng và bảo vệ dân chủ cần có những người không thể ứng xử khác hơn là dân chủ, bởi vì đó là bản chất của họ.

Tham nhũng không giản dị là một vấn đề đạo đức, chống tham nhũng không phải chỉ đòi hỏi ý chí và sự lương thiện. Tham nhũng là những liên minh quyền lợi và quyền lực có tổ chức, có phương tiện, có kiến thức, có quyết tâm, và cả dã tâm. Đó cũng là quan hệ đan xen, có vay trả, có ân oán và có luật chơi riêng. Những người cầm quyền hiện nay đã chứng tỏ họ không thể chống tham nhũng. Nếu họ thực sự chống tham nhũng thì họ đã không được đặt để vào các chức vụ mà họ đang giữ. Họ đã trở thành những cấp

lãnh đạo bởi vì đã thỏa hiệp với tham nhũng. Muốn chống tham nhũng thì trước hết phải không nể ai cả, sau đó phải có lực lượng nếu không muốn bị tiêu diệt. Như vậy chống tham nhũng đòi hỏi một đội ngũ đông đảo những người gắn bó với nhau và coi cuộc chiến chống tham nhũng như cuộc chiến đấu của đời mình.

Đất nước sẽ không thể vươn lên được nếu người dân không quan tâm tới đất nước và gắn bó đời mình với tương lai đất nước. Muốn như thế phải xây dựng một ý thức quốc gia mới, quan niệm đất nước như một tình cảm, một không gian liên đới và một đồng thuận xây dựng và chia sẻ một tương lai chung, chứ không phải là một chủng tộc, càng không phải là vùng lòng hành tự do của tập đoàn cầm quyền. Đây là cả một bước nhảy vọt về triết lý chính trị. Nhưng còn có bao nhiêu người quan tâm tới đất nước và gắn bó đời mình với đất nước? Chắc là không nhiều, nhưng chắc là không thiếu những người sẵn sàng liên kết với các thế lực bất chính. Xây dựng thành công một ý thức quốc gia mới như vậy vừa là một cuộc chiến đấu văn hóa đòi hỏi nhiều trí tuệ vừa là một cuộc chiến đấu chính trị đòi hỏi một đội ngũ gắn bó và kiên trì.

Cả ba cuộc chiến đấu xây dựng dân chủ, chống tham nhũng và xây dựng một ý thức dân tộc mới đều đòi hỏi một đội ngũ những người dân chủ lương thiện, có bản lĩnh và quyết tâm. Trước hết là nếu không có đội ngũ chúng ta sẽ không áp đặt được dân chủ. Tập đoàn cầm quyền hiện nay không mạnh, cũng không gắn bó và cũng không quyết tâm. Nó ngoan cố chỉ vì chúng ta bất lực, và chúng ta bất lực vì chúng ta thiếu tổ chức.

Nhưng tại sao chúng ta vẫn chưa có một tổ chức dân chủ có tầm vóc? Đó là câu hỏi gay gắt nhất phải được đặt ra trong dịp kỷ niệm 30 năm ngày 30-4-1975.

Lý do là vì chúng ta thiếu văn hóa tổ chức. Chính vì thế mà chúng ta luôn luôn có hàng ngàn lý do chính đáng để không tham gia, hay tiếp tục tham gia, một tổ chức và quên đi lý do cơ bản là nếu không có tổ chức chúng ta không làm được gì cả. Chính quyền cộng sản không sợ những phản kháng cá nhân. Họ chỉ sợ những đấu tranh có tổ chức.

Nếu sau ba mươi năm chúng ta ý thức sự cần thiết của một tổ chức dân chủ là chúng ta đã làm một bước đột phá lớn và có quyền hy vọng.

Xin kết thúc bài này bằng một nhận định lịch sử. Không phải là chúng ta đã không có tiến bộ. Trái lại chúng ta đã tiến nhanh, có lẽ quá nhanh và vì thế đã mệt mỏi.

Vùng đất chung quanh biển Đông trong đó có nước ta vào thời tiền sử do điều kiện địa lý đã không thuận lợi cho sự phát triển của một nền văn minh. Chỉ một vài thế kỷ trước công nguyên chúng ta mới tiếp xúc với hai nền văn minh lớn từ Trung Hoa và Ấn Độ. Khi người Trung Hoa đến, chúng ta còn là một vùng đất bán khai; mặc dầu có một số trống đồng mà chúng ta hãnh diện. Chúng ta chưa có chữ viết, chưa biết đến bánh xe, chưa có các thị trấn, cũng chưa biết cày bừa. Chúng ta vẫn chủ yếu ở thời đại đồ đá. Ngay cả những trống đồng cũng tố giác sự lạc hậu của chúng ta vì lúc đó thế giới đã vào thời đại đồ sắt từ lâu

rồi. Chúng ta chậm trễ khoảng 4.000 năm so với thế giới văn minh lúc đó.

Đầu thế kỷ 16 khi người phương Tây đến, chúng ta ở một tình trạng tổ chức xã hội tương tự như châu Âu hồi đầu công nguyên dưới thời đế quốc La Mã. Trong khoảng 20 thế kỷ chúng ta đã rút ngắn khoảng cách với thế giới văn minh được hơn 20 thế kỷ.

Ngày nay, về mặt văn hóa tư tưởng và tổ chức xã hội chúng ta còn chậm hơn thế giới khoảng 50 năm (mức sống và sự giàu có là một vấn đề khác). Như thế có nghĩa là trong gần năm thế kỷ chúng ta lại rút ngắn được khoảng cách thêm hơn 15 thế kỷ nữa. Đó là một thành tích không nhỏ, chứng tỏ khả năng thích nghi và học hỏi của dân tộc ta. Nhưng có lẽ vì phải đi quá nhanh, quá vội mà chúng ta đã *biết* nhiều hơn là *hiểu*, đã học và làm mà không có thì giờ để suy nghĩ và sáng tạo.

Trong cả hai bước nhảy vọt lớn, khi tiếp xúc với người Trung Hoa và khi tiếp xúc với người phương Tây, chúng ta đều chịu số phận nô lệ. Số phận này đã tạo ra một khuôn mẫu, các chính quyền độc lập cũng chỉ là những chế độ nô lệ bản xứ không hơn không kém.

Truyền thống nô lệ tuy, một mặt, do những bất buộc của nó, đem lại cho chúng ta một số đức tính - chịu đựng, nhẫn nại, siêng năng, học nhanh, thích nghi nhanh với những thay đổi đột ngột - nhưng đồng thời cũng tạo ra trong chúng ta những khuyết tật lớn cần phải mau chóng khắc phục. Không có tự do, chúng ta thiếu sáng tạo. Sự thiếu thốn và nghèo khổ khiến chúng ta trở thành ghen tức và nhỏ mọn. Quen chịu đựng sự ác độc của kẻ thống trị, chúng ta trở thành ác độc với nhau. Quen nhìn đồng loại bị khinh bỉ và chà đạp, chúng ta nhiễm tập quán coi thường lẫn nhau và chỉ biết nể sợ người nước ngoài. Không được quyền quyết định, chúng ta thiếu tinh thần trách nhiệm. Quen nhận những mệnh lệnh mâu thuẫn và tùy tiện của kẻ thống trị, chúng ta không quen phê phán và cũng không cảm thấy như cầu phải giải quyết những mâu thuẫn của chính mình, v.v. Nhưng khuyết tật lớn nhất là thiếu văn hóa tổ chức. Những kẻ nô lệ không được quyền kết hợp với nhau vì kết hợp với nhau họ sẽ có sức mạnh để bẻ gãy ách nô lệ, điều mà kẻ thống trị không bao giờ dung túng, từ đó họ không biết kết hợp và dần dần không cảm thấy nhu cầu kết hợp, thay vào đó mỗi người tìm cách giải quyết những vấn đề cá nhân bằng những giải pháp cá nhân.

Cuộc chiến đấu của chúng ta hôm nay là làm thế nào để trong vòng 10 năm san bằng được khoảng cách 50 năm còn lại. Đây là cuộc chiến đấu khó khăn nhất. Cố gắng cuối cùng bao giờ cũng là cố gắng đau nhức nhất, bởi vì lần này chúng ta trước hết phải chiến thắng chính mình, sau một cuộc xung đột dữ dội với chính mình, để vượt lên một tầng văn hóa mới để vứt bỏ tập tính của kẻ nô lệ và tiến tới văn hóa của con người tự do trong đó óc phê phán, óc sáng tạo và văn hóa tổ chức là những thành tố cơ bản. Đó là điều kiện sống còn của chúng ta, cũng như của mọi dân tộc, trong kỷ nguyên trí tuệ này.

Nguyễn Gia Kiểng

NHIỆM VỤ KẾT HỢP

Phát biểu trong ngày ra mắt Phân bộ Đông Bắc Mỹ của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên (9-4-2005)

Nguyễn Văn Thiệp

Kính chào quý thân hữu,

Thưa chí hữu Thường Trực, quý chí hữu đại biểu, toàn thể quý chí hữu,

Tôi rất hân hạnh được sự ủy nhiệm của quý chí hữu Phân bộ Đông Bắc Mỹ, trước hết xin nhiệt liệt chào mừng quý thân hữu đến tham dự buổi ra mắt Phân Bộ Đông Bắc Mỹ hôm nay. Lời chào đón của tình chí hữu thấm thiết xin gửi đến những người anh em đang có mặt trong hội trường, và cả trên mạng viễn thông từ khắp nơi. Cảm ơn mọi người đã dành cho chúng tôi tình cảm nồng hậu trong ngày ra mắt quan trọng và trang trọng này. Đó là một cổ vũ tinh thần lớn lao.

Thế kỷ hai mươi vừa đã đi qua. Đó là một khoảng thời gian ngắn cho một bước đi dài trong lịch sử của cuộc viễn hành chinh phục tương lai của nhân loại. Trên bình diện quốc tế, chính sách thuộc địa của các đế quốc thực dân đã buộc phải triệt thoái trước những cao trào giải phóng và độc lập dân tộc mạnh mẽ. Thế kỷ hai mươi còn là cột mốc đánh dấu cuộc chia tay vĩnh viễn của những tranh cãi về ý thức hệ chủ nghĩa, đã hơn một lần dẫn đến những tranh chấp đẫm máu trên phạm vi toàn cầu. Các chế độ chuyên chính, độc tài lấn lướt cáo chung; nhiều dân tộc đã nắm kịp thời cơ để cải tạo xã hội, để làm lại đất nước của mình. Thế giới bước vào thế kỷ 21 với nhiều hy vọng xen lẫn thử thách. Tuy vậy xu hướng căn bản toàn cầu vẫn là sự ra đời của một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên được đặt nền tảng trên những giá trị phổ quát đã tạo ra sức mạnh cho các quốc gia tiến bộ, đó là: tự do, dân chủ, nhân quyền, nhà nước pháp trị, hòa bình, đối thoại, hợp tác, môi trường và liên đới.

Các giá trị phổ cập này được cường quốc số một thế giới là Hoa Kỳ tích cực bảo vệ và phát huy. Sự kiện khủng bố vào ngày 11 tháng 9 đã khiến Hoa Kỳ càng có thái độ dứt khoát hơn để đem các vấn đề dân chủ, nhân quyền vào chính sách đối ngoại. Hoa Kỳ lại là quốc gia có nhiều tiềm năng để phát triển nhất, là cường quốc đang có ưu thế vượt trội về mọi mặt so với các quốc gia khác. Dù các liên minh giai đoạn và chiến lược - điển hình về mặt hợp tác phát triển trong thời đại toàn cầu hóa - có thể thay đổi ở từng khu vực và ở các khối liên kết, nhưng vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ trên những vấn đề quốc tế quan trọng vẫn sẽ bất buộc được duy trì trong cả suốt thế kỷ này.

Trong khi quan hệ với Hoa Kỳ trở thành mối quan tâm hàng đầu trong chính sách đối ngoại của tất cả các nước trên thế giới, các nước châu Á nói riêng có thêm vấn đề Trung Quốc. Cho đến nay, Trung Quốc vẫn là quốc gia phủ nhận các giá trị phổ cập tiến bộ như dân chủ, nhân quyền của thế giới văn minh. Các chỉ số tăng trưởng kinh tế cao trong thời gian qua, tuy là những thành tựu không thực, cũng đã có tác dụng gây choáng ngợp ở một số người. Nhưng trường hợp cá biệt Trung Quốc phải được xem là một diễn tiến không bình thường trong xu thế dân chủ tất yếu của thời đại, vì thế đáng

lo ngại. Sự lo ngại của thế giới và các nước khu vực về vấn đề Trung Quốc là có cơ sở. Trung Quốc đã có thành tích chiếm đóng lân bang Tây Tạng, gây chiến tranh biên giới với láng giềng Việt Nam, tàn sát sinh viên Thiên An Môn. Chính sách bá quyền khu vực thể hiện qua việc gia tăng sức mạnh quân sự, cư xử ngang ngược trên biển đông trước hết làm mọi nước trong vùng lo ngại.

Hai nước trong vùng, là láng giềng Lào và Campuchia cũng đã có những sinh hoạt dân chủ, ít nhất trên bề nổi. Hai nước này không còn hoàn toàn lệ thuộc Việt Nam.

Xu thế chung của Hoa Kỳ và khối Phương Tây nói chung là muốn Việt Nam là một nước dân chủ, từ đó tạo thành một liên minh mạnh của ba nước đông dương, của khối ASEAN dân chủ, trước hết để mang lại phúc lợi chung. Ngược lại Trung Quốc muốn duy trì hiện tình Việt Nam nhằm phục vụ ý đồ thao túng, thực hiện chủ nghĩa bành trướng bá quyền xuống vùng Thái Bình Dương. Việt Nam phải đối diện và đối phó thường trực với vấn đề Trung Quốc, cụ thể là với chính sách lấn chiếm trên đất liền và trên biển cả.

Việt Nam bước vào thế kỷ 21 với một tương lai bấp bênh. Những nguy cơ xã hội ngày càng gia tăng. Nền móng xã hội dân sự chưa kịp hình thành tự phát đã bị triệt hạ một cách cố ý và có chủ trương bởi nhà cầm quyền. Các hội đoàn tôn giáo luôn là mục tiêu của chính sách đàn áp. Vấn đề sắc tộc, đặc biệt đối với vùng cao nguyên Trung phần, ngày càng trở nên trầm trọng. "Chủ nghĩa đồng tiền" trong một chế độ nhất nguyên, tập quyền như Việt Nam đã làm con người ngày càng xa rời với những giá trị căn bản của mọi xã hội đó là đạo đức và sự lương thiện. Tham nhũng là vấn nạn quốc gia, hiện nay không có thuốc chữa. Khoảng cách giàu nghèo thuộc hàng cao nhất thế giới. Nhà nước cộng sản không còn lãnh đạo đất nước, nó chỉ phản ứng theo từng biến cố. Chính quyền không còn khả năng bảo vệ luật pháp và an ninh, bảo vệ lãnh thổ, bảo vệ công dân nhưng vẫn tồn tại một cách thách thức. Vấn đề lớn cho bài toán dân chủ hóa hiện nay là chưa có lực lượng đối trọng với đảng cộng sản; tổ chức ngoại vi của họ là Mặt trận tổ quốc đã khống chế mọi thành phần xã hội.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhận định rằng xây dựng một tập hợp dân chủ có tầm vóc trước hết là nhiệm vụ nòng cốt của chiến lược diễn tiến hòa bình, dân chủ hóa đất nước.

Đại hội của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tại Ba Lan đã đúc kết các thảo luận chính trị trong ba ngày đại hội, đặt nặng vào mục tiêu xây dựng và phát triển tổ chức cả phẩm lẫn lượng. Nỗ lực tiến tới thành lập Phân Bộ Đông Bắc Mỹ trước hết nhằm đáp ứng yêu cầu bức thiết này.

Miền đông của bắc Mỹ là vị thế địa lý có nhiều tiềm năng và triển vọng. Thủ đô Washington là trung tâm quyền lực chính trị của nước Mỹ và của cả thế giới. Cộng đồng người

Việt cư ngụ đông đảo, sinh hoạt văn hóa và kinh tế phong phú, tập trung ở nhiều địa phương trải dài từ bắc xuống nam. Đây cũng là địa bàn Tập Hợp có nhiều thân hữu, và sẽ là môi trường tốt cho sự phát triển của tổ chức. Các chí hữu cư ngụ trong cùng điều kiện địa lý này đã nhận thấy nhu cầu của việc kết hợp thành một phân bộ. Sau nhiều lần gặp gỡ thảo luận, được sự khuyến khích và yểm trợ của các phân bộ anh em, đặc biệt với hân hạnh được sự chấp thuận của Văn Phòng và Ban Lãnh Đạo qua Nghị quyết ký ngày 27 tháng 2 năm 2005 vừa qua, anh em chí hữu chúng tôi đã chuẩn bị ráo riết cho ngày ra mắt hôm nay. Phân bộ Đông Bắc Mỹ rất hân hoan và vinh dự từ nay được cùng với các phân bộ khác, đóng góp hữu hiệu cho sự vận hành hiệu quả của cỗ xe Tập Hợp.

Cuộc vận động dân chủ cho Việt Nam ngày hôm nay đã đạt được một điểm son cần đánh dấu, đó là sự đồng thuận gần như tuyệt đối của con đường dân chủ đa nguyên. Đây là một thắng lợi to lớn trên lĩnh vực tư tưởng chính trị mà Tập Hợp vinh dự đã là lực lượng đóng vai trò tiên phong. Tình thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, đấu tranh bất bạo động do đó là hệ quả tất yếu, không thể tách rời của con đường dân chủ đa nguyên.

Tình hình đất nước hôm nay đòi hỏi những người còn giữ lửa, chia sẻ cùng lý tưởng phải mạnh dạn đứng với nhau trong cùng một tổ chức. Không còn cách nào khác. Một tập hợp của những chí hữu gắn bó, có tổ chức, có trang bị và chuẩn bị mới có khả năng tạo thời cơ và nắm lấy thời cơ. Nhưng quan trọng trước hết, đó là điểm tựa tinh thần, là hậu phương vững chắc cho những tiếng nói dân chủ dũng cảm đã công khai hoặc chưa công khai từ quốc nội. Một tình cảm đặc biệt xin được gửi đến Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, cùng gia đình của những người thanh niên ưu tú này.

Một lần nữa xin hân hoan chào đón quý vị thân hữu, với hy vọng chân thành là chúng tôi sẽ vinh dự được thay đổi cách xưng hô, được gọi là chí hữu trong một ngày rất gần.

Xin mọi người cùng nâng ly, chúc sức khỏe, chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Nguyễn Văn Hiệp (North Carolina)

"Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhận định rằng tình hình Việt Nam đã gần chín muồi cho một chuyển biến hòa bình về dân chủ. Áp lực dân chủ hóa đang gia tăng nhanh chóng, chẳng bao lâu sẽ buộc chính quyền cộng sản phải nhượng bộ để tránh sụp đổ trong hỗn loạn. Trong cuộc vận động để gia tăng áp lực dân chủ hóa và để xây dựng mặt trận dân chủ, cộng đồng người Việt hải ngoại có vai trò chiến lược quyết định và cũng có khả năng để đảm nhiệm vai trò đó.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên khẳng định rằng đấu tranh để buộc chế độ cộng sản phải chấp nhận bầu cử tự do là một cuộc đấu tranh chắc chắn sẽ thắng lợi và trong đó những người dân chủ Việt Nam dù ở trong hay ngoài nước đều có vai trò quan trọng như nhau". (*Thành Công Thế Kỷ 21*, trang 139).

Ghi nhanh :

Lễ ra mắt phân bộ Đông Bắc Mỹ

Ngày 9-4-2005, phân bộ Đông Bắc Mỹ thuộc Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã chính thức ra mắt tại Hoa Kỳ.

Lễ ra mắt đã được tổ chức một cách long trọng tại khách sạn Ameri Suites thuộc thành phố Mount Laurel, New Jersey. Đại diện các phân bộ của Tập Hợp từ khắp nơi trên thế giới đã về tham dự hoặc gửi thư chúc mừng.

Vì là một sinh hoạt nội bộ, chỉ một số thân hữu chọn lọc được mời đến dự, đa số là những chuyên viên đang nắm giữ những vai trò quan trọng trong xã hội Mỹ tại các tiểu bang lân cận : Washington DC, Illinois, New York, Philadelphia, Virginia, North Carolina, Pennsylvania... Nhân buổi ra mắt này, phân bộ Đông Bắc Mỹ đã chính thức kết nạp thêm ba chí hữu mới, đó là những người Việt ưu tú, đầy nhiệt năng, sinh sống trong vùng. Thành viên mới phải được ít nhất hai chí hữu của Tập Hợp giới thiệu.

Buổi lễ ra mắt này thật ra chỉ là sự hợp thức hóa một sinh hoạt đã có từ lâu giữa những chí hữu vùng Đông Bắc Hoa Kỳ và Đông Canada với Tập Hợp.

Địa bàn Đông Bắc Mỹ có vị trí chiến lược đặc biệt, đó là nơi thiết đặt trụ sở của các tổ chức nhân quyền quốc tế và cũng là nơi thiết đặt của các cơ quan công quyền Mỹ và Canada. Với sự hiện diện chính thức và công khai của Tập Hợp trong khu vực này, những tiếp xúc và trao đổi với các giới chức trách nhiệm ở cấp quốc tế, quốc gia và địa phương sẽ dễ dàng và nhanh chóng hơn khi vận động cho tự do và dân chủ tại Việt Nam. Mục đích của buổi ra mắt này là để đánh dấu sự kiện đó, đồng thời cũng mở rộng thêm một cánh cửa đã mở sẵn để đón nhận thêm những thành viên mới vào Tập Hợp. Cũng nên biết cộng đồng người Việt vùng Đông Bắc Mỹ là một cộng đồng đặc biệt, khác với cộng đồng người Việt tại những nơi khác ở Hoa Kỳ và Canada. Đa số người Việt tại đây là những chuyên viên thượng tầng sinh hoạt trong các lãnh vực tiên tiến nhất về hành chánh, tài chánh, giáo dục, kỹ thuật và dịch vụ mà đất nước Việt Nam rất cần sau này.

Chính vì thế, trong phần thảo luận, ông Nguyễn Gia Kiểng đã dẫn nhập về nhu cầu xây dựng một tập hợp dân chủ mạnh với một văn hóa tổ chức mới. Ông cũng nhắc lại lập trường của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, có thể tóm lược trong ba điểm : xây dựng thể chế dân chủ đa nguyên cho Việt Nam, trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, bằng những phương tiện bất bạo động. Đó cũng là lý tưởng mà các chí hữu của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên theo đuổi và muốn truyền bá rộng rãi đến mọi người.

Nhiều chí hữu và thân hữu của Tập Hợp đã phát biểu tiếp theo các đề tài : "Mô thức lô gích về vận động dân chủ cho Việt Nam" (Nguyễn Đình Thắng), "Nhiệm vụ kết hợp" (Nguyễn Văn Hiệp), "Những trở trở cho quê hương" (Huỳnh An Bình), "Dân chủ là đồng thuận chung cho cuộc đấu tranh hiện nay" (Đoàn Nguyên), v.v.

Buổi họp kết thúc trong tình thân mật và quyết tâm phát triển thêm Tập Hợp trong những ngày sắp tới.

Nguyễn Thanh Thủy (New Jersey)

Những trần trở cho quê hương

Huỳnh An Bình

Hận thù gần như đã phai mờ trong tâm tưởng của những người từng tham chiến tại Việt Nam trong 30 năm qua, hôm nay chúng ta lại trần trở với nỗi đau chung của dân tộc. Lương tâm của những người còn quan tâm đến tương lai đất nước thường xuyên bị chất vấn bởi câu hỏi : tại sao một đất nước có vị trí địa lý thuận lợi, một dân tộc đông đảo, thông minh và cần cù vẫn tiếp tục sống trong thua kém, trong khi những nước láng giềng không ngừng vươn lên ? Tất cả có chung một câu trả lời : tại vì tổ chức xã hội Việt Nam không phù hợp với trào lưu tiến hóa của nhân loại. Chế độ độc tài cộng sản hiện nay là nguyên nhân của sự thua kém và sự hiện hữu của nó là một thách thức đối với mỗi chúng ta. Hãy cùng nhau tìm hiểu vấn đề.

Những quốc nạn của Việt Nam

Qua truyền thông, báo chí, và kinh nghiệm bản thân, chúng ta đã không nhiều thì ít chứng kiến những "đổi mới" mà chế độ cộng sản đã để lại trong xã hội Việt Nam từ sau 1975. Hàng triệu người đã phải rời bỏ quê hương. Hàng trăm ngàn người đã chết trên biển cả, hàng trăm ngàn người khác bị tù đầy, hàng chục ngàn người đã bỏ mình trong chốn rừng thiêng nước độc, hàng triệu người bị phân biệt đối xử và cả dân tộc bị tước đoạt các quyền tự do tối thiểu. Bên cạnh vô vàn thảm trạng mà chính quyền cộng sản áp đặt lên đời sống của mỗi công dân để củng cố quyền lực, nó cũng đang để lại không biết bao nhiêu là vấn nạn cho đất nước mà những người lãnh đạo tương lai phải giải quyết. Ở đây tôi chỉ xin đơn cử một vài sự kiện xảy ra trong thời gian vừa qua.

1. Biên giới Việt-Trung và Vịnh Bắc Bộ

Cuối năm 1999 và 2000, chính quyền cộng sản Việt Nam đã nhượng cho Trung Quốc hơn 700 ki-lô-mét vuông đất liền và 15.000 ki-lô-mét vuông lãnh hải qua hai hiệp ước về lãnh thổ và lãnh hải. Hành động này là một phản bội đối với tổ quốc, nó không những phản bội đối với tổ tiên mà cả đối với dân tộc, những người đã và đang góp phần xây dựng và củng cố biên cương và lãnh hải đó. Các chính quyền Việt Nam tương lai sẽ rất khó khăn trong việc khôi phục lại những vùng đất và vùng biển đã mất này.

2. Xuất khẩu lao động

Từ nhiều năm qua, chính quyền cộng sản đã triệt để thi hành chính sách xuất khẩu lao động ra nước ngoài nhằm giải quyết nạn thất nghiệp và thu ngoại tệ. Những tin tức về công nhân Việt Nam bị ngược đãi, hành hạ khi đi lao động ở nước ngoài, nhân phẩm của họ bị chà đạp, càng để lộ tính thần vô trách nhiệm và sự độc ác của những người trục lợi trong việc mua bán sức lao động này. Đây là một hình thức buôn bán nô lệ mới do đảng cộng sản chủ mưu.

3. Phụ nữ và trẻ em bị bán ra nước ngoài

Hiến pháp của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam luôn tự hào về mấy ngàn năm văn hiến, nhưng trong thực tế những người lãnh đạo cộng sản đã không coi ra gì.

Các cấp lãnh đạo cộng sản địa phương đã không những nhắm mắt làm ngơ, thậm chí còn tiếp tay cho những đường dây buôn người để ăn tiền. Phụ nữ Việt Nam không những bị lừa gạt ra nước ngoài để hành nghề mại dâm mà còn bị đem lên mạng internet E-Bay bán đấu giá. Thật là tủi nhục cho con cháu bà Trưng, bà Triệu, con cháu những bà mẹ chiến sĩ đã từng hy sinh trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ nay trở thành món hàng chỉ đáng giá vài trăm, vài ngàn Mỹ kim. Chính quyền cộng sản đã làm gì để bảo vệ danh dự dân tộc ?

4. Ngục phủ Việt Nam bị người Trung Quốc giết

Không người Việt Nam nào không căm phẫn trước sự hèn nhát của chính quyền cộng sản Việt Nam khi hải quân Trung Quốc nổ súng vô cớ sát hại ngư dân huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa, trên Biển Đông. Chính quyền cộng sản Việt Nam đã không những không dám phản ứng mạnh mẽ mà còn long trọng tổ chức kỷ niệm 55 năm ngày thành lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Đây là thái độ hèn hạ của một chính quyền không còn khả năng bảo vệ sinh mạng của người dân và chỉ nghĩ tới sự sống còn của mình.

5. Đàn áp tôn giáo và những nhà dân chủ

Từ nhiều năm qua, đặc biệt là từ cuối năm 2004 đến nay, rất nhiều tín đồ Phật Giáo, Công Giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo bị sách nhiễu và cầm tù. Sự khủng bố, đàn áp người sắc tộc theo đạo Tin Lành trên Tây Nguyên tố ra hung bạo nhất. Hạ Viện Hoa Kỳ đã tỏ quan ngại về việc này. Những nhà dân chủ nổi tiếng trong nước như Phương Nam, Nguyễn Hồng Quang, Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Trần Đại Sơn, Trần Khuê, Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Văn Lý... vẫn tiếp tục bị sách nhiễu, theo dõi. Một số khác vẫn còn bị cầm tù như Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn... Tự do trong chế độ cộng sản chỉ là chiêu bài lừa bịp, đều cang.

6. Tham nhũng đã trở thành một thông lệ

Dư luận trong nước đều biết nơi nào cũng có tham nhũng : từ trung ương đến địa phương, từ tập thể đến cá nhân. Tham nhũng là sản phẩm của các chế độ độc tài bởi vì chúng chỉ ưu đãi những người trong guồng máy đảng và nhà nước ; họ bất chấp quyền lợi của tổ quốc và dân tộc, họ chỉ biết đến quyền lợi của họ và gia đình họ.

7. Múc sống thấp, giáo dục tụt hậu

Theo các số liệu thống kê, trong năm qua, lợi tức bình quân đầu người của Việt Nam chỉ bằng một phần ba các nước Đông Á, thấp hơn gần một phần ba lợi tức bình quân đầu người của các nước nghèo trên thế giới. Thí dụ, nếu lợi tức đầu người Việt Nam khoảng 350 USD/năm thì lợi tức bình quân đầu người của các nước nghèo trên thế giới khoảng 507 USD, điều này cho thấy Việt Nam vẫn thuộc loại nghèo nhất. Về giáo dục, Việt Nam bị xếp vào hạng cuối bảng theo khảo sát của Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hiệp quốc (UNESCO). Giáo dục tại

Việt Nam không nhằm đào tạo nhân tài cho đất nước, nó chỉ là công cụ phục vụ cho chế độ. Những con số thống kê về trình độ văn hóa tại Việt Nam hoàn toàn bịa đặt, nạn mua bằng bán cấp là một sinh hoạt bình thường của các trường học. Trình độ giáo dục của Việt Nam thua các nước trong vùng ít nhất là hai thập niên. Dù vậy mà chính quyền Việt Nam lại tìm cách ngăn chặn, kiểm soát mọi phương tiện thông tin và những giao lưu trong và ngoài Việt Nam.

Những nguyên nhân của quốc nạn

1. Nguyên nhân chính : Đảng Cộng Sản Việt Nam

Nó vừa là một đảng độc tài, gian ác, vừa là một đảng cực kỳ phong kiến, lạc hậu. Điều 4 của Hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam dành cho Đảng Cộng Sản Việt Nam độc quyền lãnh đạo xã hội, từ đó dẫn đến độc tài, độc đoán và độc ác, và là nguyên nhân gây ra tai họa cho xã hội. Không thể nào kể hết những tội ác mà đảng cộng sản đã gây ra cho dân tộc từ khi xuất hiện tại Việt Nam.

2. Cố gắng duy trì một chủ thuyết không tưởng

Đảng Cộng Sản Việt Nam đã bằng mọi cách áp đặt chủ nghĩa cộng sản, một chủ thuyết quản trị xã hội mà các quốc gia khai sinh nó đều đã từ bỏ, lên toàn lãnh thổ và ép buộc mọi người phải nghe theo. Ai có lập trường khác với chủ thuyết này đều bị coi là thù địch, cần phải tiêu diệt.

3. Bưng bít thông tin

Ai đưa tin trung thực thì bị kết tội là gián điệp, là phản quốc, lợi dụng tự do, dân chủ làm thiệt hại tài sản quốc gia. Trong nhiều năm qua, rất nhiều người trong giới truyền thông và báo chí tại Việt Nam bị đuổi việc, trừ dập, hăm dọa và cầm tù khi thực thi quyền tự do báo chí. Không có tự do ngôn luận và tự do báo chí ở Việt Nam. Đảng cộng sản vẫn giữ độc quyền thông tin và tuyên truyền.

4. Những người lãnh đạo cộng sản không yêu nước

Đa số đảng viên cộng sản chỉ yêu đảng và dùng quyền lực của đảng để phục vụ quyền lợi cá nhân. Họ chỉ dám hung bạo với những công dân hiền lành, những người bất đồng chính kiến nhưng lại hèn hạ cúi mình trước kẻ mạnh hơn, không những thế họ còn dâng luôn cả đất và biển của tổ tiên cho ngoại bang. Chính vì không yêu nước nên họ rất sợ những người yêu nước chân chính và đã bằng mọi cách bịt miệng hay trấn áp những người này.

Thách thức cho mỗi cá nhân

Tình yêu dành cho quê hương và đất nước là những tình cảm tự nhiên của con người. Khi tổ quốc lâm nguy người ta sẵn sàng hy sinh cả gia đình và mạng sống để giữ gìn hay bảo vệ nó. Mặc dù tổ quốc Việt Nam chưa hứa hẹn cho ta điều gì nhưng tổ quốc vẫn là thiêng liêng. Nghĩ tới quê hương hiện nay, không ai trong chúng ta không khổ đau xót cho thân phận hàng chục triệu người cùng khổ đang sống trong cảnh lầm than, sẵn sàng làm bất cứ điều gì để có miếng ăn hàng ngày. Tình trạng này không thể tiếp tục. Đất nước này phải thay đổi. Chính quyền độc đoán này phải đào thải. Dân tộc này phải vươn lên để bắt kịp đà tiến bộ chung của nhân loại.

Hiện tình đất nước Việt Nam có cho phép thực hiện cuộc đổi đời đó chưa ? Trả lời : Có.

Xã hội Việt Nam đang chín muồi cho một sự đổi đời. Dự án chính trị của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, *Thành Công Thế Kỷ 21*, nói về "Bốn điều kiện cần và đủ của cuộc cách mạng dân chủ" :

- Điều kiện thứ nhất là mọi người trong nước đồng ý rằng chế độ hiện hữu là tệ hại và phải thay đổi.

- Điều kiện thứ hai là đảng hay giai cấp cầm quyền, vì mất đồng thuận trên lý tưởng chung hay vì bị ung thối, đã chia rẽ, phân hóa và đã mất bản năng tự tồn của một đoàn thể.

- Điều kiện thứ ba là đại đa số quần chúng đạt tới đồng tình về một chế độ mới và những mục tiêu quốc gia mới.

- Điều kiện thứ tư là có một tập hợp chính trị xuất hiện phù hợp với nguyện ước của toàn dân làm điểm hội tụ cho những khát vọng đổi mới.

Qua bốn điều kiện này, cuộc vận động cho tự do và dân chủ của chúng ta đang ở đâu ?

Dự án chính trị dân chủ đa nguyên xác định : "Dĩ nhiên không bao giờ có điều kiện nào được thực hiện xong 100% cả, nhưng tới một mức độ chín muồi nào đó ta có thể coi một điều kiện là đã đạt được". Nhìn vào bối cảnh hiện tại của đất nước chúng ta có thể khẳng định là hai điều kiện đầu đã có. Toàn dân đã chán ghét chế độ và đang nôn nóng chờ đợi thay đổi. Chúng ta vẫn tiếp tục tố giác và tố cáo những việc làm tai hại của chính quyền và đảng cộng sản trước dư luận trong và ngoài nước cho tới khi chúng mất vai trò lãnh đạo đất nước".

Vấn đề còn lại của chúng ta là làm sao vận động quần chúng để đạt tới đồng tình về một chế độ mới và những mục tiêu quốc gia mới.

Chúng ta cũng đang thực hiện điều kiện thứ tư. Mỗi chúng ta phải chứng minh Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên, *Thành Công Thế Kỷ 21*, là giải pháp tốt đẹp nhất cho đất nước và Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là tổ chức chính trị phù hợp với nguyện ước của toàn dân. Nhiệm vụ của mỗi chúng ta là làm sao biến Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên trở thành điểm hội tụ của những người dân chủ và những khát vọng đổi mới của đất nước.

Có được như thế chúng ta mới không phụ lòng những chí hữu của chúng ta đã vì lý tưởng chung đang còn quần quai trong chốn lao tù hay đang bị bộ máy kềm kẹp của chính quyền cộng sản sách nhiễu. Có như thế sự hy sinh của những gia đình có những người chồng, người cha, người anh, người chị đã ngã xuống cho lý tưởng dân chủ không bị uổng phí.

Giai đoạn này là một thách thức mới cho mỗi chúng ta. Chúng ta có dám hy sinh thêm thì giờ và quyền lợi cá nhân để tích cực tham gia cuộc đổi đời này không ? Theo tôi, chỉ những người dẫn thân mới làm nên lịch sử.

Xin mượn phép dùng câu nói bất hủ của vị thống thống thứ 35 của Hoa Kỳ, John F. Kennedy để kết thúc bài tham luận hôm nay. "Đừng đòi hỏi tổ quốc có thể làm gì cho bạn, mà là bạn có thể làm gì cho tổ quốc".

Huỳnh An Bình (New Jersey 09-04-2005)

Cựu tổng biên tập báo *Nhân Dân*, Hoàng Tùng là một nhà chính trị chuyên nghiệp của Đảng Cộng Sản Việt Nam, từng bị tù đầy trong thời kỳ thuộc Pháp, sau Cách mạng Tháng Tám được đảng cộng sản cử giữ nhiều trọng trách, trong đó có gần 20 năm làm tổng biên tập báo *Nhân Dân*. Ở cương vị này, Hoàng Tùng là người viết những bài xã luận có tính chất chỉ đạo công tác đảng trên tờ báo quan trọng nhất của bộ máy cai trị. Ông được coi là một nhà mác-xít hàng đầu ở Việt Nam.

Mấy năm gần đây, ông già hưu trí Hoàng Tùng hơn 90 tuổi, viết hồi ký "Những kỷ niệm về Bác Hồ" (còn ở dạng sơ thảo, nhưng đã cho phổ biến) nhằm "chấn chỉnh" lại những nhận định theo ông là không đúng về Hồ Chí Minh. Trong tập hồi ký đó có một số thông tin có giá trị trong những thâm cung bí sử của Đảng Cộng Sản Việt Nam, nhưng một số sự kiện lại không được các nhà cách mạng lão thành xác nhận tính chân thực.

Mới đây, ở Hà Nội lại xuất hiện một tập tài liệu dày gần 50 trang ký tên Hoàng Tùng với nhan đề "Thời Đại Mới, Tư Tưởng Mới" (Thử suy nghĩ về tiền đề chủ nghĩa Mác), với chú thích : bản thảo đầu tiên chưa sửa (Hà Nội 2004). Tài liệu này gồm ba phần : Cuộc hành trình 25 triệu năm của nhân loại ; Chủ nghĩa Mác vào cuộc ; Bài học.

Trong phần thứ nhất, tác giả phác họa lại lịch sử tiến hóa của nhân loại theo đúng tinh thần và lời văn trong các sách giáo khoa xã hội chủ nghĩa, không có gì mới đối với những ai từng sống trong những nước cộng sản. Phần thứ hai, nói về chủ nghĩa Mác và sự hình thành trào lưu cộng sản thế giới thì, tiếc thay, trên đại thể lại giống những lời nói huênh hoang, dễ dãi, áp đặt theo kiểu không cần chứng minh của một giảng viên trường đảng Nguyễn Ái Quốc khi còn thời kỳ cực thịnh của chủ nghĩa Mác ở nước ta.

Tuy nhiên, bài viết của Hoàng Tùng có ý nghĩa nhất định ở chỗ nó nói lên nhận thức hiện nay của một viên chức cao cấp bậc nhất trong bộ máy cầm quyền của đảng cộng sản, của một chuyên gia thượng thặng về lý thuyết Mác, về số phận và tương lai của chủ nghĩa Mác sau cuộc sụp đổ của Liên Bang Xô Viết và phe xã hội chủ nghĩa.

Thực tế đã điều chỉnh đôi chút nhận thức của nhà mác-xít Hoàng Tùng khi ông rút ra bài học : "*Sự can thiệp của con người không thể phá bỏ quy luật, một chế độ kinh tế xã hội chỉ có thể thay đổi do sự phát triển đến hạn của kỹ thuật sản xuất và một nền văn hóa phù hợp. Cái con người có thể thay đổi là thể lực và thể chế quyền lực, song [cái thay đổi ấy] cũng có giới hạn, quá khứ sẽ giành lại nếu đi quá xa. Tuân theo qui luật vận động khách quan không phải là sùng bái sự tự phát. Thoát ly, bất chấp qui luật vận động khách quan thì cái giá phải trả rất cao, dẫn đến những thảm họa lịch sử. Cũng có những cơ hội tạo ra được những bước ngoặt đi lên, con người phải sẵn sàng tranh thủ nhưng không thể đi xa khỏi giới hạn*".

Tất cả giá trị của bài viết có lẽ là ở kết luận ấy : "*Chớ đi ngược lại các quy luật thiên nhiên và xã hội !*".

Gần đây, nhiều học giả phương Tây đã đi tới một nhận định chung rằng chủ nghĩa Mác tuy có ý nghĩa nhân văn trong mục đích xóa bỏ tệ người bóc lột người, xây dựng thế giới đại đồng trong đó mọi thành viên đều bình đẳng, nhưng lại chứa đựng nhiều ảo tưởng chủ quan không khoa học, biện pháp đấu tranh lại trái ngược với mục đích nói trên. Quan điểm đấu tranh giai cấp như động lực của tiến hoá, cũng như chuyên chính vô sản, được dung tục hóa bởi những học trò yếu kém về trí tuệ và phẩm hạnh về nhân cách đã gây ra những thảm họa cho một bộ phận của nhân loại. Tội ác chống chất được phanh phui sau khi hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới sụp đổ đã xóa bỏ hoàn toàn hào quang của mục đích mà Mác theo đuổi, chứng minh hùng hồn rằng chính chủ nghĩa Mác và sự ứng dụng nó là "*một sự ngộ nhận khổng lồ*" và là "*một tai họa khủng khiếp trong lịch sử nhân loại*".

Sự tỉnh ngộ của nhà báo Hoàng Tùng là một sự tỉnh ngộ vừa muộn màng vừa hơi hợt. Ông vẫn sử dụng những tài liệu do Liên Xô soạn thảo trong cái nhìn một chiều đối với thế giới trước và trong đại chiến thế giới lần thứ II để hết lời ca ngợi cống hiến to lớn của Liên Xô trong việc "*tiêu diệt phát xít Đức Ý Nhật, gây dựng nên một phe xã hội chủ nghĩa hùng mạnh, tạo điều kiện cho sự nghiệp giải phóng các nước thuộc địa...*" (!).

Tuy nhiên, Hoàng Tùng đã nhìn ra những nguyên nhân sinh ra những khuyết điểm và thiếu sót của chủ nghĩa xã hội hiện thực, thấy được tình hình thực tế là giai cấp công nhân hiện đại trong các nước tư bản phát triển không theo chủ nghĩa Mác, giai cấp vô sản thế giới đứng đưng với lời kêu gọi "vô sản toàn thế giới liên hiệp lại", mà chỉ có các nước phong kiến thuộc địa lạc hậu đi theo chủ nghĩa Mác mà thôi. Ông đặc biệt có lý khi cho rằng Mác luôn coi những luận điểm của mình chỉ là những lập luận chủ quan, luôn biến đổi theo thực tế, chỉ là kim chỉ nam để định hướng cho sự tìm tòi, bổ xung, hoàn thiện không ngừng, thì các đồ đệ (tự nhận) của ông lại coi chủ nghĩa Mác là một số nguyên lý cứng đờ, bất biến, như kinh thánh .

Hơn nữa sự áp dụng chủ nghĩa Mác, được vận dụng tùy tiện bởi Lenin, lại bị giải thích theo hướng tả khuynh-cực quyền của Stalin và theo kiểu tiểu nông của Mao, đã chỉ còn nhãn hiệu Mác. Ông cũng có lý khi chỉ rõ những người tự nhận là mác xít khi cầm quyền đã khinh rẻ, đổ kỵ và tàn sát trí thức mà họ gọi là bọn "thông thái rơm" ra sao, do đó mà cứ chống chất sai lầm vì không có trí tuệ, coi rẻ trí tuệ. Nhà mác-xít Hoàng Tùng đã vượt qua chính mình và vượt xa nhóm đương quyền hiện tại, vượt rất xa mấy trăm vị giáo sư tiến sĩ hủ lậu hiện đang còn tụng niệm chủ nghĩa Mác (để ăn tiền ?) ở học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (trước đây mang tên Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-

Lênin) khi ông dám bạo phổi kết luận - rất có cơ sở - rằng Stalin đã tàn bạo vượt quá Pierre Đại Đế, và tội ác chống chất của Mao Trạch Đông đã vượt xa Tần Thủy Hoàng.

Về tình hình hiện tại, ông chỉ ra nhu cầu "dân chủ hóa chính trị", "chống cực quyền", nhưng vẫn còn kiêng kỵ nói đến đa nguyên đa đảng; ông chủ trương "trong sáng, minh bạch, xây dựng con người", "coi trọng trí thức trong thời đại trí tuệ, nhưng ông lại bỏ quên việc xây dựng nhà nước pháp quyền theo nguyên tắc cân bằng, các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp phân lập kiểm soát, kiểm chế nhau"...

Nhìn chung, tuy có nhiều tiến bộ rõ rệt, sự nhận ra sự thật và lẽ phải của nhà lý luận Hoàng Tùng vẫn còn rất hạn chế. Bài viết của ông chứa đầy những mâu thuẫn không thể điều hoà. Ông vẫn còn bị quá khứ cầm tù, nói xuôi rồi lại nói ngược, tự mình phủ định mình.

Sống đến đầu thế kỷ 21 rồi, nhìn thấy đủ điều rồi, vậy mà ông vẫn nhìn cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc như công việc riêng của một đảng cộng sản, vẫn khẳng định: "*chưa có học thuyết nào hơn học thuyết Mác*" (!). Để rồi cao ngạo chỉ ra rằng tư tưởng mới trong thời đại mới phải dựa trên giá trị của trí tuệ mới, bằng tư duy mới... Và tất cả những cái đó phải được xây dựng trên nền tảng của... tư tưởng Hồ Chí Minh!

Không thể không bật cười khi đọc đoạn kết cực kỳ chủ quan và hàm hồ như thế trong tác phẩm này của Hoàng Tùng. Tác giả lú lẫn hay cố tình lừa dối rằng chính trong đại hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ II ở Việt Bắc năm 1951, ông Hồ Chí Minh đã chỉ lên ảnh Stalin và Mao Trạch Đông mà rằng: "*Ai cũng có thể sai, nhưng Bác bảo đảm rằng hai vị lãnh tụ này của chúng ta không bao giờ sai*" (!). Khi tôn vinh tư tưởng Hồ Chí Minh, tác giả không nên quên câu nói nổi tiếng đó của ông Hồ. Cho nên việc ông chỉ ra tệ cực quyền khi ứng dụng chủ nghĩa Mác, phê phán khá quyết liệt Stalin và Mao Trạch Đông, hoặc cha con Kim Nhật Thành (theo kiểu cha truyền con nối)... thì ông đã làm ra một nghịch đề. Nhưng là một nghịch đề đáng khen.

Chính vì những nhận thức "mới" nửa mùa, vẫn còn lẩm cẩm như trên mà Việt Nam đến nay vẫn chỉ đổi mới nửa vời, đổi mới tà tà, đổi mới mà vẫn rất cũ, rất hủ lậu, các vị cai trị vẫn cứ bắt nhân dân phải sùng bái cụ Mác và học thuyết Mác, mặc cho thiên hạ đã rước Mác vào nằm yên trong bảo tàng. Và tại các đại hội đảng các cấp sắp bắt đầu để đi đến đại hội đảng toàn quốc lần thứ X người ta vẫn phải khai mạc bằng cách đứng dậy nghiêm chỉnh chiêm ngưỡng hai bức ảnh to tướng hai ông tây râu xồm - Mác và Lênin - ngự trị trên đầu bức tượng lớn ông Hồ, mặc dù hai ông này chẳng hề biết đất nước Việt Nam tròn méo ra sao, chưa hề đặt chân đến châu Á xa xôi và cũng chẳng hề viết một cuốn sách nào, một dòng chữ nào về Việt Nam để chỉ đường dẫn lối cho mấy ông học trò thừa thói theo đuôi, thiếu ý thức tự chủ, đang cưỡng ép nhân dân ta tiến lên theo con đường "duy nhất đúng" của mấy ông.

Xem ra cơn mê sảng của đảng cộng sản đi cùng với nỗi bất hạnh của dân tộc vẫn chưa chịu chấm dứt.

Bùi Tín (Paris)

Còn lại gì?

Phạm Thị Hoài
©2005 talawas

Như mây đã sẵn ở trên trời, lúc tôi sinh ra chiến tranh cũng đã sẵn. Tôi không phải làm quen với nó, nó phải làm quen với sự xuất hiện của tôi. Mười lăm năm, ngày ngày ngửa mặt ngắm chiến tranh chậm chậm trôi, tôi không là một đứa bé bất hạnh. Những đám mây ấy phần lớn đều màu hồng. Thỉnh thoảng có đám mây giống, nhưng chỉ để màu hồng sau đó càng rực rỡ. Ngay cả khi chiến tranh ở nơi sơ tán là chòm bom lao vùn vụt, nhanh hơn mọi vật biết chuyển động mà tôi từng biết cho đến lúc ấy; ngay cả khi chiến tranh là những cánh tay và khúc chân rơi rải rác mà lúc đi nhặt tôi cố đoán chúng từng thuộc về bạn nào, lớp nào..., thì với tôi, sinh ra và lớn lên tại miền Bắc Việt Nam những năm sáu mươi và bảy mươi, chiến tranh tự nhiên thuộc về cuộc sống, là phần tươi hồng của cuộc sống. Gần với cuộc chiến ấy, cái chết cũng lấp lánh, cũng nháy mắt hẹn ngày mai gặp lại. Nếu không có thay đổi gì đặc biệt, lúc tôi ra khỏi cuộc đời thì chiến tranh hẳn vẫn bình thản trôi tiếp, như mãi mãi là thế, như mây trên trời.

Mùa xuân năm 1975, từ giữa tháng Ba với Buôn Ma Thuột, mọi buổi sáng trước giờ khai giảng một học sinh tiên tiến được vinh dự cầm cây cờ đỏ sao vàng bé xíu lên cắm trên tấm bản đồ đất nước, đứng ở điểm vừa được giải phóng, vừa "hoàn toàn thuộc về ta". Huế 26-3, Đà Nẵng 29-3, Phan Rang 16-4, Xuân Lộc 21-4... Màu đỏ san sát, tiến ào ạt xuống phía Nam tới mức tôi sợ đến lượt mình thì không còn đất cắm. Ngày 27-4, cầm lá cờ làm bằng giấy màu và tấm tre tiến vào Bà Rịa, tôi cũng khóc như bao người, nhưng không phải nước mắt của chiến thắng. Tôi có biết gì đâu về cái giá của chiến thắng. Đó là nước mắt của chia tay. Chiến tranh đã làm quen với tôi, nay tôi phải làm quen với sự ra đi của nó. Ai sẽ thay nó, nháy mắt chào? Còn lại gì, sau chiến tranh?

Một thập kỷ hậu chiến với chế độ phân phối thời chiến, nếp sống hà khắc thời chiến, tư duy sắt đá thời chiến, xung đột quân sự ở biên giới phía Tây với Cambodia, xung đột quân sự ở biên giới phía bắc với Trung Quốc và sự tiếp diễn của chiến tranh lạnh đã biến nền độc lập dân tộc vừa giành được thành sự cô lập quốc tế, biến đất nước vừa thống nhất thành một lãnh thổ toàn vẹn của nghèo đói, lạc hậu và đàn áp từ Bắc chí Nam. Sống ở Hà Nội đầu những năm tám mươi, tôi đã hình dung mình sẽ sinh một đứa con, và nó sẽ mở đầu lí lịch bằng câu: Như mây đã sẵn ở trên trời, khi tôi sinh ra hậu chiến cũng đã sẵn. Ngày ngày cúi mặt cho những đám mây hậu chiến màu chì chậm chậm trôi... Nhưng giữa thập niên tám mươi, chính sách Đổi mới bắt đầu. Những người chiến thắng phải mất mười năm để nhận ra rằng vinh quang không phải là thứ nhai được thay cơm. Năm 1994, lệnh cấm vận thương mại với Việt Nam được bãi bỏ, tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt-Mĩ bắt đầu. Nước Mĩ mất hai mươi năm để kí giao kèo hòa thuận với quá khứ của chính mình. Với Mĩ, chiến tranh Việt Nam đã hoàn toàn thuộc về lịch sử. Nó chỉ còn được

dùng bốn năm một lần làm phép thử không mấy hiệu nghiệm cho lòng ái quốc và tư cách đạo đức của các ứng viên tổng thống, hoặc để đối chiếu với những cuộc chiến khác mà Mĩ đã và có thể sẽ bận bịu tiến hành. Ba mươi năm sau, người ta nói ngắn gọn : lịch sử đã lên sào, hãy cho nó được nghỉ yên, không có lí do gì để khai quật những chứng tích chẳng còn liên quan đến hiện tại. Hãy nhìn về tương lai.

Tôi thuộc về số - có lẽ là thiếu số - những người không dễ dàng tuyên bố như thế. Ba mươi năm sau, lá cờ nhỏ bằng nửa bao diêm gắn trên đầu tấm mà tôi cắm vào Bà Rịa trở nên trĩu nặng trong tay tôi hơn bao giờ. Vàng, 4 triệu dân thường, 1 triệu binh sĩ tử vong, hàng triệu trẻ em mồ côi và phụ nữ góa bụa, hàng chục triệu người chịu thương tích thể xác và tâm hồn, 76 triệu lít chất độc hóa học và 13 triệu tấn bom đạn... là những con số đã thuộc về lịch sử, tôi không khai quật những con số. Nhưng các hậu quả trầm trọng nhất của cuộc chiến tranh đạt những kỉ lục không thể vượt qua của sự phi nhân tính ấy vẫn còn nguyên, đơn giản vì chúng chưa bao giờ được đưa vào danh sách các hậu quả cần khắc phục.

Kết cục của chiến tranh Việt Nam là sự toàn thắng của những người cộng sản. Cuộc chiến ấy là nguồn sữa, trường học và hòn đá thử của chủ nghĩa cộng sản Việt Nam, là lời biện minh của lịch sử cho quyền lãnh đạo tất yếu của đảng cộng sản, là bằng chứng của sự hoàn thành một Thiên mệnh. Chủ nghĩa cộng sản đã tìm được con đường đặc biệt của nó tại Việt Nam để lên ngôi : thông qua một Thiên mệnh đặc biệt đậm máu. Song chiến tranh thì đã qua, Thiên mệnh vẫn còn lại. Từ ấy đến nay, tính chính đáng của ba mươi năm trước được ôn lại ráo riết, được khẳng định bền bỉ, được chân lí hóa và thần thánh hóa ; những anh hùng thời chiến tiếp tục giành độc quyền chỉ huy thời bình ; chế độ chỉ đạo quân sự trong chiến tranh thăng hoa trọn vẹn vào chế độ lãnh đạo toàn trị trong hoà bình. Hơn ai hết, Đảng Cộng Sản Việt Nam hiểu rõ rằng mọi thứ đều có thể đổi mới, nhưng huyền thoại về Thiên mệnh ấy không được phép suy suyển, bởi mọi lí tưởng của chủ nghĩa cộng sản hoặc đã bị bản thân những người cộng sản đang cầm quyền phản bội mà không một lời tự xin lỗi, ít nhất trước chính mình, hoặc đã hoàn toàn phá sản.

Chẳng lẽ có thể xếp cuộc chiến tranh ấy vào hồ sơ của một giai đoạn lịch sử, nhưng giấy ủy nhiệm của giai đoạn lịch sử ấy thì giữ vô thời hạn cho riêng mình ? Tại Việt Nam ba mươi năm sau chiến tranh, những giá trị nền tảng của văn hóa Việt truyền thống đều đã mất hiệu lực, những giá trị cao cả nhất của lí tưởng cộng sản đã trở thành trò hề, những giá trị căn bản nhất của mô hình dân chủ xuất phát từ phương Tây chưa tìm được chỗ đứng, và những giá trị tích cực nhất của một thế giới toàn cầu hiện đại chưa thành hình. Nạn tham nhũng, tình trạng phạm pháp, sự băng hoại đạo đức và nhân cách, sự sụp đổ của hệ thống y tế và giáo dục, đà tăng tiến chóng mặt của bất bình đẳng xã hội, quả bom nổ chậm của xung đột sắc tộc và tôn giáo, nguy cơ hỗn loạn từ một nông thôn khổng lồ hoàn toàn bị bỏ rơi, sự tàn phá và ô nhiễm môi trường, sự nghèo nàn thảm hại của đời sống tinh thần, sự tê liệt của tầng lớp trí thức, sự vô hiệu

hoá khả năng liên kết của các tầng lớp xã hội, sự khủng hoảng niềm tin và thiếu vắng hi vọng..., trước tất cả những vấn nạn đó của thời hậu cộng sản, chế độ toàn trị tại Việt Nam đã có đủ thời gian và cơ hội để chứng minh xuất sắc rằng mình không còn thẩm quyền, và nhất là không còn độc quyền đưa ra giải pháp. Chẳng lẽ có thể tiến cuộc chiến tranh Việt Nam vào bảo tàng, nhưng đi theo chế độ toàn trị Việt Nam vào tương lai ? Chẳng lẽ cái giá xứng đáng cho hòa bình là một nền độc tài ?

Kết cục của chiến tranh Việt Nam không phải là sự sụp đổ của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, mà là sự tiêu vong của Việt Nam Cộng Hòa, quốc gia từng hiện diện trên một nửa lãnh thổ Việt Nam không kém hợp pháp hơn người anh em của nó ở phía Bắc, và - bất chấp tất cả sự thối nát của những nội các cụ thể, sự bất lực của các nhân vật lãnh đạo cụ thể - là nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam thiết lập trên những nguyên tắc căn bản của nền dân chủ hiện đại. Tôi sẽ không bao giờ gột nỗi thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan trong bức hình nổi tiếng của Eddie Adams ra khỏi trí nhớ, và những lời nói sau của người phóng viên nhiếp ảnh ấy chỉ tô đậm đường nét bị kịch quá đỗi mà Orina Fallaci đã phác họa sau buổi gặp giữa bà và ông giám đốc nha cảnh sát Sài Gòn, người yêu hoa hồng, Brahms, Chopin, khinh bỉ nghiệp võ biền, ví một nhà sư tự thiêu trong phong trào Phật giáo phản kháng với một con chó say ma túy và coi Việt Cộng là một lũ trẻ hư đáng bị ăn đòn. Nhưng nhà tù, trại cải tạo, tước đoạt tài sản, kì thị trẻ em lai, phân biệt đối xử và thanh trừng trí thức, hủy diệt và cấm đoán các sản phẩm văn hóa nghệ, xóa trắng hàng loạt cuộc đời và sự nghiệp... ở quy mô bao trùm toàn xã hội miền Nam ngay sau ngày giải phóng nhất định không phải là những hành vi xứng đáng với tư thế của kẻ chiến thắng trong chính nghĩa, không phải là bằng chứng cho tính ưu việt của chế độ mới so với chế độ mà nó vừa kết liễu. Ba mươi năm sau, Việt Nam vẫn chưa một lần chính thức ghi nhận cuộc di tản đau thương của gần một triệu người Việt miền Nam. Như thể họ không thuộc về dân tộc Việt và khối đại đoàn kết dân tộc đã khai trừ họ. Như thể nước Việt Nam là của những người Việt này và không của những người Việt khác. Như thể lúa đã mọc lại trên chiến hào ra sao thì tình dân tộc ắt bắt rễ trên miệng hố sâu của chia rẽ và hận thù như thế, chẳng cần ai khỏa lấp. Người ta dễ dàng nói ngắn gọn : Vết thương đã ăn da non, đừng ngoáy sâu vào nữa. Nhưng đó không là vết thương. Đó là khối u mà thời gian không hề là phép chữa nhiệm mầu. Ngược lại. Sự chia cắt dân tộc là điểm xuất phát của cuộc chiến, chẳng lẽ điều còn lại ba mươi năm sau chiến tranh vẫn là chia cắt ? Làm sao có thể hòa giải, nếu không sám hối và tha thứ ? Làm sao có thể khép lại quá khứ, khi người Việt và người Mĩ đã có thể chìa tay cho nhau, nhưng người Việt tiếp tục không chìa tay cho người Việt ?

Ba mươi năm nay, với mỗi ngày một lòng biết ơn không thuyên giảm, tôi làm quen với hoà bình. Nhưng những cái bóng đen nhất mà chiến tranh Việt Nam hắt lại vẫn còn đó. Vẫn chầm chậm trôi, như mãi mãi là thế, như mây trên trời. Nếu không có thay đổi gì đặc biệt.

Phạm Thị Hoài (Berlin)

Chuyện cung đình Hà Nội

Đầu tháng 4-2005, trong tiến trình chuẩn bị Hội nghị trung ương thứ 12 (tháng 6-2005) của Đảng Cộng Sản Việt Nam, Bộ chính trị đã tổ chức một buổi họp "tuyệt mật" giữa những "siêu công thần", tức những cựu tổng bí thư và ủy viên bộ chính trị, cựu chủ tịch và phó chủ tịch nước, cựu phó chủ tịch quốc hội. Hội nghị qui tụ hơn bốn mươi người. Cựu chủ tịch nước Lê Đức Anh vắng mặt.

Tổng bí thư Nông Đức Mạnh làm chủ trì, thường trực ban bí thư Phan Diễn và trưởng ban tổ chức Trần Đình Hoan làm phụ tá. Nội dung chính thức của cuộc họp là thu thập ý kiến vào đề cương chính trị sẽ đưa ra trong Đại hội X, nhưng sau đó biến thành cuộc phê phán những thiếu sót, sai lầm của bộ chính trị về đường lối, chính sách và sắp đặt nhân sự. Khi thấy không khí sôi nổi bất lợi cho mình, cựu tổng bí thư Đỗ Mười đã lặng lẽ ra về. Chỉ có bốn "đồng góp" của bà Nguyễn Thị Bình, các ông Nguyễn Đức Bình, Đặng Quân Thụy, Lê Xuân Tùng là theo đúng nội dung, nhưng đó chỉ là những lời minh họa, tán tụng nhằm chấn "thành tích 20 năm đổi mới" của đảng cộng sản. Cuộc họp dự trù bế mạc sau hai ngày (6 và 7-4-2005) nhưng vì những trao đổi quá căng thẳng giữa các hội thảo viên nên đã phải kéo dài thêm một ngày và chỉ bế mạc hôm 8-4-2005.

Các vị "lão thành cách mạng" - các ông Võ Nguyên Giáp, Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ, Chu Huy Mân, Đỗ Quang Thắng, Lê Khả Phiêu, Hoàng Tùng, Nguyễn Văn Trân, Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Đức Tâm, Lê Phước Thọ, Đồng Sĩ Nguyên, Đoàn Duy Thành - lần lượt chất vấn và phê bình Bộ chính trị và Ban bí thư, đồng thời cũng đưa ra cách giải quyết một số các vấn đề chính như sau :

- Bộ chính trị cùng Ban bí thư quyết định độc đoán, quan liêu, kể cả những vấn đề nghiêm trọng ; không xử lý tập thể nên không được cán bộ, đảng viên đồng tình. Sự chuyên quyền gây mất đoàn kết từ trung ương đến cơ sở.

- Thái độ nhập nhằng, xử lý các vụ việc không nghiêm túc, không giải quyết thỏa đáng đúng người đúng tội.

- Việc thành lập Tổng cục 2 là một sai lầm, đó là một vụ án chính trị mà ba nhân vật Lê Đức Anh, Đặng Vũ Chính, Nguyễn Chí Vịnh, phải chịu trách nhiệm.

- Không thể tiến lên chủ nghĩa xã hội một cách giáo điều, đang có tình trạng loạn về lý tưởng. Chưa bao giờ đảng có quyền thế như bây giờ, nhưng cũng chưa bao giờ đảng suy thoái, uy tín sút giảm như bây giờ. Chưa bao giờ nhân dân có đời sống cao như bây giờ, nhưng chưa bao giờ đạo đức, văn hóa suy đồi như bây giờ.

- Đảng vẫn giữ tổ chức như thời kháng chiến trong khi tình hình đã khác lắm rồi. Phải giảm bộ máy quá cồng kềnh, kém hiệu lực. Nhiều tổ chức đảng đã tê liệt sức chiến đấu ; sinh hoạt đảng rất mờ nhạt.

- Động cơ vào đảng là vì danh lợi, chức quyền. Nạn mua chức, mua quyền, tha hóa đảng viên là do những người đương chức. Trong Bộ Chính Trị có vấn đề nhà cửa, vợ con.

Ông Hoàng Tùng than phiền : "... không đổi mới về chính trị ; những ý kiến xây dựng cũng bị cấm kỵ... Sự việc

sai không kết luận... Ta đã có bài học Liên Xô : suy thoái từ cấp bộ cao, từ người cầm đầu. Sụp đổ là do nội bộ, bên trong chứ không phải bên ngoài... Chủ nghĩa Mác-Lenin ra đời từ thế kỷ 19, nay ta bê vào hết tất cả..."

Đại tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh : "... nhiều thư từ, kiến nghị, gửi tới Trung ương và Bộ Chính Trị, nhưng cứ giữ lại đấy mà không giải quyết... Một số đồng chí Trung ương cho biết là không được biết thư của tôi (về vụ Năm Châu - Sáu Sứ, T4) và cũng không được thông báo giải quyết như thế nào... Việc Nguyễn Chí Vịnh tôi đã nói với cả anh Nông Đức Mạnh, nhưng rồi cứ bỏ nhiệm, để bặt..."

Đại tướng Chu Huy Mân nói thêm : "Vụ T4, tôi và anh Văn (Võ Nguyên Giáp), anh Nam Khánh, đã có thư gửi Bộ Chính Trị ; Bộ Chính Trị bảo đã giải quyết rồi. Nhưng đã giải quyết thỏa đáng đâu ?... Về Tổng cục Tình báo Quốc phòng (Tổng Cục 2), chúng tôi góp ý kiến xây dựng thì lại bảo chúng tôi là phần tử cấp tiến". Chỉ vào Trần Đình Hoan, ông nói tiếp : "Anh làm tổ chức mà để bặt Nguyễn Chí Vịnh trong khi có biết bao đơn tố cáo, thế mà anh cứ làm. Nếu anh thấy không làm được theo di chúc Bác Hồ thì thưa với Bác : cháu xin thôi để các đồng chí khác làm".

Ông Võ Nguyên Giáp và ông Mai Chí Thọ dẫn lời ông Võ Văn Kiệt : "Phải 6 tháng suy nghĩ cân nhắc, rồi tôi mới ký nghị định chính phủ (lập Tổng cục 2), do bị thúc ép ; tôi thấy đó là khuyết điểm và tôi sẵn sàng chịu kỷ luật". Ông Võ Văn Kiệt xác nhận lời tuyên bố này, và nêu thêm những sai sót mới đây của Bộ Chính Trị, như "quyết liệt" luân chuyển cán bộ, qui định 19 điều đảng viên không được làm không đúng Điều lệ đảng.

Những tiết lộ về buổi họp "tuyệt mật" về tình trạng căng thẳng và gay go trong nội bộ trên đây cho thấy Bộ chính trị đang rất lúng túng chưa biết giải quyết thế nào. Dư luận cũng đã được nghe biết những phát biểu công khai thời gian vừa qua của mấy ông Hoàng Tùng, Trần Văn Hà, Lê Đăng Doanh, Võ Văn Kiệt về những sai lầm thiếu sót của đảng và nhà nước, về sự cần thiết cải đổi để kịp ứng phó với thời cuộc. Tâm lý bất mãn, mất tin cậy, hết nể sợ đối với chế độ, đặc biệt là với cấp lãnh đạo đương thời, ngày càng lan rộng.

Vụ án siêu nghiêm trọng Tổng Cục 2 và T4 đã bị cố tình cho chìm vào quên lãng nhưng vẫn không xong. Âm mưu "khoanh" vấn đề, không dứt khoát xử tận gốc vấn đề của Bộ chính trị chẳng qua là một sự bao che lẫn nhau, trốn tránh trách nhiệm. Cuộc tranh chấp quyền lực giữa những "cựu công thần" và "đại thần" của chế độ chắc chắn sẽ còn tiếp diễn ở Hội nghị trung ương 12 (tháng 6) và ở Đại hội X (cuối năm 2005). Không chừng Đại hội X sẽ là đại hội cuối cùng của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Chế độ xã hội chủ nghĩa mà đảng cộng sản đang cố bám víu chỉ là sự nối tiếp guồng máy cai trị độc tôn và độc tài của các triều đại phong kiến ngày xưa. Chế độ này đang để lộ sự suy tàn cuối trào tự nhiên của nó. Cái độc hại là càng suy thoái nó càng hung bạo đối với chính những người muốn thay đổi nó, trong cũng như ngoài đảng, và sẵn sàng sử dụng đủ mọi đòn phép để được tồn tại.

Nghiêm Văn Thạch (Paris)

Bánh vẽ hoàn toàn vẫn là bánh vẽ

Việt Hoàng

Đã 30 năm đã trôi qua kể từ ngày đất nước được "giải phóng", khi những binh đoàn bộ đội miền Bắc tiến về Sài Gòn như những cơn thác lũ, khi những chiếc xe tăng đầu tiên đã húc đổ cổng Dinh Độc Lập để những cán bộ cách mạng tiến vào "tiếp nhận" sự bàn giao chính quyền từ tướng Dương Văn Minh.

Thời gian trôi đi thật là nhanh chóng và nghiệt ngã mà không hề biết chờ đợi một ai. Những người lính trẻ măng hôm nào giờ đã già cả, thậm chí những đứa trẻ sinh ra trong những ngày tháng lịch sử đó cũng đã 30 tuổi, tức là đã sống được nửa đời người. Thời gian có lẽ đã làm nguôi ngoai đi phần nào những vết thương đau. Thời gian cũng là vị trọng tài công minh nhất khi phán xét lịch sử. Thời gian nửa đời người cũng đủ để những ai đó (vốn vẫn hay suy nghĩ) nghiền ngẫm được điều gì đó về quá khứ.

Ngày 30-4 hàng năm tuy không quá gần nhưng cũng chưa quá xa để có thể quên đi tất cả, tôi tin rằng vào ngày này có rất nhiều người (biết ưu tư) sẽ ưu tư. Không những những người của phía bên kia (Việt Nam Cộng Hòa) ưu tư về những sai lầm của mình, ưu tư về cuộc sống tha phương, những ngày chạy trốn... mà còn cả những người lính (và cả tướng) của phía bên này (những người chiến thắng) nếu biết ưu tư cũng sẽ ưu tư.

Nhiều người có lẽ sẽ cười tôi ở chỗ này, nhưng hãy tin tôi đi ! Suy nghĩ, ưu tư... luôn là những việc khó khăn, chán chường và mệt mỏi. Có lẽ vì thế mà nhiều người không muốn suy tư, nghĩ ngợi, mà chỉ biết nghe người ta nói gì thì lặp lại y như vậy, không bao giờ đặt những câu hỏi ngược lại hay thắc mắc, họ hài lòng (hoặc chấp nhận) những cái gì đã có, đang có. Không muốn và không dám thay đổi suy nghĩ của mình, cho dù rằng có biết, có nghe nói đến những cái tương tự tốt hơn. Tâm lý "sống nhục còn hơn chết vinh" chứ không phải "chết vinh hơn sống nhục" đang ngự trị trong mọi tầng lớp của xã hội Việt Nam. Người ta vẫn hay nói với nhau là "hãy quên hết đi, đừng suy nghĩ làm gì cho đau đầu...", "vô tư đi mà sống", "hãy an phận đi mà sống", "đừng dây vào chính trị làm gì"... Có lẽ sung sướng nhất là những người lao động chân tay, về đến nhà mệt mỏi là lăn ra ngủ, không cần suy nghĩ gì cả. Ngược lại những người hay suy nghĩ, hay đặt câu hỏi, thắc mắc về mọi chuyện, mọi điều và rồi cứ cố tình tìm cho được câu trả lời một cách rõ ràng nhất, cụ thể nhất... thì là những con người luôn luôn khổ. Tôi ví dụ, nếu một người Việt mà chưa bao giờ ra nước ngoài, thì với những gì đang có, đang phải chịu hàng ngày thì họ vẫn có thể cho đó là bình thường, thế nhưng chỉ cần ra nước ngoài một lần thôi, dù rằng Thái Lan hay Malaysia thì họ không thể không cảm thấy xấu hổ về sự tụt hậu của nước mình, không thể không xót xa cho thân phận bọt bèo của người Việt Nam mình. Tất nhiên là nếu người đó biết xấu hổ và biết ưu tư, còn nếu "vô cảm" thì cho rằng đó là "chuyện của người ta", "hoàn cảnh của Việt

Nam khác", "thời Pháp thuộc cơm không có ăn, giờ có ăn là tốt rồi", v.v. (đây là nói chung, còn thì vẫn có những người không cần đi đâu cả mà vẫn hiểu, biết, hình dung ra được những gì đang xảy ra tại Việt Nam và trên thế giới).

Những người biết ưu tư này đôi khi bị một số người xem là "dại dột", và "lắm chuyện", thậm chí là "phản động". Họ khi đã tìm được câu trả lời rồi mà không có phản ứng hoặc không làm gì cả thì họ sẽ thấy day dứt, dằn vặt, đau đớn với chính họ. Còn nếu họ nói hoặc làm, hoặc thể hiện một cái gì đó cho đúng với lương tâm họ thì nhiều khi tai họa lại ập đến. Đó chính là diễn biến và hiện thực của những người đang đấu tranh cho dân chủ ở trong nước. (như bác sĩ Phạm Hồng Sơn, nhà báo Nguyễn Vũ Bình, cựu chiến binh Nguyễn Khắc Toàn...).

Trở lại ngày 30-4, với những người chiến bại họ nghĩ gì ? Day dứt ra sao ? Theo tôi thì (dù rằng tôi thuộc thế hệ khác và không cùng chiến tuyến với họ) suy nghĩ của họ (hoặc một phần lớn trong họ), nhất là sau những gì đã trải qua sau 30 năm sẽ là sự ân hận, chua xót. Ân hận bởi vì đã có lúc trong tay họ đã có mọi thứ : lí tưởng, tổ quốc, đồng bào, quân đội, bạn bè đồng minh... thế nhưng đã không bảo vệ được đến cùng những thành quả mà bao nhiêu người đã ngã xuống, đã hy sinh... để rồi chua xót cho thân phận của bản thân mình, gia đình mình, tổ quốc mình... đã phải bỏ xứ ra đi mang theo bao nhiêu là nỗi niềm và cay đắng. Với những cố gắng và nỗ lực cuối cùng họ cũng đã không làm được gì để mang lại tự do và dân chủ cho quê nhà, những hoạt động và phong trào đấu tranh của họ mang nặng hình thức hơn là hiệu quả.

Giờ đây, sau hơn 30 năm, họ đã tiến dần đến sự chia sẻ và đoàn kết với những lực lượng dân chủ ở trong nước. Đó là một sự kiện rất đáng mừng và đáng khuyến khích. Lực lượng quyết định để thay đổi vận mệnh dân tộc là do lực lượng tiến bộ ở trong nước, hải ngoại chỉ là nhân tố phụ và là hậu phương chứ không là tiền tuyến. Nếu hai lực lượng này tìm được tiếng nói chung thì kết quả sẽ không quá xa (và quá lâu) như trước nữa.

Trong suốt 30 năm qua nhiều người đã tự hỏi : Tại sao lại thất bại ? Nhiều câu trả lời đã đưa ra, nhưng có lẽ câu trả lời đầy đủ nhất là từ ông Nguyễn Xuân Nghĩa với bài "Mở Hồ Sơ 30 Năm : Vì Sao Mỹ Thất Trận ?" đăng trên *Việt Báo*. Tác giả kết luận rằng chúng ta và cả người Mỹ nữa đã không biết mình, biết địch nên mới chuốc lấy thất bại. Ngày xưa Việt Nam Cộng hòa cứ "lầm lẫn" tin rằng miền Nam Việt Nam là con bài chiến lược của Hoa Kỳ, là thành lũy ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản... để đến lúc gần mất miền Nam ông Thiệu lên đài truyền hình than trách rằng Hoa Kỳ đã bỏ rơi đồng minh. Cái "lầm lẫn" ngày xưa đó, 30 năm sau vẫn được đảng cộng sản "phát huy", vì vẫn nghĩ rằng Việt Nam có một vị trí địa lí quan trọng như là một tiền đồn chống đế quốc Trung Hoa...

Tất nhiên Mỹ sẽ thuận lợi hơn rất nhiều nếu có một đồng minh như Việt Nam, nhưng không đến mức "không thể thiếu được". Lí do là căn cứ quân sự của Mỹ có mặt trên khắp các châu lục và, do những tiến bộ về kỹ thuật quân sự như tàu sân bay, tên lửa hành trình..., đã bớt được sự phụ thuộc vào các vùng lãnh thổ. Chính quyền cộng sản Việt Nam cần í thức rằng : Việt Nam cần Mỹ hơn là Mỹ cần Việt Nam, muốn chính quyền Mỹ tôn trọng và hợp tác với Việt Nam thì phải rõ ràng và minh bạch trong mọi chuyện. Còn nếu cố tình dùng thủ đoạn và thủ thuật thì Mỹ cũng đủ khôn ngoan để đối phó. Bang giao với Mỹ khó lòng cải thiện được nếu bộ công an, bộ quốc phòng Việt Nam vẫn xác định rằng Mỹ là "thế lực thù địch", và "luôn tìm cách can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam" (thông qua hai bản báo cáo "tối mật" của bộ quốc phòng năm ngoái và của bộ công an mới đây).

Cũng có lẽ do không hiểu được chiến lược quân sự của Nga ở Châu Á (Nga ngày nay đâu còn là một siêu cường nữa, nên nhiều lúc lo cho bản thân đã "toát mồ hôi" thì một cái căn cứ quân sự ở tận Việt Nam xa lắc xa lơ đâu còn khiến chính quyền Nga quan tâm) nên chính quyền Việt Nam đã mắc phải một sai lầm, đó là đòi tăng giá thuê căn cứ quân sự tại Cam Ranh khiến Nga phải bỏ căn cứ này. (Có lẽ để trả đũa cho vụ này mà chính quyền Nga đã không mời Việt Nam tham dự Lễ kỉ niệm 60 năm ngày Chiến thắng phát xít Đức đang được tổ chức rầm rộ ở Nga, trong khi Nhật, Đức, Ý hay Cuba, Bắc Triều Tiên đều được mời). Dù với lí do gì thì đây cũng là một thất bại ngoại giao đáng xấu hổ cho Việt Nam.

Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế quả thật đáng buồn. Ngay cả Nga còn đối xử với Việt Nam như vậy thì còn ai là bạn của chúng ta nữa ? Cứ nghĩ đến cảnh chính quyền Việt Nam đón tiếp nồng nhiệt tổng thống Nga Putin khi sang thăm Việt Nam mà tôi cứ thấy "ngượng" cho những gì đã thấy, đã chứng kiến, và xót xa thay cho những người Việt đang sinh sống tại Nga, đang phải hàng ngày đối mặt với cảnh sát và bọn đầu trọc. Rồi mới đây nhất là vụ để cho sinh viên Trung Quốc biểu tình tại Đại sứ quán Nhật tại Hà Nội (đòi đuổi Nhật ra khỏi Việt Nam), đây là một hành động rất thô thiển và tối kị trong quan hệ ngoại giao quốc tế. Chẳng lẽ chính quyền Việt Nam lại sợ Trung Quốc đến như vậy ? Trong khi sinh viên Việt Nam biểu tình để phản đối vụ biên phòng Trung Quốc bắn chết 9 ngư dân tỉnh Thanh Hóa thì bị ngăn cấm và bắt bớ ?

Đó là những ưu tư của người chiến bại, thế còn người chiến thắng nghĩ gì ? Tự hào và huênh hoang, đó là tâm lí của kẻ cầm quyền hiện nay, thiết nghĩ không bàn cãi làm gì. Cái mà tôi muốn đề cập đến đây là suy nghĩ và ưu tư của đa số dân chúng miền Bắc, các cựu chiến binh, cựu thanh niên xung phong, các vị lão thành cách mạng..., Nói chung, đó là tất cả những người đã vắt kiệt sức mình cho cuộc "kháng chiến" vừa qua. Tất nhiên vẫn còn một số ít trong số những người đó vẫn coi nhưng ngày tháng "hào hùng" đó như một thứ men rượu để tự an ủi mình mỗi khi đối mặt với những bất công và khó khăn của đời thường, đó là những kẻ "trốn chạy" hiện tại, "gặm nhấm" vinh

quang của quá khứ để sống qua ngày, họ sợ hãi và yếu đuối đến mức thấy một đảng (hiện tại) nhưng nói một nẻo. Họ là những kẻ "ăn mày dĩ vãng", đúng như lời nhà văn Chu Lai đã viết. Họ vẫn cứ cố tình ru ngủ mình và ru ngủ mọi người. Qua bài viết này tôi xin được cảm ơn ông Võ Văn Kiệt (cựu thủ tướng nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam) đã nói ra được điều này cho nhiều người. Tôi tin là ông nói thật lòng mình, nói ra điều này là một việc vô cùng khó khăn đối với ông. Nhưng vì "lòng quả cảm" và tấm lòng vẫn còn nghĩ đến mọi người, mà ông sẽ được kính trọng hơn, tha thứ hơn.

Nhưng tôi tin rằng đây chỉ là một số ít, còn đại đa số mọi người đã quá hiểu rõ bộ mặt thật của chính quyền cộng sản. 30 năm rồi, dù đầu óc có tăm tối đến cỡ nào đi nữa thì cũng có thể phân biệt đâu là "bánh vẽ" đâu là bánh thật ? Kẻ cai trị luôn rêu rao rằng họ đấu tranh và làm tất cả vì hạnh phúc của nhân dân. Là đại diện của giai cấp công-nông, thử hỏi ai là người có được hạnh phúc ? Ai được sống trong nhung lụa ? Ai bần hàn, rách nát ? Cuộc sống vương giả của các vị quan chức cách mạng so với cuộc sống nghèo khổ của người dân thường ra sao ? Có lẽ một đứa trẻ không học hành gì cũng thấy rõ điều đó !

Nhiều người đã mạnh dạn rũ bỏ tất cả những gì đang được "ban tặng" để nói lên tiếng nói của lương tâm và sự thật. Người đầu tiên sau thời kì đổi mới và "cao cấp" nhất có lẽ là ông Trần Xuân Bách, ủy viên bộ chính trị. (Không hiểu vì sao từ đó đến nay không thấy ông xuất hiện và phát biểu gì nữa ? Có lẽ ông bị các "đồng chí" của mình kiểm soát chặt chẽ quá chăng ?) Sau đó là ông Trần Độ, cố trung tướng quân đội, từng giữ chức vụ trưởng ban tư tưởng văn hóa trung ương ; rồi đến lượt các ông Bùi Tín, cựu đại tá quân đội, cựu phó tổng biên tập báo *Nhân Dân Chủ Nhật* (tiếng nói của Đảng Cộng Sản Việt Nam), ông Nguyễn Vũ Bình, biên tập viên *Tạp Chí Cộng Sản* (cơ quan lí luận của đảng cộng sản) rồi mới đây nhất là lá thư của ông Võ Văn Kiệt, cựu thủ tướng, và bao nhiêu người nữa...

Những kẻ thiếu hiểu biết cho rằng những người này là cơ hội, phản động này nọ, mà không chịu hiểu cho rằng để hiểu chế độ cộng sản có lẽ không ai bằng họ, chức vụ của họ đâu phải nhỏ. Chúng ta cũng dễ dàng thấy những người dân thân thiện mẽ nhất cho dân chủ lại đều xuất phát từ miền Bắc như tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang, nhà văn Hoàng Tiến, cụ Hoàng Minh Chính (cựu viện trưởng Viện Triết Học), bác sĩ Phạm Hồng Sơn, cựu chiến binh Nguyễn Khắc Toàn... Những người này đã lớn lên và làm việc dưới chế độ cộng sản nhưng không đồng tình với chế độ đó.

Còn những người sinh sống ở miền Nam thì không nói làm gì, những gì mà họ đã chứng kiến trong quá khứ có lẽ vẫn chưa phai mờ trong tâm trí. Họ đã có dịp (và cơ hội) để so sánh xã hội hiện tại với xã hội (tự do) ngày trước, dù chưa hoàn hảo nhưng cũng đã mang lại những điều tốt đẹp trong cuộc sống thực tế. Chính vì không muốn thấy và so sánh "tinh ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa" với chế độ cũ, hơn một triệu người đã bỏ nước ra đi.

Không những chỉ 30 năm trước mà ngay cả bây giờ : hàng ngày, hàng giờ vẫn có không biết bao nhiêu người

tìm cách "vượt biên" chạy trốn cuộc sống quá ư là vất vả nơi quê nhà để đi đến những chân trời vô định, nơi mà họ không thể nào hình dung được tương lai của họ và gia đình họ sẽ ra sao. Tất cả chỉ muốn rời khỏi Việt Nam là được rồi. Họ "vượt biên" bằng nhiều đường, "thuyền nhân" thì ít mà "phi nhân" (bằng đường hàng không) và "bộ nhân" (bằng đường bộ) thì rất nhiều.

Những "phi nhân" người Việt của thế kỉ 21 để tính hơn những "thuyền nhân" ngày xưa rất nhiều, họ là những thanh niên, thiếu nữ sẵn sàng đi bất cứ đâu, không cứ phải đến các nước tư bản mới chịu. Người ta thấy những thanh thiếu niên Việt Nam này tìm đủ mọi cách, sẵn sàng dấn thân nếu cần, để được sang các nước Đông Âu, Nga, Châu Phi, hay các nước láng giềng như Malaysia, Thái Lan, Đại Hàn, Nhật Bản... lao động, kể cả ở dợ và mãi dâm. Số phận của những "bộ nhân" thì thê thảm hơn nhiều, họ chủ yếu là người Thượng bị đàn áp sau hai vụ biểu tình ở Tây Nguyên (đầu năm 2001 và tháng 4-2004), tất cả đã băng rừng lội suối, chịu đựng đói rét, bệnh tật giữa rừng núi khi tìm đường vượt biên sang nước láng giềng Campuchia để tránh sự trừng phạt của chính quyền Việt Nam.

Tóm lại sau 30 năm "giải phóng" miền Nam, những cái bánh vẽ mà chính quyền cộng sản hứa cho như tự do, hạnh phúc, no ấm vẫn chỉ là những cái bánh vẽ. Những cái bánh thật mà đa số dân chúng không bao giờ có được chỉ dành riêng cho một số đảng viên, công chức cao cấp của chế độ. Với những đặc quyền và đặc lợi, những người này đã tự cho phép bòn vét của cải, tiền bạc cho bản thân và cho gia đình họ, bấp chấp sự tủi nhục và sự nghèo khổ cùng cực của dân chúng.

Những cán bộ này vô cảm với đồng bào đã dành nhưng chính dân chúng Việt Nam cũng vô cảm và thờ ơ với chính số mệnh của mình, đại đa số cam chịu và chấp nhận chế độ tồi dở đó mà không dám và biết phải làm gì. Thanh niên thì tìm quên trong ma túy và rượu chè, còn thiếu nữ tìm lạc thú trong thể xác và trưng diện, mặc kệ ngày mai sẽ ra sao. Chính sự thờ ơ đó đã giúp đảng cộng sản tồn tại và ngạo nghễ trong ngôi vị cai trị cho đến ngày hôm nay. Đảng cộng sản vẫn một mình một chiếu, không chấp nhận chia sẻ quyền lực với bất cứ ai. Không có đa đảng thì dân chúng lấy gì để lựa chọn và so sánh? Không có cạnh tranh thì làm sao có phát triển?

30 năm đã qua rồi, xin mọi người Việt Nam có lương tâm và hiểu biết hãy mạnh dạn nói lên tiếng nói của sự thật và chân lí, bởi vì "Í Dân là Í Trời", để thức tỉnh 83 triệu dân Việt Nam. Chỉ khi nào mọi người cùng nói lên tiếng nói của mình, tình trạng đáng buồn của nước Việt Nam hôm nay sẽ thay đổi. Sỡ dĩ đất nước chúng ta vẫn chưa có những thay đổi tích cực vì vẫn còn rất nhiều người vẫn chưa thấy trào lưu tiến hóa của nhân loại và tiếp tục ủng hộ chế độ độc tài. Tương lai của dân tộc Việt Nam phải do chính người Việt Nam quyết định. Nếu chúng ta cứ thờ ơ như hiện nay thì con cháu chúng ta sẽ phải chịu thêm tủi nhục vì thua kém và bất công thậm chí còn tệ hại hơn chúng ta bây giờ rất nhiều lần.

Việt Hoàng (Moskva)

Cung đình Hà Nội bước vào mùa hè nóng bỏng : ĐẦU LÀ LỜI THOÁT ?

Bùi Tín

Cả thế giới vừa sôi nổi kỷ niệm 60 năm chiến thắng phát-xít. Có những sự kiện lịch sử cần có thời gian để nhìn lại, nghiền ngẫm và đánh giá sâu sắc. Với Việt nam, kỷ niệm 30 năm ngày 30 tháng 4 cũng cho ta dịp nhìn lại và đánh giá đầy đủ hơn sự kiện lịch sử chấn động này.

Giải phóng hay chiếm đóng?

Đầu tháng 5 vừa qua, tổng thống Bush sang dự kỷ niệm chiến thắng phát-xít tại thủ đô Riga đã nhận định rằng ngay sau chiến thắng phát-xít, ba nước Estonia, Lettonia và Lithuania đã rơi vào ách *chiếm đóng* của cộng sản Liên Xô kéo dài nửa thế kỷ, gần đây ba nước này mới được giải phóng để khôi phục nền độc lập và bước vào kỷ nguyên dân chủ và tự do. Đây là sự thật hiển nhiên, mặc cho đúng vào lúc ấy một cuộc hội thảo khoa học xã hội ở Hà Nội vẫn còn ca ngợi công trạng hiển hách của Staline và Hồng quân Liên Xô đã giải phóng các dân tộc châu Âu và thế giới khỏi tai họa phát-xít. Thì ra giải phóng chỉ là hình thức, là hiện tượng hời hợt bên ngoài, còn *chiếm đóng* mới là thực chất.

Ở Việt Nam ta cũng vậy, 30 năm trước, miền Nam được giải phóng ư? Đó chỉ là hiện tượng hời hợt bên ngoài. Thật ra, sau khi đảng cộng sản áp dụng chính sách cải tạo sĩ quan, viên chức, các đảng phái chính trị miền Nam, thật ra là bỏ tù họ không xét xử, rồi cải tạo công thương nghiệp, bắt đi kinh tế mới, phân biệt đối xử đối với gia đình "ngụy quân, ngụy quyền", tạo nên hàng triệu "thuyền nhân", đầy đọa đồng bào nửa nước trong cảnh lầm than cơ cực thì phải nói thật đó là sự *chiếm đóng* tàn ác nhất ! Danh từ "giải phóng" trở nên mỉa mai, trắng tráo, vô liêm sỉ. Những người Việt Nam lương thiện, biết tự trọng, trung thực với chính mình - kể cả những người cộng sản có lương tâm trong sáng, không thể không nhận ra sự thật ấy.

Thuộc địa của đảng cộng sản (!)

Kỷ niệm 60 năm cách mạng tháng 8 năm nay cũng là dịp để nhận diện rõ hơn tình hình Việt Nam hiện tại. Vì sao dân Việt Nam ta anh hùng, bất khuất như vậy, cần cù sáng dạ như vậy, mà lại đứng gần cuối những nước thu nhập bình quân thấp nhất châu Á, chỉ bằng 1/3 của Thái Lan, nền đại học mang chất lượng loại thấp nhất châu Á, nạn tham nhũng được cả thế giới nhận mặt là "loại siêu", được tổ chức "minh bạch quốc tế" (Transparency International) cho là nước tù mù, dối trá, không thể tin được.

Nguyên nhân của nguyên nhân chính là nhân dân ta chưa được *giải phóng* theo đúng nghĩa, vì nhân dân Việt Nam chưa có tự do đầy đủ như các nước khác. Vì chúng ta vẫn bị giam hãm, cầm tù, trói buộc theo nghĩa nào đó, vì chúng ta không có một môi trường tự do phóng khoáng để thỏa sức bay cao, bay xa. Tại sao hai triệu đồng bào ta phần lớn là tay trắng, di tản sang các nước dân chủ tiên tiến có tự do cá nhân rộng rãi và có luật pháp nghiêm minh lại lập nghiệp nhanh, vững bền và xuất sắc đến vậy? Tất cả là có tự do dân chủ hay bị trói buộc.

Tất cả là ở môi trường.

Đảng cộng sản đã cùng nhân dân giành lại độc lập trong tay thực dân đã đồng thời *tước đoạt các quyền sống tự do* của nhân dân. Chính đây là tấn thảm kịch âm thầm mà bi đát nhất suốt 60 năm qua. Lẽ ra họ phải lập nên nền dân chủ chân chính, chịu để cho nhân dân giám sát qua những cuộc bỏ phiếu định kỳ hoàn toàn tự do, bình đẳng với các đảng tự do dân chủ khác mà hiến pháp đã quy định và cho phép. Họ đã gian lận để một mình một chiếu, đứng ngoài và đứng trên luật pháp, ăn gian về chính trị suốt 60 năm, bằng các cuộc bầu cử phi pháp "*đăng cử, dân bầu*", buộc nhân dân cúi đầu chấp nhận một cách bị động, bị cả thế giới lắc đầu chê cười phủ nhận.

Nhà báo Pháp, Jean Lacouture rất am hiểu Việt Nam suốt 60 năm qua, mới đây đã nhận định rằng tai họa giáng xuống đầu dân tộc ta - chiến tranh, chia rẽ, tàn phá, lạc hậu - chỉ vì Đảng Cộng Sản Việt Nam đã thực hiện một *chế độ thực dân đối với dân mình*, còn tệ hơn thời thuộc địa Pháp ! Lacouture đã sáng tạo ra chữ "*autocolonisation*" để chỉ hiện tượng này, nghĩa là chế độ thực dân thực hiện bởi chính đồng bào mình.

Đâu là lối thoát ?

Bước vào hè này, cung đình Hà Nội sống trong tâm trạng xáo trộn và lo âu. Sự *chia rẽ*, có thể nói là *xấu xé* nhau ở cấp cao nhất lên đến độ gay gắt nhất. Mâu thuẫn ấp ủ từ năm 1991, qua Đại hội 7, truyền qua Đại hội 8, rồi đại hội 9 càng thêm chồng chất. Không phải chỉ có hai ông đại tướng thù địch đến độ không nhìn mặt nhau, sống mái với nhau ; không phải chỉ có hai tổng bí thư lườm nguýt nhau : "Nó lật tôi thì tôi lật nó !" ; không phải chỉ có 17 vị công thần bị bôi nhọ là tay sai, là gián điệp, cộng tác viên, bán mình, ăn tiền của CIA. Các vị bô lão đầu thảng 4 vừa qua đã vạch mặt chỉ tên ba ủy viên bộ chính trị tại chức : Trần Đình Hoan, Nguyễn Khoa Điềm và Phạm Văn Trà là phạm sai lầm nghiêm trọng về chính trị, lên án nặng nề cả *bộ chính trị là nhu nhược*, bao che cho kẻ phạm pháp, tự đặt mình cao hơn Ban chấp hành trung ương đảng. Điều dẫn bộ chính trị vào chân tường là chủ trương "khoanh vùng án siêu nghiêm trọng Tổng Cục 2" lại, không đưa ra ban chấp hành trung ương, đã bị lên án là vi phạm nghiêm trọng điều lệ đảng, là bênh che kẻ phạm pháp.

Việc Việt Nam mong muốn được vào Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đang vấp phải những trở ngại lớn khó vượt qua : còn gần 200 bộ luật cần thông qua, sửa chữa, bổ sung, xem xét lại ; còn hàng loạt cuộc đàm phán tay đôi gay go ; việc cải tổ ngân hàng quá chậm trễ ; các doanh nghiệp quốc doanh vẫn ỳ ạch trong giải tư. Làm hối hả, vội vàng thì dễ hớ, khó sửa chữa về sau ; mà thời gian qua nhanh. Để lùi sang năm sau thì mất đà, sẽ gặp khó khăn mới, sẽ thiệt thòi lớn trong cạnh tranh.

Thủ tướng "vịt què" đi chu du

Trong khi nội bộ đảng rối tinh, nội chính bê bối do tham nhũng lan tràn bất trị, ngân sách bị những lạm quy mô lớn, nguyên liệu bị rút đến độ trầm trọng thì các *vấn đề đối ngoại* gay gắt lại kéo đến bủa vây cung đình Hà Nội. Việc Việt Nam bị Hoa Kỳ xếp vào loại CPC (nước cần theo dõi đặc biệt), bị Washington chiếu tướng về tự do tôn giáo, cả một phái đoàn Hà Nội phải sang Mỹ trần tình, van xin để khỏi bị trừng phạt, lại còn phải ký bản nhận tội và lời hứa "trở thành học trò ngoan, thuộc bài về tôn trọng nhân quyền" hồng thoát khỏi bị phạt. Vậy mà bản án CPC vẫn chưa được hủy, còn phải xem

Việt Nam có làm đúng theo lời hứa không đã. Vì đã quá nhiều hứa hẹn, rồi chứng nào vắn tắt ấy, học mãi không nên người ! Trong bối cảnh như vậy, chuyến đi chu du Mỹ của ông Khả chẳng hứa hẹn điều gì nổi bật. Lời mời thì nhạt nhẽo. Không phải là gặp ở đỉnh cao (summit), không phải ở cấp cao nhất, với tổng bí thư hay với chủ tịch nước. Thêm nữa, ông Khả đã quá nhiệm kỳ đã định (tại Đại hội 9, năm 2001, ông đã quyết định chỉ ở lại làm thủ tướng trong hai năm nữa, theo quy định là cứ đến 70 tuổi là về hưu) ; với một ông thủ tướng "*vịt què*", đã quá hạn (quá đất quân - quá "date") theo cách nói dân gian, thì khác với một thủ tướng sẽ còn yên vị vài năm nữa. Quan hệ Việt-Mỹ cải thiện tốc độ "*rùa bò*" ; mọi người còn nhớ quan hệ Trung-Mỹ được bình thường hóa thì ngay sau đó Đặng Tiểu Bình sang thăm Mỹ, cưỡi ngựa Texas, đội mũ cao bồi.

Đã có thể biết trước là cuộc gặp sẽ nhạt nhẽo, kém hấp dẫn, thậm chí chắc chắn có nhiều mây đen kéo tới. Vì ai chẳng biết lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn còn nhận định trong nội bộ rằng Hoa Kỳ vẫn còn là *kẻ thù chiến lược* nguy hiểm với mưu đồ lật đổ đảng cộng sản (!).

Ông Bush vốn cao ngạo, hay bộp chộp kiểu cao bồi Texas, sẽ không ngần ngại nhắc về chuyện CPC để răn đe ; với tổng thống Putin, Bush còn nói thẳng thừng về sự cần thiết của dân chủ cho nước Nga, thì ông sẽ ngại gì mà không nói với ông Khả rằng *dân chủ* (đa đảng là tất nhiên, chứ làm gì có nền dân chủ độc đảng !) sẽ mang lại lợi ích vô cùng cho nhân dân Việt Nam, và các ngài (cộng sản Việt Nam) chớ nên nhút nhát, sợ dân chủ quá xá đến vậy ! Vì *dân chủ* là giá trị cao quý nhất mà Bush đã cam kết sẽ phổ cập trên toàn thế giới trong suốt nhiệm kỳ của mình.

Hội nghị trung ương 12 chọn hướng nào ?

Hai tháng tới là hai tháng nóng bỏng nhất trong nội bộ Đảng Cộng Sản Việt Nam. Các phe nhóm đấu tranh quyết liệt nhằm vào hội nghị trung ương 12 sẽ họp cuối tháng 6 này. Số phận của đảng ra sao sẽ được quyết định tùy theo sự lựa chọn của đa số 150 ủy viên, là ngoan ngoãn tuân theo nhóm bảo thủ, "khoanh" các vấn đề gai góc, cứ như không có vấn đề gì xảy ra, tiếp tục cai trị dân như dân thuộc địa của riêng mình, vẫn cứ nhờn nhờn bằng trò vô văn hóa "đăng cử, dân bầu" nhạt nhẽo, bất chấp sự "bất tín" và "bất kinh" đã đến độ cao nhất của nhân dân.

Hoặc là : đa số các vị thức tỉnh về quyền *dân chủ trong đảng*, đòi thảo luận mọi vấn đề của đất nước, chung sức tìm ra con đường tối ưu, nhìn rõ những thất bại của đảng trong chống tham nhũng, trong xây dựng nhà nước có pháp luật nghiêm, trong san bằng hố phân chia giàu nghèo trong xã hội, tìm ra con đường phát triển nhanh, lành mạnh, hài hòa. Và trên hết, nghe theo lời mách bảo của các nhà dân chủ yêu nước kiên cường : *hoàn trả nhân dân các quyền tự do tư tưởng, báo chí và bầu cử, tạo nên môi trường cho mỗi con người Việt Nam cùng cả dân tộc cất cánh* ; đồng thời chấm dứt sự phụ thuộc nước ngoài cả về học thuyết và thực tế, hòa nhập dứt khoát với *thế giới tự do dân chủ*, chung sức với nhân loại tiến bộ phổ cập giá trị dân chủ tuyệt vời ra toàn thế giới.

Đó là sự khai thông mọi bế tắc đang ở trong tầm tay. Việt Nam ta đã để tuột mất biết bao cơ hội.

Chẳng lẽ con tàu tốc hành của thời đại vẫn chỉ nhìn thấy Việt Nam trôi trôi hoài trên sân ga !

Bùi Tín (Paris)

VỀ MỘT TÂM LÝ

LTS : Sau đây là nguyên văn một báo cáo có đóng dấu "TỐI MẬT" của Tổng Cục An Ninh, Bộ Công An, ngày 5-4-2005 được phổ biến tại hải ngoại.

Về mặt độ, báo cáo này không quan trọng, nó không xuất phát từ những cơ quan tối cao của đảng và nhà nước cộng sản như chính phủ, bộ chính trị đảng, ban bí thư đảng, ban chấp hành trung ương đảng, v.v. Nó không phải là một phúc trình về đường lối, chính sách mà chỉ là một biên bản về tình hình trật tự an ninh của một buổi họp, có lẽ là thường xuyên, của một số công an tỉnh và thành phố miền Nam và đại diện bộ công an do thứ trưởng công an Nguyễn Văn Hưởng chủ tọa. Rất nhiều tỉnh miền Nam đã không gửi đại diện công an tham dự, đặc biệt là bốn tỉnh Tây Nguyên được nói nhiều đến trong báo cáo này cũng không có mặt. Phần lớn các đơn vị và địa phương, kể cả Sài Gòn nơi cuộc họp diễn ra, cũng chỉ cử cấp phó thủ trưởng tham dự.

Tuy nhiên, báo cáo này đặc biệt đáng chú ý vì nó tiết lộ bản chất, tâm lý và những bối rối của đảng và nhà nước.

Người ta chú ý trước hết tới danh sách rất dài các tổng cục và các cục thuộc bộ công an lo về an ninh trật tự. Bản liệt kê này, chắc chắn là rất thiếu sót, cho thấy một guồng máy công an đồ sộ trong một nước đã hòa bình từ 30 năm nay và chưa hề có một biến động nào đáng kể. Sự kiện này bộc lộ triết lý chính trị của Đảng Cộng Sản Việt Nam : họ tự coi là một lực lượng chiếm đóng và nhìn nhân dân như một mối nguy thường trực. Những gì không thể đạt tới vẫn thường là một ám ảnh, do đó không có gì đáng ngạc nhiên khi Đảng Cộng Sản Việt Nam không ngừng hô khẩu hiệu "*chính quyền của dân, do dân và vì dân*".

Tâm lý thù địch thể hiện rõ ràng khi báo cáo này đánh giá hòa thượng Quảng Độ là "hung hăng", "cực đoan" trong khi, cũng theo báo cáo này, Quảng Độ chỉ "*đấu tranh đòi tự do tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, đa nguyên, đa đảng tại Việt Nam*". Những giá trị cơ bản của loài người văn minh bị coi là thù địch.

Không những thù địch với nhân dân Việt Nam, Đảng Cộng Sản Việt Nam còn nhìn cả thế giới với con mắt thù địch. Giữa lúc đang cố gắng tìm cách gia tăng hợp tác với Mỹ thì trong ngôn ngữ nội bộ vẫn coi Mỹ là kẻ thù có "*ý đồ nắm và chi phối Việt Nam*". Ý đồ này mà Đảng Cộng Sản Việt Nam gán cho Mỹ cũng hoang tưởng như "*ý đồ thay đổi tổng thống Putin và thể chế chính trị ở Nga vào năm 2007*", hay ngớ ngẩn như nhận xét Mỹ đang thay đổi chiến lược "*sau thất bại bằng biện pháp quân sự tại Iraq*". Liên Hiệp Châu Âu cũng bị coi là thù địch, bị gán cho "*ý đồ tạo dựng lực lượng đối lập ở trong nước*" và đang "*tích cực tuyển lựa, tìm kiếm ngọn cờ*" (ngọn cờ là từ chính quyền cộng sản dùng để dịch chữ emblematic, nghĩa là nhân vật biểu tượng). Các nước trong Liên Hiệp Châu Âu được gọi bằng "chúng", một từ ngữ mà người Việt Nam, nhất là Đảng Cộng Sản Việt Nam, chỉ dùng để mạt sát. Báo cáo này chắc chắn là không giúp gì cho chính quyền cộng sản giữa lúc họ đang cần cầu cạnh châu Âu.

Đây là những huấn từ của thứ trưởng Nguyễn Văn Hưởng, chắc chắn là lặp lại những học tập mà ông đã nhận

được từ cấp cao, nó chứng tỏ một trình độ hiểu biết rất ấu trĩ của ban lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Thể hiện rõ rệt trong báo cáo này là tâm lý lo sợ, nhìn đâu cũng thấy mối nguy. Ngay cả một số tổ chức và nhân vật ở nước ngoài, trong một số trường hợp, không có ảnh hưởng và lực lượng nào, cũng được đánh giá là nguy hiểm cho trật tự an ninh trong nước. Sự sợ sệt này ngày càng gia tăng với sự phân hóa trong nội bộ đảng và sự bất mãn lên cao trong một quần chúng ngày càng có sức mạnh, ngày càng thêm thách thức. Nếu những nhận định về tình hình thế giới và viễn ảnh đất nước không có giá trị gì vì trình độ thấp kém thì những nhận xét về an ninh xã hội của tổng cục an ninh chắc chắn là có cơ sở do sự kiện họ cò sát hàng ngày với thực tại và cũng có những điều có thật mà họ biết. Do đó cần lưu ý đến những tiết lộ có tầm quan trọng đặc biệt.

Báo cáo này tiết lộ "Hội nghị trung ương vừa qua (hội nghị ban chấp hành trung ương Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ 11) đã có nhiều ý kiến rất bất lợi đòi cần dân chủ hóa sâu rộng hơn, trái với quan điểm, đường lối, nguyên tắc của đảng". Cho tới nay, những đòi hỏi dân chủ hóa đã chỉ được phát biểu bởi các nhân vật ly khai hoặc đã về hưu. Phải hiểu rằng áp lực dân chủ hóa đã xâm nhập ban chấp hành trung ương. Đây là yếu tố thực sự mới. Một yếu tố thực sự mới nữa là nhận xét : "Quần chúng rất dễ bị kích động và sẵn sàng tấn công người thi hành công vụ, kể cả lực lượng cảnh sát, nhất là đối với tầng lớp thanh niên, sinh viên, học sinh...". Như vậy thì chế độ còn kéo dài được bao lâu nữa ? Một tiết lộ đáng lưu ý khác là đã có "tập trung hàng trăm người để phản đối Trung Quốc" trong vụ hải quân Trung Quốc tàn sát ngư dân Việt mà báo chí trong nước không hề loan tin.

Điều mà Đảng Cộng Sản Việt Nam đặc biệt lo ngại là đấu tranh có tổ chức, có người lãnh đạo. Thứ trưởng Nguyễn Văn Hưởng nhấn mạnh một chỉ thị của cấp trên : "Bằng mọi biện pháp tập trung đấu tranh ngăn chặn làm thất bại mọi âm mưu, ý đồ hoạt động liên kết, tạo dựng ngọn cờ ; không để chúng tìm người cầm đầu, hình thành ra tổ chức đối lập".

Nhưng những lo lắng và biện pháp này sẽ không ngăn chặn nổi áp lực dân chủ hóa. Đảng Cộng Sản Việt Nam phải chọn lựa giữa dân chủ hóa và sụp đổ. Cai trị bao giờ cũng cần hai vế : đồng thuận và cưỡng chế, trong đó đồng thuận quan trọng hơn cưỡng chế nhiều lần. Đồng thuận để không bị chống đối, cưỡng chế để vô hiệu hóa những chống đối cố tình còn lại. Chế độ cộng sản Việt Nam chỉ biết có cưỡng chế và bạo lực, nó sẽ không thể tồn tại lâu dài. Trong thế giới văn minh không một chính quyền nào coi dân chúng là một mối nguy có thể tồn tại.

Chú thích về một số từ viết tắt của báo cáo : ANTT : an ninh trật tự, GHPGVNTN : Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, PGHH : Phật Giáo Hòa Hảo, PCM : phản cách mạng, PDLV : phản động lưu vong, TLSQ : Tổng lãnh sự quán, CA : công an, PTCT : phó tổng cục trưởng, TTATXH : trật tự an toàn xã hội, CSGT : cảnh sát giao thông, Gruria : Georgia, Krycstan : Kyrgyzstan, SNG : Liên hiệp các cộng hòa độc lập Nga, TW : trung ương, XNC : xuất nhập cảnh...

TỐI MẬT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 4, năm 2005

Kính gửi : - Đ/c Bộ trưởng Lê Hồng Anh
- Đ/c Thứ trưởng Thường trực Nguyễn Khánh Toàn

BÁO CÁO

Kết quả cuộc họp đánh giá tình hình ANTT nổi lên thời gian gần đây và đối sách của ta trong thời gian tới

Chiều ngày 4-4-2005 tại Hội trường ANC3, đồng chí Thứ trưởng Nguyễn Văn Hường đã chủ trì cuộc họp để nghe các đơn vị, địa phương báo cáo tình hình công tác ANTT nổi lên tại các tỉnh, thành phố phía Nam thời gian gần đây (nhất là số đối tượng "GHPGVNTH", PGHH, T295, tù PCM tha, phản động lưu vong), sự can thiệp của các thế lực thù địch và các chủ trương đối sách của ta trong thời gian tới.

1. Tham dự gồm có lãnh đạo các đơn vị, địa phương:

- Đại diện Lãnh đạo các Tổng cục I, II, V (Thường trực tại Tp. HCM) ;
- Đại diện Lãnh đạo các Cục A17, A18, A21, A23, A24, A25, A27, A29, A35, A36, A37, A41, A42, A44, A12, C12;
- Giám đốc (Phó Giám đốc) Công an các tỉnh, thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long và Đồng Nai.

2. Nghe A41 báo cáo, tập trung đánh giá sâu sắc về tình hình hoạt động của đối tượng cực đoan trong tôn giáo từ đầu năm 2005 đến nay :

- *Hoạt động của nhóm Quảng Độ (GHPGVNTN)* : sau khi ta ngăn chặn làm thất bại ý đồ ra Bình Định để ép Huyền Quang chuyển giao quyền lực, Quảng Độ ngày càng tỏ thái độ hung hăng, công khai thách thức, gia tăng các hoạt động chống đối cực đoan, đòi phục hồi "GHPGVNTN" ; chủ trương liên kết với số cơ hội chính trị, bọn PDLV, tù PCM tha để đấu tranh tự do tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, đa nguyên, đa đảng ở Việt Nam.

- *Hoạt động của Lê Quang Liêm và Nguyễn Văn Điền (PGHH)*. Sau thời điểm ngày 15-3-2005, Lê Quang Liêm, và Nguyễn Văn Điền đã chỉ đạo số cốt cán cực đoan ở miền Tây lợi dụng tổ chức lễ giỗ Huỳnh Phú Sổ ngày 25-2 âm (tức 03-4-2005), nêu chính quyền ngăn chặn, chúng sẽ kích động tín đồ biểu tình tuyệt thực tập thể, tự thiêu để gây áp lực, tố cáo ta đàn áp tôn giáo trước dư luận quốc tế. Để thực hiện ý đồ trên, Liêm đã tìm cách gặp viên chức chính trị TLSQ Mỹ ; liên lạc móc nối với bọn PDLV để thông báo tình hình và đề nghị giúp đỡ hoạt động ; soạn thảo "Huyết thư", "Tuyên cáo" tố cáo Việt Nam đàn áp PGHH, kích động tín đồ đấu tranh, đòi yêu sách...

- *Đ/c Hoàng Phước Thuận, Phó Cục trưởng A42*, báo cáo tình hình hoạt động của bộ phận động lưu vong thời gian gần đây, nổi lên là tổ chức "Việt Tân", "Đảng Nhân Dân Hành Động", "Chính phủ Việt Nam tự do", đẩy mạnh hoạt động đưa người về nước phát triển lực lượng : tìm cách liên lạc móc nối với số cơ hội chính trị, tù phản cách mạng tha, đối

tượng cực đoan trong "GHPGVNTN", PGHH, thực hiện ý đồ tập hợp lực lượng, hình thành "liên minh dân chủ", tổ chức chính trị đối lập ; chuẩn bị kế hoạch biểu tình, ra "Tuyên bố chung 2005".

- *Đ/c Hồ Việt Lâm, Cục trưởng A44*, báo cáo tình hình hoạt động của các hội, nhóm "Khmer Krom" những tháng đầu năm 2005 gia tăng và tác động mạnh vào địa bàn Tây Nam Bộ. Đáng chú ý, chúng đã tìm cách liên lạc, móc nối được vào nội bộ ta ở một số tỉnh : Sóc Trăng, Bạc Liêu, Trà Vinh... tập trung là cán bộ dân tộc đang công tác ở các cơ quan báo chí, đài Phát thanh - Truyền hình, số sinh viên y khoa và số chức sắc, trí thức người Khmer vùng Tây Nam Bộ.

- *Đ/c Đường Minh Hưng, Phó Cục trưởng A35*, báo cáo tình hình hoạt động của các đối tượng Mỹ, thường xuyên tiếp xúc với số cơ hội chính trị, chống đối cực đoan trong tôn giáo, song công tác đấu tranh ngăn chặn gặp khó khăn. Vì vậy, đề nghị các đơn vị nghiệp vụ và Công an địa phương cần tập trung đấu tranh, quản lý chặt số đối tượng trong nước là chính, không để chúng có điều kiện gặp gỡ móc nối với đối tượng bên ngoài.

- *Đ/c Nguyễn Chí Thành, Phó Giám đốc CA, Tp. HCM*, báo cáo bổ sung các hoạt động của số đối tượng Mỹ, nhóm Quảng Độ, Viên Định trong "PGVNTH", đoàn Thích Nhất Hạnh và các đối tượng chính trị.

- *Đ/c Nguyễn Việt Thành, PTPC-TCII*, đánh giá tình hình TTATXH Quý I-2005 có nhiều diễn biến phức tạp, số vụ xảy ra tăng hơn cùng kỳ 2004, án giết người do các nguyên nhân tăng và diễn ra ở diện rộng cả thành thị và nông thôn. Đáng chú ý, vụ gây rối vào đêm 21-3-2005 tại Tp. HCM, vài trăm người chống trả lực lượng CSGT và CS 113 ; vụ gây rối do tranh chấp, khiếu kiện đất đai của người dân tộc ở huyện Bù Đăng, Bình Phước ; vụ công nhân Cty TNHH Bình Dương gây rối trật tự công cộng, đập phá xe cảnh sát ; vụ lâm tặc ở Đắk Lắk chống người thi hành công vụ... cho thấy, đây là hiện tượng xã hội không bình thường, không loại trừ có yếu tố chính trị.

3. Sau khi nghe phản ánh tình hình của các đơn vị và Công An địa phương, Đ/c Thứ trưởng Nguyễn Văn Hường đánh giá, hiện nay các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước, đặc biệt là Mỹ đang ráo riết đẩy mạnh hoạt động liên kết, tập hợp lực lượng chống trả ta quyết liệt về dân chủ, nhân quyền và chỉ đạo chủ trương, đối sách trong thời gian tới :

*** Trước hết về tình hình kinh tế - xã hội**

- Trong Quý I-2005, Chính phủ đã có sơ kết, đánh giá tình hình kinh tế nước ta tiếp tục có mức tăng trưởng đều đặn (7,5%), nhưng chưa đạt mục tiêu đề ra (8%). Đáng chú ý, ngành công nghiệp nặng (dầu khí, xi măng, sắt thép) giảm; giá các mặt hàng đều tăng, nếu tình hình này chậm khắc phục sẽ tác động xấu đến toàn bộ nền kinh tế đất nước. Thời gian tới chính phủ sẽ mở nhiều cuộc hội nghị chuyên đề để bàn giải quyết, tháo gỡ vấn đề này.

- Chính phủ cũng đánh giá tình hình ANTT có nhiều tiến bộ, song vấn đề tai nạn giao thông vẫn xảy ra nghiêm trọng; an ninh xã hội còn nhiều bức xúc, đã xảy ra một số vụ việc nghiêm trọng như: vụ gây rối trật tự công cộng ở Tp. HCM, vụ hàng trăm tên lâm tặc tấn công kiểm lâm ở Đắk Lắk... Đây là dấu hiệu không bình thường cần phải tập trung nghiên cứu, đề xuất xử lý triệt để. Chính phủ nhắc lực lượng Công an hết sức chú ý vấn đề an ninh kinh tế, an ninh xã hội, hiện nay một số hoạt động kinh tế rất phức tạp, ta chưa kiểm soát được.

*** Về an ninh trật tự**

Quý I-2005 Bộ Công an cũng đã sơ kết và có thông báo cho các đơn vị, địa phương. Tình hình thế giới, khu vực và trong nước có những dấu hiệu phức tạp:

- **Mỹ:** Triệt để sử dụng chính sách "tự do dân chủ" để áp đặt và can thiệp nội bộ các nước (Thông điệp đầu năm và bài diễn văn nhậm chức nhiệm kỳ 2, Tổng thống G. Bush đã nhắc đi, nhắc lại nhiều lần về việc triển khai các chính sách dân chủ của Mỹ trên toàn thế giới); dùng tự do dân chủ để gây áp lực, buộc thay đổi hoặc lật đổ thể chế chính trị thay cho việc dùng vũ lực: sau thất bại bằng biện pháp quân sự ở Iraq, Mỹ và các nước phương Tây đánh giá cao các cuộc cách mạng "dân chủ, nhân quyền" như cách mạng Nhung (ở Gruria), cách mạng Cam (ở Ucraina), cách mạng Thủy tiên vàng (ở Krycstan), đó làm một sự khuyến khích để Mỹ quyết tâm thực hiện "công nghệ lật đổ" ở các nước khác trong giai đoạn tiếp theo. Mỹ đang tập trung vào Trung Đông và các nước SNG, ủng hộ bọn khủng bố Tresnia, lôi kéo Ấn Độ, cô lập Trung Quốc, ý đồ thay đổi Tổng thống Putin và thể chế chính trị ở Nga vào năm 2007... nhưng trước tiên là ở Bắc Triều Tiên.

- **Đối với Việt Nam:** Từ khi thay đổi nhân sự Đại sứ quán Mỹ ở Việt Nam, tình hình cũng có nhiều thay đổi, một mặt Mỹ thúc đẩy ngoại giao (công khai ủng hộ Việt Nam vào WTO, mời Thủ tướng ta thăm Mỹ vào tháng 6-2005). Mặt khác, Mỹ đặt ra các yêu cầu buộc ta phải chấp nhận: tự do kinh doanh tiền tệ, viễn thông; mở rộng hơn nữa dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo; đòi ta công nhận Tin lành Tây Nguyên, công nhận tư cách pháp nhân "GHPGVNTN" của nhóm Quảng Độ, thả hết các "tù nhân lương tâm", từ nay không bắt bớ, giam cầm những người bất đồng chính kiến... ý đồ nắm và chi phối Việt Nam.

+ Các nước EU cũng đẩy mạnh hoạt động về dân chủ nhân quyền, ý đồ tạo dựng lực lượng đối lập ở trong nước. Chúng cho rằng Việt Nam đã có lực lượng chống đối và đang tích cực tuyển lựa, tìm kiếm ngọn cờ, đối tượng chủ yếu không phải là số T295, cực đoan tôn giáo, dân tộc mà là số

cơ hội trong nội bộ ta, đây là vấn đề hết sức nguy hiểm.

+ Trong nội bộ, thời gian gần đây có nhiều bài viết, ý kiến bài bác, xuyên tạc, hạ uy tín các đ/c lãnh đạo Đảng, Nhà nước, trong đó có nhiều bài của những người nguyên là lãnh đạo cao cấp của Đảng, Nhà nước, đòi xem xét lại chủ nghĩa Mác-Lênin và cho rằng đường lối của Đảng ta hiện nay là sai lầm và thiếu dân chủ; Hội nghị TW vừa qua cũng có nhiều ý kiến bất lợi, đòi hỏi cần dân chủ hóa sâu rộng hơn, trái với quan điểm, đường lối, nguyên tắc của Đảng.

+ Các phần tử cơ hội chính trị, đối tượng chống đối cực đoan trong tôn giáo, thù phản cách mạng tha... ngày càng bộc lộ hoạt động công khai, trắng trợn, thực hiện ý đồ tập hợp lực lượng, hình thành tổ chức, dự định ngày Giỗ tổ Hùng Vương (10-3 âm) và 30-4 ra "Tuyên bố 2005" nhằm công khai hóa, quốc tế hóa hoạt động; nguy hiểm hơn là đã xuất hiện xu hướng hoạt động liên kết; tìm cách tổ chức những cuộc biểu tình nhỏ, tự thiêu, tạo cơ hội bên ngoài can thiệp.

+ **Tây Nguyên:** Tiếp tục diễn biến phức tạp, số phần tử bên ngoài hàng ngày vẫn tìm cách tác động, chỉ đạo bên trong, không chỉ 04 tỉnh Tây Nguyên mà còn mở rộng ra cả địa bàn Lâm Đồng và Phú Yên, vẫn còn khả năng, mầm mống có thể dẫn đến bạo loạn bất cứ lúc nào.

+ **Tây Nam Bộ:** 3 tháng đầu năm, các cá nhân tổ chức phản động "Khmer Krom" hoạt động ráo riết hơn, tác động mạnh vào các tỉnh Tây Nam Bộ, đã xuất hiện yếu tố bên ngoài quan hệ, móc nối, phát triển lực lượng vào nội bộ, trong đồng bào, sư sãi, trí thức Khmer ở một số tỉnh, chờ thời cơ hoạt động. Đáng chú ý, gần đây Sihanouk tuyên bố phải đòi lại đất bị Việt Nam chiếm, đây là vấn đề hết sức nhạy cảm, liên quan đến quốc gia dân tộc, tính chất có thể phức tạp, nguy hiểm hơn Tây Nguyên.

+ **Về an ninh xã hội:** Tình hình tranh chấp khiếu kiện ngày càng diễn biến gay gắt, phức tạp, đang trở thành vấn đề chính trị - xã hội. Cần chú ý, do tâm trạng và xu hướng dân chủ hiện nay, khi giải quyết các nhu cầu bức xúc của quần chúng rất dễ bị kích động và họ sẵn sàng tấn công người thi hành công vụ, kể cả lực lượng Cảnh sát, nhất là đối với tầng lớp thanh niên, sinh viên, học sinh... địch dễ lợi dụng lôi kéo, kích động vào các hoạt động chống phá, như vụ tụ tập hàng trăm người để phản đối Trung Quốc và các vụ đã xảy ra gần đây ở Tp. HCM, Bình Dương, Bình Phước, Đắk Lắk. Cần phải đánh giá, dự báo chính xác các yếu tố mất an ninh có thể xảy ra bất cứ lúc nào và vượt ngoài tầm kiểm soát của ta.

4. Trước tình hình trên, để đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, Đ/c Thứ trưởng đã chỉ đạo các đơn vị địa phương khai triển thực hiện ngay một số công tác cụ thể sau:

- Bằng mọi biện pháp, tập trung đấu tranh ngăn chặn làm thất bại âm mưu, ý đồ hoạt động liên kết, tạo dựng ngọn cờ, tập hợp lực lượng; không để chúng tìm người cầm đầu, hình thành tổ chức đối lập, ra "Tuyên bố 2005" vào dịp Giỗ tổ Hùng Vương và 30-4 để công khai hóa, quốc tế hóa tổ chức; không để xảy ra các hoạt động gây tiếng vang, biểu tình gây rối, tự thiêu... Phải tập trung mọi biện pháp công tác, ổn định tình hình Tây Nguyên và Tây Nam Bộ; khi xảy ra

tình huống phức tạp (như hình thành tổ chức chính trị ở trong nước, ra "Tuyên bố", biểu tình gây rối...) phải tính toán kỹ biện pháp đối phó, nếu không khéo sẽ dẫn đến phản ứng dây chuyền Domino, hậu quả khó lường.

- Về địa bàn : Trọng điểm là Tp. HCM, Hà Nội và một số tỉnh thành phố Tây Nam Bộ. Về đối tượng, tập trung là số cực đoan trong "PGVNTN" (Quảng Độ, Viên Định), PGHH (Lê Quang Liêm, Nguyễn Văn Điền), số cơ hội chính trị (Trần Khuê, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Minh Chính), tù PCM tha (Nguyễn Đan Quế, Trần Hữu Duyên, Thích Thiện Minh) và tầng lớp thanh niên, sinh viên, học sinh...

Đối tượng bên ngoài, tập trung đấu tranh, đối phó với Mỹ, Nghị viện châu Âu, chú ý tổ chức "phóng viên không biên giới" ; phản động lưu vong (đảng "Việt Tân", "Chính phủ Việt Nam tự do", "Đảng Nhân Dân Hành Động").

- Về đối sách : Phải coi trọng công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn ; tích cực đối phó bằng các biện pháp nghiệp vụ, chính trị và pháp luật (*tranh thủ, lôi kéo, tác động, răn đe, cô lập, ly gián*) với biện pháp quần chúng, muốn bắt là phải cân nhắc thật kỹ trên cơ sở chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo yêu cầu chính trị, đối ngoại ; chỉ áp dụng biện pháp hành chính cần thiết khi tình hình cho phép, tránh bên ngoài lợi dụng kích động chống đối.

- Khẩn trương chuẩn bị thật chu đáo các kế hoạch, phương án, lực lượng... để chủ động đối phó với mọi tình huống, không để xảy ra hoạt động tập hợp lực lượng, kích động gây rối ; khi xảy ra phải huy động lực lượng xử lý ngay tại cơ sở ; lực lượng Cảnh sát bị tấn công, phải kiên quyết xử lý bằng biện pháp mạnh ; có kế hoạch bảo vệ không để kẻ xấu tấn công vào trụ sở Chính quyền, Công an.

* Một số công tác cần tập trung :

- Các Cục nghiệp vụ phối hợp Công an địa phương, nhất là Tp. HCM và Hà Nội để xây dựng kế hoạch cụ thể, tập trung vào từng nhóm, từng hệ loại đối tượng, áp dụng đồng bộ các biện pháp tấn công trực diện, ly gián, phân hóa, bao vây, cô lập, cảnh cáo... Số cực đoan trong tôn giáo như Quảng Độ, Lê Quang Liêm phải kiểm chế, giáo dục ; số ngoan cố chống đối như Trần Khuê thì kiên quyết đấu tranh vạch mặt, lập biên bản tập hợp đầy đủ hành vi vi phạm pháp luật, muốn bắt, xử lý, phải công khai trước công luận.

- A41 chủ trì kế hoạch đấu tranh chống lại các hoạt động lợi dụng tôn giáo ; A42 chủ trì kế hoạch đấu tranh với các tổ chức PDLV, cơ hội chính trị, tù PCM tha ; A44 đấu tranh với số phản động lợi dụng dân tộc Khmer ; Công an các địa phương là lực lượng trực tiếp tác chiến tại địa bàn, nếu để xảy ra việc thành lập tổ chức, hoạt động gây mất ổn định chính trị, thì thủ trưởng các đơn vị và Giám đốc Công an địa phương chịu trách nhiệm trước Bộ.

- Công an các địa phương phải xây dựng phương án để xử lý kịp thời các tình huống theo từng cấp độ cụ thể (như hình thành tổ chức, ra "Tuyên bố", tụ tập xuống đường, gây rối an ninh trật tự...) và trực tiếp chỉ huy tác chiến, lực lượng của Bộ hỗ trợ, tham gia (An ninh tham mưu vấn đề an ninh, Cảnh sát tham mưu vấn đề cảnh sát). Trong đó, phải phân công, phân cấp rõ ràng, rành mạch ; trách nhiệm Bộ đến đâu, địa

phương đến đâu và phải làm xong ngay trong tháng 4-2005. Riêng Công An Tp. HCM khẩn trương báo cáo Thành ủy, Ủy ban để chỉ đạo các ban ngành, nhất là Mặt trận Tổ quốc, Dân vận, Tôn giáo... làm tổ công tác nắm dân, tuyên truyền vận động quần chúng, tích cực tham gia giải quyết và ổn định các vụ việc phức tạp về ANTT xảy ra tại cơ sở.

- Đối với Tây Nguyên : Tập trung là Tin lành Đê-ga, hiện nay có dấu hiệu cơ quan tình báo Mỹ đang nắm và chi phối lực lượng này. Đối với Tây Nguyên, Bộ đã có cuộc họp bàn riêng, nhưng diễn biến tình hình ở đây đều có tác động trực tiếp đến Tp. HCM và địa bàn các tỉnh, thành phố phía Nam, cần phối hợp làm tốt công tác nắm tình hình để có biện pháp đối sách hợp lý.

- Đối với Tây Nam Bộ : Phải khai triển đồng bộ các biện pháp kiểm soát chặt tình hình biên giới từ nay đến 30-4. A44 và Công an địa phương, nhanh chóng thông báo danh sách đối tượng cho Bộ đội Biên phòng để có biện pháp quản lý chặt công tác XNC, không cho đối tượng nhập cảnh vào tháng 4 và tháng 5-2005. Những đối tượng "Khmer Krom" đã vào, cần có kế hoạch tiếp xúc, gặp gỡ giáo dục, đấu tranh, tấn công, vô hiệu hóa ; chú ý lôi kéo sử dụng lại, không nên bắt bớ trong thời điểm này. Đồng thời chú trọng công tác đi sâu nắm quần chúng, sư sãi, chức sắc trong dân tộc, tôn giáo, thực hiện nghiêm các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đại đoàn kết dân tộc.

- Tổng cục V chỉ đạo lực lượng đứng chân tại địa bàn Campuchia, Thái Lan phối hợp với Tổng cục I và Công an địa phương để kiểm tin, tổ chức điều tra nắm tình hình, xác định rõ các đối tượng trong các tổ chức "Khmer Krom" phản động xâm nhập vào Việt Nam thuộc tổ chức nào, bằng đường nào, phương tiện gì, để có biện pháp đấu tranh, ngăn chặn, xử lý. Cần hết sức chú ý các đối tượng nhập cảnh từ Lào và Campuchia thuộc các tổ chức của Nguyễn Hữu Chánh, Hoàng Duy Hùng, Nguyễn Sỹ Bình, Trương Quang Sỹ... đề phòng địch lợi dụng đưa người, phương tiện vào trong nước hoạt động, manh động phá hoại, rải truyền đơn, chèn, cướp sống đài phát thanh...

- Từ nay đến 30-4-2005, các đơn vị địa phương phải tập trung xử lý có hiệu quả các vụ việc phức tạp về ANTT, nhất là tranh chấp, khiếu kiện ; công tác quản lý cư trú đi lại của người nước ngoài và Việt Kiều. A18 phối hợp C13, Công an Tp. HCM và các tỉnh trọng điểm có kế hoạch mở đợt kiểm tra, quản lý chặt tình hình cư trú của người nước ngoài ở phường, địa bàn, khu vực trọng điểm ; phải đấu tranh, xử lý hết đối tượng nhập cảnh rồi đẩy ra, nhưng không gây ồn ào, kiên quyết không để xảy ra tình hình phức tạp trong dịp lễ 30-4-2005.

Sau cuộc họp này, lãnh đạo các đơn vị và Công an địa phương tổ chức kiểm tra, soát xét, đánh giá lại tình hình, khẩn trương xây dựng kế hoạch, phương án để tổ chức triển khai thực hiện, chấp hành nghiêm chế độ thông tin, báo cáo kịp thời về Bộ để có chủ trương chỉ đạo.

Kính báo cáo lãnh đạo Bộ./.

KT. Tổng Cục Trưởng TCAN
Phó Tổng Cục Trưởng
Huỳnh Hữu Chiến

4. Xứ Thanh * Xứ Nghệ

gạch nối giữa hai đại vùng văn hóa Bắc và Trung

Lê Văn Hào

Xứ Thanh, xứ Nghệ, dải đất kết nối hai đại vùng văn hóa : đồng bằng Bắc Bộ và ven biển miền Trung

Xứ Thanh, xứ Nghệ là cách gọi dân gian thân quen đối với vùng đất Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay.

Thanh Hóa có biển đẹp Sầm Sơn, sông Mã bắt kham, động Bích Đào kỳ ảo, nhiều di chỉ đá cũ, đá mới, đồng thau lừng danh : Núi Đọ, Đa Bút, Đông Sơn...

; nhiều làng mạc cổ : Kê Ry, Kê Chè, Cổ Bôn, Cổ Đô, Bột Đà Tráng, Bô Lô Tráng... ; nhiều phong tục lễ hội, trò múa, điệu ca độc đáo : trò Xuân Phả, hát ả đào, ví phường vải, hò sông Mã... Xứ Thanh cũng là quê hương của Bà Triệu, Lê Hoàn, Lê Lợi, Hồ Quý Ly, chúa Trịnh, chúa Nguyễn, vua Nguyễn, cho nên còn đây đền vua Bà, đền Đồng Cổ, thành Tây Đô, di tích Lam Kinh...

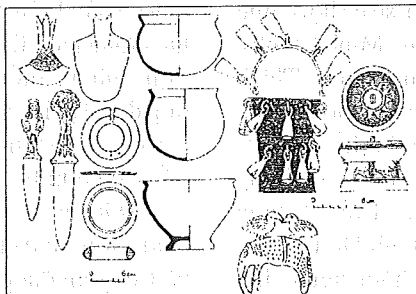
Nghệ An-Hà Tĩnh nào chịu kém thua về truyền thống lịch sử-văn hóa lâu đời : di chỉ Làng Vạc, Hang Bua, Đền Cuông thờ vua Thục (sánh vai với đền miếu Cổ Loa ngoài Bắc), đền và mộ Mai Hắc Đế, Đền Cờn, Đình Hoành Sơn, Phụng Hoàng Trung Đô (suýt qua mặt Phú Xuân nếu Quang Trung không mất quá sớm) ; những di tích lưu niệm Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh...

Động Bích Đào, biển Sầm Sơn, vườn quốc gia Bến En

Còn gọi là động Từ Thức, do gắn với huyền thoại về cuộc tình duyên đẹp dở dang giữa người trần Từ Thức với nàng tiên Giáng Kiều, động Bích Đào nằm ở dãy núi Thần Phù (xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn).

Hệ thống động Bích Đào gồm động Ngoài, động Giữa, động Trong với vô số vú đá, măng đá : Kho Gạo, Kho Tiền, Rồng ấp trứng vàng, Phường Bát Âm (lấy dùi gỗ gõ vào từng vú đá nghe phát ra những thanh âm nhiều cung bậc giống tiếng chiêng công, thanh la, trống, khánh, chuông, mõ), Đường Lên Trời, Đường Xuống Cõi Âm... trăm màu ngàn sắc lấp lánh theo sức tưởng tượng dân gian.

Cùng với di tích thắng cảnh, du khách sẽ thích hai đặc sản là *chiều cỏi Nga Sơn* bên đẹp, và *thịt lếch* (còn gọi là *nhệch*), một giống lươn lớn sống ở vùng cửa sông nước lợ, thơm ngon và béo bổ. Lếch khỏe



Di chỉ khảo cổ Làng Vạc, Nghệ An

một cách kỳ lạ, chúng có thể quăn gậy cánh tay người bắt, vì thế người ta cho rằng thịt lếch nhắm với rượu ngon là món ăn có tác dụng tăng gân cốt làm hết mỗi gối chồn chân.

Cách thành phố Thanh Hóa 16 km, biển Sầm Sơn không những là một bãi tắm tuyệt vời mà còn có một quần thể di tích danh thắng hấp dẫn. Bãi tắm chạy dài hàng chục km, gồm ba bãi cát mịn chen với núi đá đủ các hòn lớn nhỏ, nằm ngời

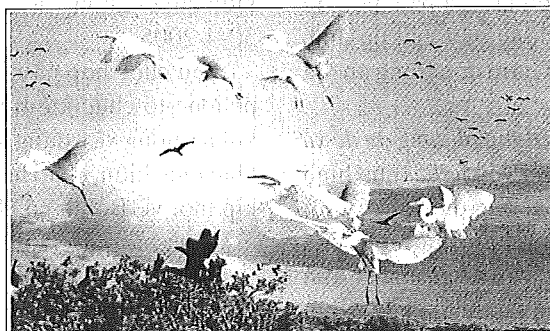
hay chồng lên nhau ; giữa rừng cây bóng mát có đền Độc Cước, đền Cô Tiên, chùa Khải Minh. Trên đường từ đền Độc Cước đến đền Cô Tiên, khách du sẽ gặp hai hòn đá lớn chồng lên trên một bệ đá chênh vênh, lấy tay đẩy thấy rung rinh, thế mà chúng đã đứng trụ vững chãi với gió mưa bão táp không biết từ thuở nào. Dân gian hình dung đây là biểu tượng cặp uyên ương chung thủy và đặt tên là hòn Trống Mái.

Cách thành phố Thanh Hóa 36 km, vườn quốc gia Bến En (huyện Như Xuân) vừa là khu bảo tồn các nguồn *gien* (gènes) thực vật, động vật quý hiếm vừa là khu du lịch nghỉ dưỡng lý tưởng. Vườn rộng hơn 16.600 ha, với hồ rộng 4.000 ha, trên mặt nước nhô lên 24 đảo lớn nhỏ ; trong hồ có nhiều loài cá, baba,

đặc biệt có giống cá mè *Sông Mực* ngon nổi tiếng xưa nay. Cùng với hồ, Bến En có rừng nguyên sinh phong phú gồm 462 loài cây thuộc 125 bộ : song, mây, hương bài, măng tang, sến trâu, các giống phong lan ; cây dược liệu có tới 300 loài ; gỗ quý có lim, lát hoa, chò chỉ, đinh hương... Khu vực rừng và hồ còn có tới 300 loài côn trùng và trên 200 giống vật, trong đó có nhiều giống quý hiếm : voi, báo, cọp, gấu ngựa, sói đỏ, vượn đen, vượn bạc má... Khí hậu Bến En mát mẻ trong lành, giữa một bức tranh sơn thủy hữu tình và hoành tráng.

Xứ Thanh, quê hương của các anh hùng và đế vương

Xứ Thanh có hai anh em Bà Triệu : sau khi người anh hùng chống giặc Ngô là Triệu Quốc Đạt mất, cô em Triệu Thị Trinh, dân gian quen gọi là Bà Triệu, được tướng sĩ tôn lên làm chủ soái thay anh. Bà mặc áo giáp vàng, cài trâm vàng, đi guốc ngà, cưỡi voi trận, nói lời khí phách : "*Ta chỉ muốn cười cơn gió mạnh, đập*



Vườn cò Tiền Nông, Thanh Hóa

bằng sóng dữ, chém cá kình biển Đông, đánh đuổi giặc Ngô, giành lại giang sơn, cởi ách nô lệ chứ không chịu khom lưng làm tì thiếp...". và đã nhiều lần đánh bại quân Ngô.

Tháng 2 năm 548, tướng Ngô là Lục Dận đem đại quân đến đánh, bà anh dũng hy sinh tại Bồ Điền. Đền bà được dựng tại đây, dưới chân ngọn núi Bân. Hàng năm, vào tháng 2 âm lịch hàng vạn dân khắp vùng, khắp tỉnh hành hương về đây tưởng nhớ vị anh hùng trong một lễ hội lớn có rước kiệu, múa rồng, biểu diễn võ thuật...

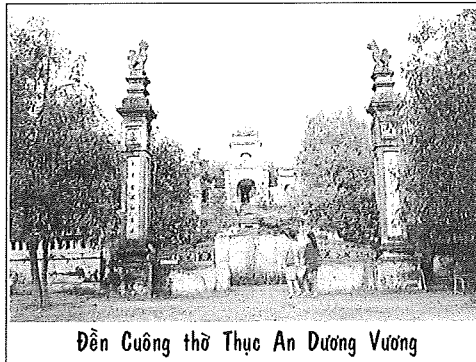
Đền thờ Lê Đại Hành dựng tại xã Xuân Lập, huyện Thọ Xuân, trên mảnh đất rộng 40.000 m². Được sự ủng hộ của thái hậu nhà Đinh Dương Vân Nga, Đại Hành hoàng đế đã đánh tan quân xâm lược Tống ở phía bắc và khuất phục quân Chăm-pa ở phía nam, giữ vững nền độc lập dân tộc. Hiện nay trong đền vua Lê còn giữ nhiều hiện vật quý hiếm : hai trống đồng Đông Sơn cỡ lớn, một chiếc đĩa đá màu hồng gọi là đĩa Ngọc Tuyết, đường kính 50 cm.

Lễ hội đền vua Lê, diễn ra hai ngày 7, 8 tháng ba âm lịch, cũng là một lễ hội lớn của xứ Thanh.

Cách thành phố Thanh Hóa 45 km, ở phần đất huyện Vĩnh Lộc, một bức thành đá đồ sộ đứng sừng sững từ hơn 600 năm nay : thành Tây Đô (còn gọi là Tây Kinh, Tây Giai) từ lâu vẫn được dân gian gọi là thành nhà Hồ, bởi lẽ người chủ trương xây dựng nó là Hồ Quý Ly, đứng đầu một triều đại ngắn ngủi đầu thế kỷ 15.

Thành nhà Hồ được xây dựng cấp tốc chỉ sau ba tháng (giêng-ba 1397) đã hoàn thành về mặt phòng thủ. Thành hình chữ nhật, hai mặt nam-bắc dài 900 m, hai mặt đông-tây dài 700 m, cao từ 5 đến 10 m. Mặt ngoài tường thành được ốp đá, toàn những phiến đá rất lớn, dài đến 4,5 m, rộng trên 1 m, nặng tới 15-20 tấn. Mặt thành rộng có đường để ngựa voi đi lại. Thành có bốn cổng : tiền, hậu, tả, hữu. Riêng cổng tiền hướng chính nam đồ sộ nhất và vẫn còn hầu như nguyên vẹn : dài tới 30 m, dày 14 m. Tại đây đã được tổ chức hai kỳ thi tiến sĩ, năm 1400 và 1405.

Đi dọc bốn phía thành nhà Hồ, nhìn những phiến đá khổng lồ chồng khít lên nhau, chúng ta tự hỏi người xưa cách nay hơn 6 thế kỷ đã sử dụng những phương tiện, phương pháp gì để có thể vận chuyển và đưa lên cao

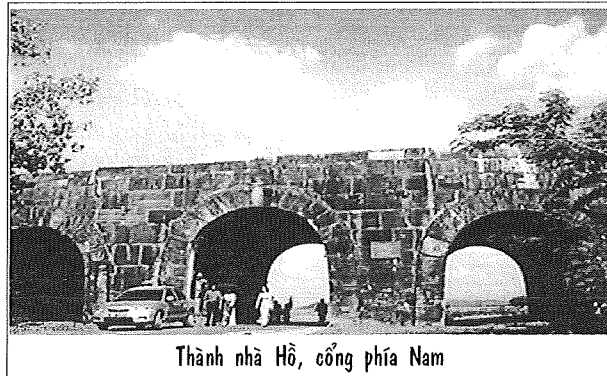


Đền Công thờ Thục An Dương Vương

từ đầu thế kỷ 15, sau khi triều hậu Lê được thành lập. Ngoài những cung điện, Lam Kinh còn có nhiều lăng miếu như Vĩnh Lăng của Lê Thái Tổ, Hựu Lăng của Lê Thái Tôn, Chiêu Lăng của Lê Thánh Tôn, v.v.

Trải qua bao biến thiên lịch sử, các công trình kiến trúc xưa đã bị hủy hoại, chỉ còn một số dấu tích : bốn con rồng đá, những kiệt tác điêu khắc thế kỷ 15 và quý nhất là bia Vĩnh

Lăng làm bằng một phiến đá cao 2,97 m, rộng 1,94 m, dày 0,27 m, đặt trên lưng một con rùa đá lớn đẹp. Bia được dựng năm 1433, trên mặt bia ghi tiểu sử và công trạng Lê Thái Tổ (Lê Lợi) do Nguyễn Trãi soạn. Đây là tấm bia thuộc loại đẹp nhất, lớn nhất, có giá trị lịch sử và văn học cao trong kho tàng bi ký Việt Nam.

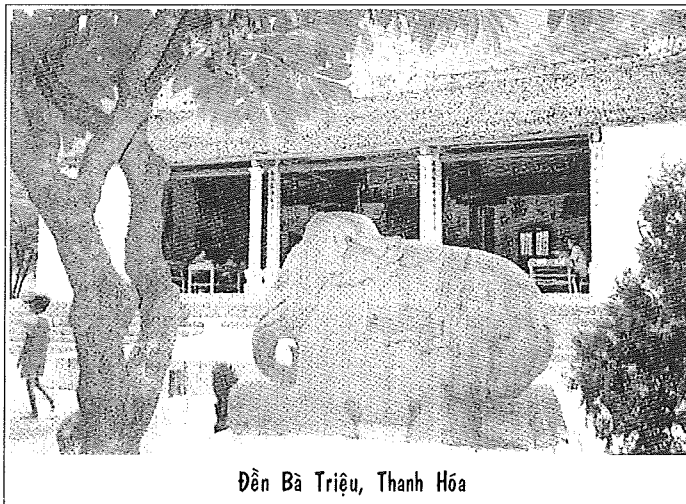


Thành nhà Hồ, cổng phía Nam

Truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời của một vùng địa linh nhân kiệt

Từ thuở đất nước có tên Văn Lang, xứ Nghệ đã là một trung tâm của nền văn hóa Đông Sơn, với di chỉ Làng Vạc nổi tiếng. Từ thời Bắc thuộc đến thời cận-hiện đại, xứ Nghệ của Núi Hồng, Sông Lam, Hang Bua, Cửa Lò... đã ghi lại dấu tích bao anh hùng, hào kiệt, danh nhân, từ vua Thục (Đền Công), vua Mai (đền Mai Hắc Đế), vua Quang Trung (Phượng Hoàng Trung Đô)... đến Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Phan Bội Châu... cùng với những công trình nghệ thuật như đình Hoành Sơn, đình Trung Cẩn, những làng văn hóa Tiên Điền, Trường Lưu, Cổ Đàm... Xứ Nghệ đã cống hiến cho tổ quốc biết bao văn nghệ sĩ, nhà văn hóa, nhà bác học làm rạng danh văn hóa Việt Nam.

Xứ Nghệ có Đền Công thờ Thục An Dương Vương ở Diễn An, huyện Diễn Châu. Nếu đền và đình Cổ Loa tọa lạc giữa đất Cổ



Đền Bà Triệu, Thanh Hóa

Loa, nơi vua Thục xây thành, dựng nước Âu Lạc thì Đền Công được đặt giữa sườn núi Mộ Dạ, gần nơi vua Thục từ giã cõi đời. Nhà thơ Chu Mạnh Trinh đã nói lên nỗi niềm của người đời sau đối với cha con vua Thục :

"Nghĩa cha sâu thẳm, cạn
tình chồng
Giải nỗi kỳ oan mãi chưa
thông !..."

(thơ đề am My Châu, Cổ Loa).

Cách thành phố Vinh 22 km, ven sông Lam, trên phần đất thị trấn Nam Đàn có đền thờ Mai Thúc Loan, người anh hùng đã có công đánh đuổi giặc Đường, lập nước Vạn Xuân ở thế kỷ 8. Cách đền vua Mai 3 km, ngược dòng sông Lam, là khu mộ vua dưới chân núi Đụn. Ngày xưa tại đền và mộ vua, nhiều hội lễ được tổ chức : hội Đền rằm tháng giêng, hội giỗ hoàng hậu rằm tháng 7, hội giỗ vua rằm tháng 9. Hội đền mùa xuân có qui mô lớn nhất, long trọng và đông vui nhất.

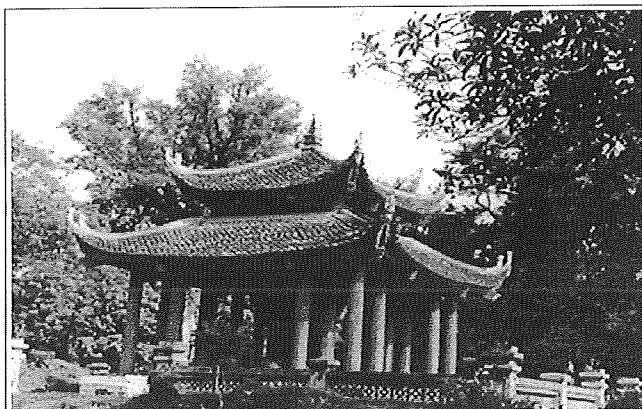
Tháng 11-1788, Nguyễn Huệ quyết định đóng đô ở Nghệ An, giao cho trấn thủ Thận và cố vấn Nguyễn Thiếp tổ chức xây dựng thành Phượng Hoàng Trung Đô ở khu vực núi Dũng Quyết, vùng Bến Thủy, thành phố Vinh ngày nay. Thành ngoài xây bằng đất và đá ong, hình tứ giác, chu vi 2.820 m, bờ thành cao 3-4 m, diện tích 22 ha, bao quanh thành ngoài là con hào rộng 30 m, sâu 3 m. Thành nội xây bằng gạch vồ và đá ong, chu vi 1.680 m, với hai dãy hành lang nối liền với điện Thái Hòa, nơi vua thiết triều.

Tháng 11-1789 thúc dục Nguyễn Thiếp hoàn thành việc xây dựng Trung Đô và sau đó Quang Trung đã làm việc tại đây ít nhất là hai lần : tháng 5-1791 và tháng 1-1792. Nhưng sáu tháng sau, vua đột ngột qua đời nên không kịp dời đô từ Phú Xuân ra Trung Đô.

Một kho tàng văn nghệ dân gian độc đáo và đẹp đẽ

Xứ Thanh, xứ Nghệ đã sản sinh nhiều truyện cười, truyện trạng, một đóng góp to lớn vào nền văn hóa trào phúng dân gian Việt Nam.

Chùm 40 truyện Trạng Quỳnh của Thanh Hóa được truyền tụng khắp nước ta từ Nam ra Bắc, và được coi là đỉnh cao của di sản truyện cười, truyện Trạng Việt Nam. Nhà văn, nhà folklor học lỗi lạc Nguyễn Đức Hiền, trước khi mất (2004) còn kịp công bố một tập đại thành *Nguyễn Quỳnh - Trạng Quỳnh - Truyện Trạng Quỳnh* dày hơn 400 trang khổ lớn, kèm nhiều hình ảnh và tài liệu Hán-Nôm được



Nhà bia, bia Vĩnh Lăng, khu di tích Lam Sơn

in lại nhiều lần như một best seller của folklor Việt Nam.

Truyện cười xứ Nghệ cũng rất phong phú, tiêu biểu là ba chùm truyện : *truyện Chàng Ngốc*, *truyện Ông Bờ Ao*, (còn gọi là ông Tả Ao) và nhất là *truyện Cỗ Bợ* (còn gọi là Ông Bợ, Thăng Bợ hay Quý Bợ) là hình tượng nhân vật nghịch ngợm, phá phách nhất trong kho tàng truyện cười Việt Nam.

Năm 1997, Vũ Ngọc

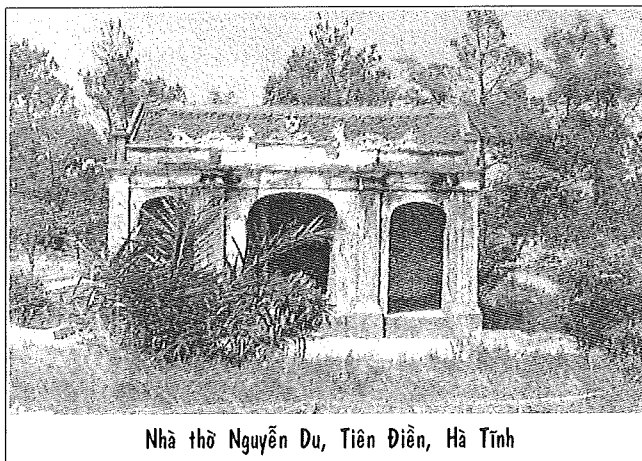
Khánh và Phạm Minh Thảo đã công bố bộ *Kho tàng Diễn xướng Dân gian* đồ sộ dày gần 900 trang, mà một phần lớn dành giới thiệu hơn một chục hội lễ và trò diễn lưu hành ở Thanh Hóa từ nhiều thế kỷ nay, đáng chú ý nhất là những trò diễn có tính cách sân khấu dân gian vô cùng độc đáo : *tổ khúc Múa đèn*, *trò Tiên cuội*, *trò Trống mỗ*, *trò Hùm*, *trò Bật cạp*, *trò Lào*, *trò Xiêm*, *trò Tú Huân*, *trò Lăng Ba Khúc*... và nhất là *hệ thống trò Xuân Phả*, một đỉnh cao của diễn xướng dân gian Việt Nam gồm *trò Hoa Lang*, *múa Chiêm Thành*, *múa Lục Hồn Nhung*, *múa Ải Lao*, *trò Ngô Quốc*. Tất cả các trò diễn kỳ lạ này đều là những tổ khúc múa hát có kịch bản hoàn chỉnh và nhiều *nhân vật mang mặt nạ* không hề thấy ở các vùng văn hóa khác.

Bên cạnh những hiện tượng folklor còn đầy bí ẩn vừa nói trên, cái hấp dẫn chúng ta nhất trong di sản văn hóa xứ Thanh, xứ Nghệ chắc chắn là kho tàng dân ca.

Xứ Thanh là một vùng phong phú về dân ca với *hát Cửa đình Thanh Hóa*, còn gọi là hát Nhà Trò, một dị bản của hát ả đào (ca trù) ngoài Bắc. *Hát trống quân*, *hát ghẹo Thanh Hóa* (hát huê tình), *chèo chải Thiệu Hóa*, *chèo chải Hoằng Hóa*, *hát khúc Tĩnh Gia*... và nổi tiếng nhất là *tổ khúc Hồ Sông Mã*.

Xứ Nghệ lại có một di sản dân ca rất khác với xứ Thanh : *hát ả đào Cổ Dạm*, *hát giặm Hà Tĩnh*, *hát ví Nghệ Tĩnh*. Hát giặm không phổ biến khắp xứ mà chỉ thịnh hành ở một số địa phương như Can Lộc, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh với hai hình thức *hát giặm nam nữ* và *hát giặm vè*. Còn *hát ví* thì phổ biến khắp xứ vì nó gắn với các ngành nghề được

tổ chức thành *phường*. Trên sông nước có *ví dò đưa* (ví nước ngược, ví nước xuôi, ví dò đưa sông Lam, sông La, sông Phố) ; các làng vùng biển có *ví phường nốc*, *ví phường chắp gai đan lưới* ; các làng ven núi có *ví phường củi* (có nơi gọi là ví phường reo) ; vùng các thị xã, thị trấn, các chợ đông đúc có *ví phường buôn*... Quen thuộc nhất là *ví phường gặt*, *phường nhổ mạ*, *phường cấy*, *phường đan*,



Nhà thờ Nguyễn Du, Tiên Điền, Hà Tĩnh

phường nón, phường bện
võng, phường róc cau,
phường róc mía, phường
cỏ, phường măng, phường
bê chè, phường bê ngô,
mót ngô, phường đường,
phường vàng... và nổi tiếng
nhất là ví phường vải.

Hai đỉnh cao của dân
ca xứ Nghệ, xứ Thanh chắc
chắn là *ví phường vải* và
hò sông Mã.

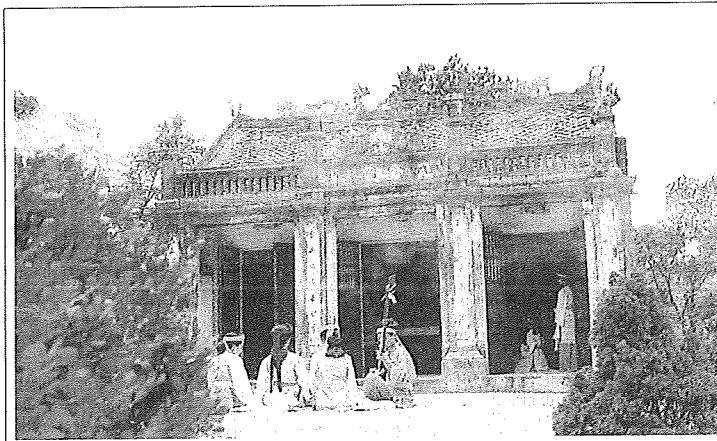
Ví phường vải, còn gọi
là *hát phường vải*, phổ biến
nhất ở các vùng Nam Đàn,
Đô Lương, Hưng Nguyên,
Diễn Châu... là những nơi thịnh hành nghề kéo sợi, dệt vải,
cũng là nơi trước đây nhiều anh khóa, nhà nho thích dự các
cuộc hát phường vải với tư cách là nghệ nhân tài tử hay cố
vấn nghệ thuật cho bên gái hay bên trai trong cuộc thi đua
tài trí và âm nhạc.

Ví phường vải trước nay bao giờ cũng tuân theo thủ tục
chặt chẽ, và ở xứ Nghệ nơi có mỹ tục hát phường vải phổ biến
nhất, có truyền thống nhất, có nề nếp và qui cách nhất, có
nhiều *tay bẻ câu hát* lỏi lạc nhất (Nguyễn Du, Nguyễn Công
Trứ, Phan Bội Châu...), được dân chúng khắp nơi đến hát và
nghe hát nhiều nhất thì phải kể đến mười mấy làng của
huyện Nam Đàn ven sông Lam.

Thoạt đầu có lẽ *ví phường vải* chỉ là những câu hát của
các chị em nghề kéo sợi mà thôi. Nhưng một đêm đẹp trời,
một chàng trai hay chữ và hát hay đi qua, nghe được tiếng
ca tình tứ êm đềm, lắng dịu của các cô vọng ra "*giọng cao
đón gió, giọng trầm lắng sương*", "*tiếng êm như nhiều, tiếng
nhẹ nhàng như tơ*" thì chàng xúc động dừng chân lắng nghe,
rồi cất lên tiếng hát đối đáp. Thế là
thủ tục *hát phường vải* ra đời với
những cuộc hát đối đáp giao duyên
kéo dài 2, 3 hay có khi 5, 6 đêm mới
đủ mọi chặng, mọi bước.

Chặng một, ba bước : *hát dạo -
hát chào, hát mừng - hát hỏi*. Chặng
hai, một bước : *hát đối, hát đối* là bước
rất quan trọng, có được mời vào nhà
để tiếp tục hát hay không là ở chặng
này. Chặng ba, ba bước : *hát mời*
(vào nhà) - *hát xe kết* (bước căn bản,
bước dài nhất) gồm *hát thương, hát
nhớ, hát than, hát trách...* Và đích
cuối cùng của hát xe kết là *hát cưới*,
sau khi nâng vồng chàng đã thuận tình
xe kết với nhau ; bước cuối là *hát
tiễn*. Tóm lại, *hát phường vải* là cần
mẫn, trí tuệ, đua tài, khoe sắc, giao
duyen. Bắt đầu trai hát :

"Đi ngang trước cửa nàng Kiều
Dừng chân đứng lại dặt dìu đôi câu"



Hát ả đào trước nhà thờ Nguyễn Công Trứ, Hà Tĩnh

Dọc sông có nhiều cảnh đẹp, đền chùa, làng xóm... với
những đêm trăng thanh, những chiều gió mát... Để lao động
sông nước đỡ vất vả nhọc nhằn, để khách đi đò vui tai vừa
lòng và cũng để thổ lộ tâm tình riêng tư, các *trai đò* nhiệt
tình cất lên hàng trăm câu hò từ khi thuyền đi cho đến khi
thuyền đến.

Hò sông Mã, với hơn một chục làn điệu, có qui cách, thủ
tục hẳn hoi gắn liền với quá trình lao động của anh trai đò.
Bắt đầu là *hò rời bến* (còn gọi là *hò mời khách*). Đó là điệu
hò nhịp một. Khi trời trở gió, thuyền bị ngược nước, trai đò
dùng sào song vừa chống vừa *hò đò ngược* (cũng gọi là *hò
chống sào* hay *sống nước ngược*). Khi thuận buồm xuôi gió,
trai đò *hò đò xuôi* gồm nhiều làn điệu : *hò bắc cái, hò nhịp
đôi, hò đường trường* (còn gọi là *hò động giã* hay *hò dung
dã*), *hò niệm Phật, hò làn ai, hò làn vắn, hò ru ngủ*. Khi
chẳng may thuyền mắc vào bãi cát ngầm, trai đò vừa *hò mắc
cạn* vừa lội xuống vác thuyền ra khỏi lạch.

Mỗi lần đến bến, trai đò *hò cập bến* để mọi người nghỉ
ngơi, ăn uống, mua bán :

"Trông lên phố chợ cao cao

Miệng khoan tay bắt lái vào cho
mau

*Dô ta dô ta dô ta oa oa oa dô ta dô
ta dô ta*".

Rời con đò sông Mã, khách còn
luyến nhớ mãi những câu hò gợi cảm
gợi tình của trai đò :

- "Xăm xăm tới gốc cây hồng
Hỏi thăm cô ấy có chồng hay chưa?
*Dô khoan dô khoan dô khoan a hề
hò khoan ố dô khoan*".

- "*Hỡi cô con gái nằm đò
Mặn xanh ăn vậy đừng chờ đào non
Là dô dô huầy là dô dô huầy*".

Tự ngàn xưa, nhờ hàng trăm câu
hò sông Mã mà vô số chuyến đò dọc
hào hùng, chuyến đò ngang duyên
dáng, vẫn được vững tay lái trên
sóng nước hữu tình.

Lê Văn Hảo (Paris)



Cô gái đò ngang sông Mã

BẮC KINH HÒA GIẢI VỚI Trung Hoa Quốc Dân Đảng

PHAN VĂN KHẢI
thăm viếng Mỹ

THỜI SỰ

QUỐC TẾ VÀ VIỆT NAM

Ngày 29-4-2005 có thể được coi là một ngày lịch sử đối với Trung Quốc, ắt nhất đó là ngày của một bất tay lịch sử. Chủ tịch đảng và nhà nước Trung Cộng,

Hồ Cẩm Đào, đã long trọng và nồng nhiệt tiếp đón chủ tịch Trung Hoa Quốc Dân Đảng, Liên Chấn, tại Nhân Dân Đại Sân Đường Bắc Kinh trong một cuộc tiếp đón quảng cáo tối đa trên các cơ quan truyền thông. Trung Hoa Quốc Dân Đảng là đảng đã cầm quyền liên tục tại Đài Loan trong một nửa thế kỷ sau khi thau chạp khỏi Hoa lục năm 1949, đã biến hòn đảo này thành một trong những nước dân chủ và giàu có nhất thế giới, nhưng đã bị đánh bại trong cuộc bầu cử và chỉ còn là một đảng đối lập, dù là đảng đối lập mạnh nhất và có nhiều triển vọng trở lại nắm chính quyền.

Cái bất tay lịch sử này rất cần cho Bắc Kinh vì sau khi biểu quyết đạo luật chống ly khai (cho phép chính quyền Bắc Kinh tấn công Đài Loan nếu đảo này tuyên bố độc lập) vào tháng 3 vừa qua. Đạo luật này, tuy rất ít có triển vọng được áp dụng, cũng đã gây lo ngại cho thế giới vì thái độ ngày càng "quân sự" của Bắc Kinh. Cử chỉ hòa dịu này có nghĩa là Bắc Kinh sẽ không tấn công Đài Loan vì đã hòa giải với đảng mạnh nhất tại đây.

Lịch sử biến chuyển thật nhanh chóng. Mới cách đây không lâu Trung Hoa Quốc Dân Đảng được coi là kẻ thù số 1 của Bắc Kinh vì coi chính quyền Đài Loan là đại diện chính đáng duy nhất của nước Trung Hoa bao gồm cả Đài Loan lẫn Hoa lục. Ngày nay khi việc Đài Loan tấn công Hoa lục không còn đặt ra nữa, Bắc Kinh lại coi thái độ này là chấp nhận được hơn chủ trương Đài Loan độc lập của Đảng Cấp Tiến của tổng thống Trần Thủy Biển, vì ít ra nó còn coi Đài Loan và Hoa lục là một nước.

Trong một thông cáo sau cuộc gặp gỡ lịch sử này, phát ngôn viên của Trung Hoa Quốc Dân Đảng tuyên bố hai đảng Trung Hoa Quốc Dân Đảng và Đảng Cộng Sản Trung Quốc đồng ý chống lại việc Đài Loan ly khai để trở thành một nước độc lập.

Tổng thống Trần Thủy Biển, mặc dầu lên án chuyển viếng thăm của ông Liên Chấn, chắc chắn phải rất hài lòng. Từ đây người Đài Loan không còn trách ông đã gây cho họ nguy cơ chiến tranh, trái lại ông được coi là đại diện cho khuynh hướng độc lập mà đa số dân chúng tán thành. Việc thống nhất Đài Loan và Hoa lục sẽ chỉ đặt ra nếu Hoa lục có dân chủ. Từ đây đến đó thời gian thuận lợi cho Đài Loan vì càng ngày sự độc lập của Đài Loan càng là một thực tại.

Nếu ngày nào đó Trung Quốc trở thành một nước dân chủ thì sao? Có rất nhiều triển vọng là lúc đó Đảng Cộng Sản Trung Quốc không còn nắm chính quyền tại Hoa lục nữa, người cầm quyền rất có thể thuộc khuynh hướng Trung Hoa Quốc Dân Đảng, nghĩa là thân Đài Loan.

Ông Phan Văn Khải, thủ tướng chính phủ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, sẽ chính thức thăm viếng Mỹ vào trung tuần tháng 5 này. Cao điểm của cuộc

viếng thăm này là cuộc hội kiến với tổng thống Mỹ George W. Bush, được dự trù vào ngày 21-5.

Theo tin mà Thông Luận được biết thì sáng kiến của cuộc thăm viếng này xuất phát từ chính quyền Việt Nam. Lý do đầu tiên là ông Khải sang Mỹ để ký mua ba máy bay Boeing 777. Theo dự trù thì đáng lẽ ông Nguyễn Tấn Dũng, phó thủ tướng thứ nhất sẽ đi, nhưng chính quyền Hà Nội đã nâng cấp chuyến đi này trong cố gắng tìm mọi cơ hội để tiến lại gần Mỹ. Chính quyền cộng sản ngày càng nhận thấy chính sách quỵ lụy với Trung Quốc không có lợi gì cả. Trung Quốc chỉ coi thái độ của Hà Nội là nhu nhược và dựa vào đó để lộng hành thêm. Không những buộc Việt Nam nhượng đất và biển, Trung Quốc còn ngang ngược xây nhiều đập lấy nước từ sông Hồng và sông Mê Kông làm lượng nước hai con sông này yếu hẳn đi vào mùa khô. Tại miền Nam, nước mặn đã tràn vào sâu trong đồng bằng.

Hà Nội hy vọng có thể thuyết phục được Mỹ về vị trí chiến lược của Việt Nam trong chiến lược ngăn chặn nguy cơ Trung Quốc bành trướng, nhưng đây là một hy vọng không có cơ sở. Mỹ đã có các căn cứ quân sự tại Úc và Singapore, vừa nằm ngoài tầm hoạt động của không quân Trung Quốc vừa có khả năng tấn công Trung Quốc nếu cần. Một căn cứ quân sự tại Việt Nam là điều Mỹ không muốn. Điều mà Mỹ có thể chấp nhận được là một liên minh quân sự trong đó Mỹ sẽ bảo vệ Việt Nam nếu bị tấn công với điều kiện là Việt Nam trở thành một nước thực sự dân chủ. Nhưng điều kiện này Đảng Cộng Sản Việt Nam chưa chấp nhận. Chuyến công du của ông Khải vì vậy sẽ chỉ là một cử chỉ khác chứng tỏ Việt Nam muốn liên kết với Mỹ nhưng chưa dám.

TRẦN KHUÊ **kiện báo An Ninh Thế Giới**

Trần Khuê cho hay ông đã quyết định kiện báo *An Ninh Thế Giới*, số 440, ngày thứ tư 6-4-2005, về tội phỉ báng cá nhân ông sau bài bịa đặt trắng trợn "Chân tướng của một người khoác áo dân chủ" của Nguyễn Như Phong.

Trong bài này, Nguyễn Như Phong đã dựng đứng nhiều chuyện để kết luận Trần Khuê là một người mắc bệnh tâm thần, tự cao tự đại, chê bai những người dân chủ khác. Bài báo này vừa bôi nhọ Trần Khuê vừa nhắm mục đích gây mâu thuẫn giữa Trần Khuê và các chí hữu dân chủ của ông như Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Minh Chính, Hoàng Tiến, Phạm Quế Dương.

Báo *An Ninh Thế Giới* đã yêu cầu được gặp Trần Khuê để thương lượng nhưng Trần Khuê từ chối, ông nhất định

sử dụng quyền công dân để tự vệ.

Từ ngày được trả tự do (29-7-2004), Trần Khuê luôn luôn bị theo dõi và làm phiền. Điển hình là một vụ chặn bắt nhằm nhĩ ngày 15-3-2005 vừa qua tại Hà Nội. Hôm đó Trần Khuê, nhân dịp ra Hà Nội để làm đám hỏi cho con, đã hẹn gặp cụ Hoàng Minh Chính, Hoàng Tiến và Dương Thu Hương tại nhà cụ Chính, lúc 3 giờ chiều, tại số 26 phố Lý Thường Kiệt, Hà Nội. Vì họ hẹn nhau qua điện thoại nên công an nghe lén được. Trần Khuê đến gần nhà cụ Chính thì bị công an chặn lại yêu cầu theo họ về đồn công an vì lý do có đơn tố cáo ông buôn lậu đồ cổ ! Tại đồn công an, Trần Khuê không hề bị khám xét hành lý để xem có đồ cổ nào không, ông cũng yêu cầu công an đưa về khách sạn để khám xét có cất giấu đồ cổ nào không thì công an từ chối ["Thưa bác điều đó không cần !"]. Thay vào đó họ chỉ hỏi han lăng nhăng và cuối cùng đề nghị Trần Khuê ký vào một biên bản để được trả tự do. Trần Khuê bằng lòng ký nhưng yêu cầu được giữ một bản.

- Thưa bác - công an nói - bác giữ một bản làm gì, để chúng cháu giữ cũng được.

- Không được - Trần Khuê trả lời. Tôi phải giữ một bản để làm chứng cứ chứ, nếu không các cậu bịa đặt cho tôi những điều không có thì sao ?

Cuối cùng là Trần Khuê không ký biên bản và vẫn được trả tự do cho ra về. Ông đòi công an trả tiền taxi để trở lại nhà cụ Chính. Công an bằng lòng. Nhưng lúc đó buổi họp mặt đã xong rồi. Tất cả chỉ là trò dàn dựng để ngăn cản Trần Khuê gặp cụ Hoàng Minh Chính, nhà văn Hoàng Tiến và nhà văn Dương Thu Hương !

PHẠM QUẾ DƯƠNG bị khuyến cáo

Từ ngày được trả tự do (28-7-2004), Phạm Quế Dương được thăm viếng khá thường xuyên, được thăm hỏi "có cần giúp đỡ gì không ?". Đạo đức giả, Phạm Quế Dương bị cắt 19 tháng lương hưu trong thời gian bị giam giữ, một biện pháp rất vô lý vì hưu bổng là tiền trả cho công việc đã làm trong quá khứ, không liên quan gì đến việc bị giam giữ. Đây chỉ là hành động mua chuộc. Phạm Quế Dương không cần ân huệ nào và cũng chẳng cần đòi lại số tiền lương hưu bổng bị cướp đoạt này.

Mới đây lại thêm một khuyến cáo mới : đại diện bộ công an "khuyên Phạm Quế Dương nên ngừng giao thiệp với Nguyễn Gia Kiểng mà bộ công an đánh giá là thành phần nguy hiểm". Nhưng áp lực và mua chuộc này không lay chuyển được Phạm Quế Dương, ông trả lời : "Những gì tôi đã viết về Nguyễn Gia Kiểng tôi vẫn giữ nguyên". Nhắc lại, trong bài viết "Về những người bạn tôi", Phạm Quế Dương đã nói tới Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Nguyễn Gia Kiểng, trong đó bằng một giọng dí dỏm ông nói nếu sau này Việt Nam có bầu cử tổng thống tự do, ông sẽ bầu cho Nguyễn Gia Kiểng.

Phạm Quế Dương và Trần Khuê là hai phát ngôn viên của Nhóm Dân Chủ. Sự thành lập nhóm đối lập công khai đầu tiên này, vào tháng 8-2002, đã khiến Trần Khuê và

Phạm Quế Dương bị bắt ngày 28-12-2002 và cùng bị xử 19 tháng tù.

NGUYỄN THANH GIANG bị sách nhiễu một cách thô bỉ

Ngày 5-4-2005, bỗng nhiên có ba người xông vào nhà Nguyễn Thanh Giang la lối om xòm đòi gặp Nguyễn Thanh Giang. Thân nhân đã chặn họ lại, nhưng những người này vẫn hùng hổ đòi gặp cho được ông Giang. Để tránh đụng độ, Nguyễn Thanh Giang đã mời họ vào nhà. Cả ba sẵn tay áo, cổ tỏ ra vẻ giận dữ, lớn tiếng phản đối Nguyễn Thanh Giang là đã mật sát họ khi nói rằng cuộc chiến vừa qua là vô nghĩa trong khi trả lời một cuộc phỏng vấn của đài Châu Á Tự Do (RFA). Họ tự xưng là những thương binh đã hy sinh trong cuộc chiến "chống Mỹ cứu nước". Họ có vẻ là những thương binh thật và cũng đưa thẻ thương binh ra cho Nguyễn Thanh Giang xem. Biết rằng họ là những người được điều động đến để sách nhiễu mình theo một bài bản được tập luyện sẵn, Nguyễn Thanh Giang đã để cho họ nói hết những gì họ đã học trước. Sau đó, khi họ đã trả bài xong và không còn gì để nói, Nguyễn Thanh Giang mới giảng giải cho họ rằng đảng và nhà nước cộng sản đã hy sinh hàng triệu sinh mạng thanh niên để đuổi Mỹ đi, bây giờ lại cố hết sức để năn nỉ Mỹ trở lại, cuộc chiến đẫm máu vừa qua là hoàn toàn vô nghĩa, chính họ phải ý thức rằng họ là những nạn nhân đáng thương. Ba thương binh này đã làm xong việc họ được trả tiền để làm nên không đối đáp gì thêm và ra về.

Vài ngày sau, báo *Pháp Luật* đăng tin là Nguyễn Thanh Giang đã bị các thương binh tới tận nhà chất vấn và đã "cứng họng".

Đồng thời một kiến nghị ký tên một số thương binh gửi tới lãnh đạo đảng và nhà nước yêu cầu "loại bỏ Nguyễn Thanh Giang ra khỏi sinh hoạt xã hội" vì đã phản bội đất nước khi tuyên bố cuộc chiến vừa qua là "phi nghĩa".

Ngày 16-4, một toán sáu thương binh khác lại đột ngột vào nhà Nguyễn Thanh Giang. Họ la lối dữ dội đến nỗi hàng xóm tưởng là có ẩu đả và đi báo công an phường. Cũng như lần trước, Nguyễn Thanh Giang để họ nói hết những gì họ đã được dạy để nói. Sau đó ông hỏi ai tên là Trần Minh Dũng. Một trong sáu người này nhận là mình. Trần Minh Dũng là người đã ký tên bản kiến nghị đại diện cho nhóm thương binh lên án và đòi trừng trị Nguyễn Thanh Giang. Nguyễn Thanh Giang hỏi Trần Minh Dũng tại sao anh lại bịa đặt trắng trợn nội dung cuộc đối chất ngày 5-4 và thế nào là "loại bỏ Nguyễn Thanh Giang khỏi sinh hoạt xã hội" ? Trần Minh Dũng ngơ ngác không biết gì về bản kiến nghị này. Thì ra nó cũng chỉ là một bịa đặt. Trần Minh Dũng và đồng bọn chỉ là những tay sai được thuê để sách nhiễu Nguyễn Thanh Giang.

Một chi tiết đặc biệt : toán thương phế binh này có xe hơi chở tới và sau khi làm xong công tác "được đến đón về". Theo Nguyễn Thanh Giang, đây chỉ là một "trò trẻ con của Tổng Cục 2". Ông nói thêm : "Chúng nó tưởng làm như vậy là hù dọa được tôi !".

Khủng hoảng

Đảng Cộng Sản Việt Nam khủng hoảng nội bộ nặng, nhất là từ một năm nay. Trước đại hội 10, ông Lê Đức Anh chỉ thị bộ chính trị phải làm tất cả để đại hội các vị lão thành cao cấp, cựu ủy viên bộ chính trị và ban bí thư, biểu lộ tình đoàn kết keo sơn của đảng. Sau đại hội, tổng bí thư Nông Đức Mạnh đến báo cáo với ông Lê Đức Anh.

Vừa thấy ông Mạnh, Lê Đức Anh bồn chồn hỏi ngay :

- Thế nào anh Mạnh, kết quả ra sao ?

- Báo cáo cấp trên, kết quả rất khả quan. Thực là một hội nghị Diên Hồng thời nay, các bộ lão đã nhất trí trên tất cả mọi vấn đề. Đoàn kết trong đảng lên cao như chưa bao giờ thấy, khí thế ngàn ngụt, toàn đảng một lòng...

- Cụ thể ?

- Báo cáo đồng chí, có đồng ý trên tất cả mọi vấn đề, các bộ lão đều nhất trí phải làm sáng tỏ các vụ Năm Châu, Sáu Sứ, Xiêm Riệp, T4, phải xử lý nghiêm minh những người có trách nhiệm, không được dăm dúi. Họ quyết tâm phải làm sáng tỏ lý lịch của đồng chí, xử lý những sai lầm và gian trá của đồng chí, thi hành kỷ luật, đem ra tòa xét xử nếu cần.

Ông Lê Đức Anh lườm ông Mạnh :

- Anh cho như thế là có đoàn kết, là khả quan hả ?

Ông Mạnh giải thích :

- Xin đồng chí yên lòng. Đó là một tin mừng. Đồng chí đang trở thành đồng thuận gần bó đảng ta. Mọi người đoàn kết chống đồng chí, nhờ thế mà đảng có đoàn kết. Vai trò của đồng chí trở thành tối cần thiết cho sự sống còn của đảng. Xin đồng chí bảo trọng sức khỏe. Không ai thay thế được đồng chí.

Ông Lê Đức Anh xua tay :

- Thôi được, anh về đi.

Ý kiến của ông Nông Đức Mạnh cũng giống ý kiến của các vị lão thành. Sau khóa họp, họ gặp nhau tại tư dinh ông Võ Nguyên Giáp. Tất cả đều quyết tâm trừng trị Lê Đức Anh.

Cựu tổng bí thư Lê Khả Phiêu nhận xét :

- Thừa các đồng chí, xét cho cùng thì mọi đồng thuận của chúng ta đều tập trung vào việc chống Lê Đức Anh. Toàn đảng chỉ còn một đồng thuận này. Thử hỏi nếu không có Lê Đức Anh thì lấy gì để đoàn kết đảng ?

Mọi người đều "Ồ" lên một tiếng. Sau một hồi im lặng, ông Võ Nguyên Giáp nói :

- Phải giữ cho đảng bền vững. Như vậy trong lúc này chưa ai thay thế được thằng cai Anh để đoàn kết đảng. Còn nó là còn đảng, còn đảng là chúng ta còn.

Cả phòng họp lại im lặng. Một hồi lâu sau, ông Nguyễn Đức Tâm phát biểu :

Mục lục

1. Ba mươi năm, một kết luận
Thông Luận
2. Sức mạnh quân sự của Trung Quốc
Nguyễn Minh
3. Người của hòa bình và môi mọc
Nguyễn Mừng
4. Đầu tàu lui ?
Nguyễn Văn Huy
5. Cuộc chiến đấu thực sự
Nguyễn Gia Kiểng
10. Nhiệm vụ kết hợp
Nguyễn Văn Hiệp
11. Lẽ ra mất phân bộ Đông Bắc Mỹ
Nguyễn Thanh Thủy
12. Những trăn trở cho quê hương
Huỳnh An Bình
13. Về bài "Thời đại mới..." của Hoàng Tùng
Bùi Tín
15. Còn lại gì ?
Phạm Thị Hoài
17. Chuyện cung đình Hà Nội
Nghiêm Văn Thạch
18. Bánh vẽ hoàn toàn vẫn là bánh vẽ
Việt Hoàng
20. Đâu là lối thoát ?
Bùi Tín
22. Vẫn một tâm lý : một tài liệu mật của công an
26. Xứ Thanh - xứ Nghệ
Lê Văn Hảo
30. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Khủng hoảng
Đáy

- Tôi đồng ý hoàn toàn với đồng chí Võ Nguyên Giáp. Như vậy phải ủng hộ Lê Đức Anh để làm đối tượng thù ghét, giữ gìn sự gắn bó trong đảng. Nhưng tương lai sẽ ra sao khi Lê Đức Anh không còn nữa ? Hẳn đã 86 tuổi rồi.

Thượng tướng Nguyễn Nam Khánh trấn an :

- Không lo, sau Lê Đức Anh vẫn còn Nguyễn Chí Vịnh, hẳn vẫn còn trẻ, mà rủi hẳn có mệnh hệ nào thì vẫn còn Nguyễn Khoa Điềm.

Các bộ lão đồng ý ủng hộ Lê Đức Anh và sau đó Nguyễn Chí Vịnh. Nhưng ông Mai Chí Thọ thắc mắc :

- Thế thì chúng ta ủng hộ hay chống Lê Đức Anh ?

Không ai giải tỏa được thắc mắc này. Nhờ chống Lê Đức Anh mà họ gắn bó với nhau, như vậy phải ủng hộ Lê Đức Anh để duy trì đồng thuận duy nhất trong đảng.

Các bộ lão nhìn nhận là có mâu thuẫn về mặt lý thuyết. Sau một hồi thảo luận, họ đồng ý nhờ lý thuyết gia Trần Bạch Đằng giải quyết bế tắc này. Nhưng ông Trần Bạch Đằng trả lời là mâu thuẫn không những tự nhiên mà còn cần thiết vì cốt lõi của duy vật biện chứng.

Khủng hoảng tiếp tục.